

Dẫn nhập: Với cái nhìn chủ quan của người biên soạn, tuyển tập 300 tác giả và tác phẩm đơn thuần chỉ là công việc góp nhặt sỏi đá những tác phẩm tiêu biểu một thời của những tác giả tiền chiến, hậu chiến, trước hay sau 75 của hai miền Nam Bắc, trong nước cũng như ngoài nước, già hoặc trẻ, cũ hoặc mới. Tác giả và tác phẩm được góp mặt mỗi tuần theo thứ tự họ hoặc tên qua mẫu tự *A, B, C...* Xin thành thực cảm ơn những tác giả có mặt trong tuyển tập nhưng vì trở ngại thông tin, chúng tôi đã không thể xin phép quý vị trước khi đăng tải. – Ngộ Không Phí Ngọc Hùng.

\*\*\*

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Nguyễn Bản

#### Tiểu sử

Sinh năm 1931 tại Bắc Ninh – Hiện đang ở Hà Nội

#### Tác phẩm

Ba chàng ngự lâm, Trà hoa nữ, Hoa đổ quyền đỏ, Người đưa diều



#### Mục Lục

Nợ trần gian – 2

Đình thiêng – 8

Chân dung Nguyễn Bản: “Ông một mình” – Dương Hương - 12

Ánh trăng – 15

Thời chuồn chuồn cắn rốn – 20

Nhà văn Nguyễn Bản và cái "vạ" văn chương! – Trần Huy Thuận - 24

#### Phụ đính:

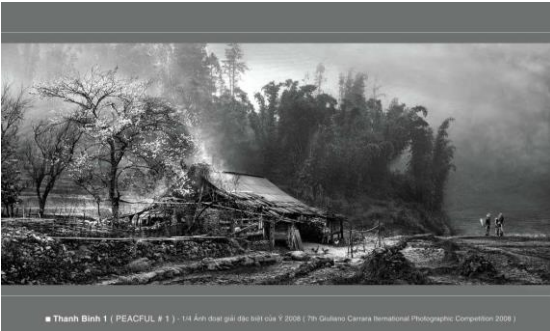
Chuồn chuồn đi đón cơn mưa - Vô ngã

Dạ hội - Tiếng roi ...- Rừng đêm cuối năm

Lại “Bóng Đè” hay thư ngỏ gửi ông Trần Huy Thuận

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Nợ trần gian



Mưa dầm dề, sùi sụt mấy ngày liền. Ngõ xóm lầy lội. Không ai muốn bước chân ra khỏi nhà, kể cả những người chuyên đi xem nhờ nhà hàng xóm. Thế mà tối, chị đội nón, khoác vải mưa lặn lội tới nhà Mận. Con trai Mận học bài xong đã ngủ rồi. Chị lặn lội tới nhà Mận để khóc. Chị leo lên giường Mận, nằm vào trong, thu người lại, nằm cò queo rồi khóc. Chị phải nằm cò queo, vì dưới chân, vướng chiếc hòm quần áo của Mận. Chị nằm cò queo, ngoảnh mặt vào tường, vì chị không muốn nhìn vào đâu cả. Chị muốn nhìn vào lòng mình, nghe tiếng mưa rơi. Chị bảo chị nhớ con, nhớ quá. Chị bảo, mưa thì mưa, mai chị cũng phải đi. Chị đến để chia tay với Mận, và chưa biết đến bao giờ mới gặp lại nhau, chị bảo chưa đi chị đã nhớ Mận, nhớ mọi người, nhớ làng xóm rồi. Nhưng chị còn nhớ con hơn. Mai chị phải đi. Con em dâu đã hẹn, nói chỉ chờ chị ở Đồng Đăng nhiều nhất là hai ngày, nếu không nó sẽ đi trước. Nó đi trước, chị sẽ không biết đường nào mà lần. Tiếng chị chưa biết nhiều, và lại tiếng mỗi nơi mỗi khác, lại không có nhiều tiền. Mọi người, bố mẹ, anh chị em, mỗi người cho chị một ít, người dăm chục, người vài ba chục, được ngót năm trăm ngàn, tính ra khoảng ba trăm tệ. Năm chục tệ, chị mang về, mới chỉ tiêu chưa hết hai chục tệ, mưa mát gói kẹo gọi là có chút quà cho bố mẹ và các cháu, thế thôi. Trung Quốc tràn trề hàng hóa, hoa quả to ngon, bổ được. Nhưng chị nghèo, nghèo lắm và còn nợ đầm đìa. Lúc về trong nhà chỉ có hơn một trăm tệ, chưa tới hai trăm nghìn tiền mình. Chồng chị bảo:

- Mà cầm về cả, ba bố con ở đây sống bằng gì?

Vì vậy, chị chỉ mang theo năm chục tệ. Con em dâu ứng tiền xe, tiền ăn đường cho chị. Nó quê ở Thái Nguyên. Nó đã bốn lần lấy chồng Tàu, hai lần ở Quảng Đông, một lần ở Quảng Tây, và bây giờ là em dâu chị. Nó về cùng chị. Nó có tiền. Nó về là để kéo người đi. Nói xui chị về kéo Mận đi - Chị kể chuyện về Mận với nó. Chị bảo Mận trắng trẻo, đẹp gái, cao hơn, đầy đà hơn và ít tuổi hơn chị. Nó bảo nếu vậy, gặp chỗ khá, có thể được mấy vạn tệ, bét nhất cũng một vạn. Nó sẽ tìm được người mua ngay. Chị sẽ có tiền trả nợ. Vợ chồng chị hiện còn nợ hơn năm nghìn. Ba nghìn chồng chị vay để mua chị. Hai nghìn vay để góp tiền làm ma mẹ chồng. Con Tị bán chị được ba nghìn, cho bà mỗi hai trăm trừ năm trăm nghìn tiền Việt đưa cho chị để biếu bố mẹ lúc ra đi, trừ tiền tàu xe đem chị sang Tàu, tiền nuôi ăn nửa tháng, tiền mời y sĩ tới chữa hen cho chị, tất cả khoảng bốn trăm, còn lại khoảng hai nghìn nó hưởng. Chị không biết ngay khi chị ra đi, Mận đón được con về, đến nay đã gần được năm năm rồi, con Mận đã học lớp tám. Nghe chị vừa khóc vừa kể lộn xộn, Mận phẫn uất ngắt lời:

- Mẹ nó, thế thì khác nào mình đi vay nợ để mua chính cái bản thân mình cho kẻ khác.

- Lúc đầu, cũng tưởng được dăm trăm nghìn đó, gọi là đền đáp chút công sinh thành của bố mẹ, bây giờ lại ngửa tay nhận lại dăm trăm nghìn mọi người cho, mà bảo có tủi nhục tao không?

Chị khóc nức lên. Làng chị như vậy đã có tới năm người sang lấy chồng Tàu. Người nọ kéo người kia đi. Làng đã nghèo, lại toàn những cảnh hẩm hiu, lở làng. Lần ấy con Tị cũng gạ Mận. Nó bảo chẳng giàu sang, phú quý lắm, nhưng cũng sướng hơn ở làng nhiều. Nó bảo nó mang về hai chục triệu. Chẳng biết đúng không, nhưng nó biếu bố mẹ hai triệu, anh em mỗi người một trăm nghìn, các cháu mỗi đứa năm chục nghìn thật.

Chị bảo như có ý trách Mận:

- Lần ấy, mày không bỏ tao vào Buôn Mê Thuột, tao cũng chẳng theo nó đi đâu.

- Chán chị chưa, em vào là để đón con em về kia mà.

Phải, Mận vào là để đón con về. Khi bố nó đem nó vào, hấn nói dối cho vào chơi ít lâu, đỡ nhớ con. Rồi biệt tăm. Hai năm sau hấn ra đòi ly hôn. Mận khóc. Hấn bảo, đằng nào cũng chót có con với người khác rồi. Hấn bảo, hấn biết tính Mận, không đòi nào chịu cảnh chồng chung, không đòi nào Mận chịu bỏ làng vào sống chung trong ấy. Hấn bảo để hấn nuôi con. Hấn có điều kiện hơn. Hơn nữa, Mận đỡ vướng, dễ lấy chồng. Nhưng chỉ một năm sau đó, hấn xác xơ khánh kiệt. Hấn thuận để Mận đón con về.

Chị thở dài:

- Cũng là cái số cả. Tao cứ tưởng mày vào, nó đỡ ngon, đỡ ngọt sẽ ở luôn trong ấy, thiên hạ bây giờ thiếu gì cảnh chồng chung. Như tao ấy, chỉ mong làm lẽ cũng không xong. Vì thế mày đi rồi, tao mới theo con Tị.

Tên chị là Bùi, đặt vẫn theo tên chị gái là Ngọt. Nhưng chưa bao giờ chị được nếm vị ngọt bùi. Số phận quá nghiệt ngã với chị. Chị đã đen, lại xấu, mắt một bên lại hơi bị nhai quẹt, lại mắc bệnh hen. Nhưng chị hiền, sỏi lỏi và tốt bụng. Mận chơi thân với chị từ lúc mười bốn, mười lăm tuổi, từng đi dân công hỏa tuyến với nhau, cùng nhau đi nhổ rau má bờ đê, đi tuốt kê cỏ về chống đói, những năm Mận làm được tới gần bốn trăm công mà chẳng được cân thóc nào, lại còn bị âm gần bốn chục cân thóc, những năm đa số dân làng sống bằng thóc rơm, rau má và kê cỏ. Hai mươi tuổi, Mận lấy chồng, tình bạn nhạt nhòa đi đôi chút. Rồi bảy năm sau xảy ra chuyện Buôn Mê Thuột, tối tối, Mận lại ra nhà chị, ôm nhau và khóc với nhau. Ngôi nhà hai gian lợp ngói móc, bố chị làm cho ở một góc vườn. Ngói loại hai, loại ba vênh váo, mưa hắt dột khắp giường, hai người nằm cạnh nhau, nghe tiếng giun đẻ và than thân trách phận.

Chị tâm sự, thật ra chị chỉ cần một đứa con. Nghèo cũng được, khổ cũng được, nhưng là đàn bà mà không được làm mẹ thì không chịu nổi. Chị bảo, chị chỉ mong làm lẽ thôi cũng được. Nhưng bọn đàn ông đều muốn vợ lẽ phải trẻ hơn, đẹp hơn vợ cả. Mà chị thì xấu quá. Muốn đi kiếm bừa của một thằng đàn ông nào đó, một lão già cũng được, nhưng cũng không nổi. Bọn đàn ông khác nhau, dưới Vạn Linh, gái ế mà lại xấu, muốn kiếm con phải mất một chỉ vàng, nhưng cũng chỉ được của thằng đánh rậm. Thật ra đã có một kẻ hỏi chị làm vợ lẽ. Trông cũng khỏe mạnh, tươm tất. Nhưng nó lại là thằng tù về. Nó trộm gà, trộm chó nhiều lần, lần cuối cùng bị bắt quả tang - Tù thì tù, chị cũng bằng lòng, nếu không, mã người như thế nó đã chẳng thèm đến chị. Mẹ chị cũng bằng lòng. Anh em chị đều bằng lòng. Nhưng bố chị không chịu. Bố chị quát:

- Bà thích con rể biếu thịt gà, thịt chó lắm phải không? Bố chị vốn chỉ là một anh đồng nát bán hàn nôi, tới một làng khác, hàn nôi cho mẹ chị, lúc đó đang là một gái góa. Ông ta làm tới gần tối mới xong, đành phải nhờ nấu cơm ăn, rồi lại nhờ đi mua rượu.

- Sao ông đưa nhiều tiền thế này.

Ông ta cầm tay cô gái góa đẩy đi:

- Cứ cầm lấy, mua cho tôi loại thật ngon vào.

Ông ta uống hơi nhiều, rồi say, đi không nổi, lão đảo ngã vào giường. Phải mất đến ba lần nhờ mua rượu, lần thứ tư, ông mới đón cô gái góa, cùng đứa con gái riêng, chính là thị Ngọt về nhà mình. Về đến nơi, mới biết hóa ra làm vợ lẽ. Nhưng trong bụng đã chót có chị rồi, và thời buổi ấy đâu có chuyện nạo hút thai dễ như bây giờ.

Mẹ chị cãi:

- Cứ làm như nhà mình danh giá lắm ấy. Chẳng qua cũng đồng nát chứ châu báu gì.

Bố chị đập bàn:

- Đồng nát có danh giá của đồng nát. Đồng nát đem đúc lại cũng thành tượng đồng, chuông khánh để thờ.

- Thì tu tỉnh lại cũng thành người chứ sao, chả khối người tù tội cũng ông nọ, bà kia.

- Hừm, bà đang dạy con cái thói nóng đít rồi đó.

- Phải, mẹ con tôi nóng đít nên mới bồng bế nhau theo ông về ăn đồng nát nhà ông. Bà khóc. Bà bù lu, bù loa đay nghiến thân phận bà. Gã đàn ông nghe chuyện chuồn thẳng. Mận thật thà hỏi chị:

- Chị bảo chị cần kiếm đứa con, sao không bảo thẳng nó, sợ chớ gì.

- Nhưng nó lại là đứa đứng đắn. Nó bảo dù lẽ, cả gì cũng phải phép tắc cưới xin, cẩn thận. Mấy tối ngồi bàn chuyện ở bờ đê, nó ngồi cách ra, ngay ngắn, không ngả ngớn, bờm xờm, nên tao sợ nó khinh cho.

Chị kể, ít lâu sau đó, một tay y sĩ về hưu, từ tỉnh bên cạnh đến lang thang chữa bệnh ở làng. Hấn đến chữa hen cho chị, vạch móng chị ra tiêm. Tuy chị đen, nhưng móng cũng trắng. Tiêm xong, hấn dạy mãi, bảo cho tan thuốc, nếu không dễ bị áp xe. Tối, hấn ăn cơm và nghỉ lại. Tờ mờ sớm, chị dậy nấu cám lợn dưới bếp. Hấn mò vào bảo ngồi sưởi ấm, đêm lạnh quá không ngủ được, rồi vật chị ra. Chị cho ngay, không phản ứng gì. Chị đang muốn thế. Nhưng không kết quả. Mà hấn lại về quê hấn mất rồi. Hấn nhắn, nếu muốn chữa bệnh hen cho khỏi hấn, thì xuống nhà hấn. Chị nghĩ nhiều lắm. Người ta còn phải mất một chỉ kia mà. Mà lại chỉ của thằng đánh rậm. Đàng này y sĩ hấn hỏi. Chị mò xuống quê hấn hỏi thăm nhà. Y sĩ nào, làng này làm gì có ai là y sĩ. à, tay y tá bị đuổi việc ấy à, lối cuối xóm kia kia. Chị chép miệng, mặc kệ, còn hơn thằng tù, đã chót đi mấy chục cây số, chẳng lẽ lại về không. Nhưng con vợ hấn đáo đẽ quá. Đêm, hấn dậy đi giải, vợ hấn cũng đi giải, hấn dậy vờ hút thuốc, vợ hấn cũng dậy vờ khát nước... Hơn một tuần, chẳng nước non gì, chị đành khăn gói ra về.

Chị bảo Mận:

- Tao xấu quá, nếu được như mày, có khối đứa thèm. Khối đứa thèm Mận thật. Đứa thì vợ đẻ toàn con gái. Đứa con gái, con trai đủ cả, nhưng vợ lại mất trắng môi thâm. Nhiều đứa ở xa cũng mò tới. Thằng chủ cá, đứa xe ôm, thằng thợ may, đứa thợ gò hàn. Mận cười bảo:

- Về bỏ vợ đi rồi hãy đến.

- Nhưng anh để em ở riêng cơ mà. Nếu cần em vẫn cứ ở nhà em, làng em.

Mận bĩu môi:

- Thôi đi, anh hãy để của quý của anh mà dùng, nhà tôi không có mả chồng chung.

Mận đuổi đi có tới cả một tá. Nhưng trong lòng, không phải Mận không ước ao, thèm khát. Đến nhà ai, thấy vợ chồng người ta âu yếm nhau, Mận thèm lắm. Mận mong gặp được ai đó. Nhưng người ấy như thế nào nhỉ. Mận đã ba mươi, đã gái xề. Mận lại nghèo, chẳng hơn gì chị. Vậy người như thế nào sẽ chịu lấy Mận. Mận không thể hình dung ra nổi người ấy. Nhiều lúc Mận cũng muốn dán thân, mặc cho số phận, đến đâu thì đến. Lắm lúc Mận như con dờ: Hai người đang nằm khóc, Mận ngồi bật dậy diễn "Súy Vân giả dại" cho chị nghe. Rồi Mận bắt chước kẻ khóc chồng. "Ới anh ơi, sao anh nỡ bỏ mẹ con em ở lại, anh đi thế này, bây giờ hồn anh lang thang vật vờ ở đâu..." Rồi Mận khóc thật, khóc như mưa. Rồi hai người lại cùng khóc. Mận nhớ con điên dại. Rồi Mận biên thư cho hấn. Rồi hấn thuận để Mận đón con về. Rồi Mận đi Buôn Mê Thuột. Và chị theo con Tị sang Tàu.

Bây giờ Mận sống vững vàng cạnh con. Con Mận đã học lớp tám. Nó đang ngủ say tí tít chẳng biết hai người nói chuyện gì. Chị hỏi:

- Nghe nói bây giờ học hành tốn kém, phải đóng góp nhiều khoản tiền lắm phải không.

- Tốn kém lắm, em đến phát sợ.

- Vậy mày xoay sở cách nào. Trông vào mấy sào lúa sao đủ được.

- Đủ nghề chị ạ. Đông xuân đi chợ cá, hè đi bán giát giường, mùa thu đi bán chè. Nhưng kiếm được dăm ba nghìn, cũng có khi một vài chục nghìn, cũng khổ nạn lắm. Mận kể chuyện đi bán chè. Mua xong, thằng thì vuốt má: "Em xinh quá!", thằng thì cầm tay "tháng sau, nhớ đến nhé". Có thằng trắng trợn thộp luôn vào ngực. Có thằng pha thử một ấm to rồi chê không mua. Mận nói luôn: một lạng chỉ được năm sáu ấm, mất năm trăm của em rồi đấy. Nó sẽ diện quần năm trăm ra trả.

- Em dứt túi liền, mẹ nó chứ, nửa quyển vở của con mình đấy.

- Đi giát giường tươm hơn phải không?

- Tươm hơn, nhưng cũng khổ nạn, lắm lúc nghĩ như mình đang ăn thịt chính mình. Mận kể, có lần Mận đạp xe đi gần bảy mươi cây số đến tận mỏ Đông Triều. Đến nơi chỉ bán được mỗi một cái. May mà ngủ, ăn cơm nhà bà Thịnh người làng, không thì tiền lãi không đủ ăn cơm hàng ngủ trọ. Hôm sau về sớm đến nông trường Sao Đỏ, Chí Linh, đành bán hòa ba chiếc, chả lẽ lại đèo về. Một lần rẽ vào một ngõ núi, một thằng mặt non choẹt hỏi mua. Mận nói năm mươi nghìn. Nó bảo: "Thôi, anh cứ trả ba năm nghìn, nếu bằng lòng mang vào lắp thử, rồi anh em mình cùng nằm thử với nhau". Mận đã định nói chua: "Tao có nằm thử thì thử với bố mày, chứ đâu với mày". Nhưng vắng vẻ sợ nó đánh, đành chửi thảm quay ra. Một lần khác, vào một làng, một thằng đòi bớt một chục sẽ mua cả hai chiếc. Nó đưa về nhà, chặt bớt cho vừa giường, lắp xong đầu đấy, nó bảo chịu tiền, tháng sau nó trả. Mận đành tháo ra định quán lại, nhưng nó giằng co, bảo nó sẽ trả lãi tháng năm phần trăm. May lúc ấy có một bà gọi cổng, hóa ra nó đóng cổng từ lúc nào rồi. Lúc Mận ra, cùng đi, bà ấy bảo: may cho cô nhé, không thì mất cả chì lẫn chài, cái thằng chó má nhất làng đấy.

- Hóa ra mày cũng khổ lắm nhỉ.

- Cũng chỉ vì con cả thôi chị ạ.

Chị cũng chỉ vì con. Bây giờ chị đã có hai con, hai con trai cả. Chị đã đạt được ước nguyện làm mẹ. Nhưng chị còn khổ hơn Mận nhiều.

Chị vừa khóc vừa kể. Đi ô-tô, hai ngày một đêm mới đến nhà con Tị. Đường hai bên toàn núi với rừng, chỗ núi đất, chỗ núi đá. Đường đi chênh vênh, vòng vèo, lúc lên cao xuống thấp, có lúc nhìn sâu hoắm phía dưới chính là quãng đường mình vừa đi qua. Đến nơi, chị lăn ra ốm, rồi lại lên cơn hen. Con Tị mời y sĩ đến. Y sĩ bảo:

- Bệnh này lâu rồi, mãn tính, có chữa, chỉ khỏi tạm thời.

Con Tị quát chị:

- Đáng lẽ bà phải bảo trước tôi chứ.

Chị nhìn nó như van:

- Hay mày đưa tao về vậy. Tiền mày đưa, chi phí bao nhiêu, tao hoàn lại tất.

Nó quát chị:

- Về bán nhà, bán vườn để trả hả. Tôi ở lại mấy tháng hay mấy năm để chờ chị bán. Chót rồi, cứ để người ta chữa cho chị. Rồi tôi đi kiếm mối. Nồi méo úp vung méo vậy. Nó đi kiếm mối. Nhưng mối nào tới xem cũng lắc đầu chê xấu quá. Cuối cùng cũng có người mua. Đó là chồng chị. Chồng chị lúc đó năm tư tuổi, hơn chị hai chục tuổi. Đàn ông Trung Quốc ngoài bốn năm tuổi là không lấy nổi vợ rồi, hơn nữa lại nghèo, lại ở nơi heo hút, cách nhà con Tị một ngày đường, lấy được vợ cũng là may rồi, giá chị có tập tễnh thọt chân cũng lấy. Đây là về sau, khi đã có con, chồng chị mới nói ra như vậy. Chồng chị có bốn anh em trai, chồng chị là anh thứ hai, con em dâu quê Thái Nguyên là vợ người thứ ba. Hai người còn lại đều lấy vợ Trung Quốc. Bốn anh em ở chung một nhà do bố mẹ để lại, ngăn vách ra làm bốn, chung cửa ra vào.

- Hôm đến có cỗ bàn gì không? - Mận hỏi.

- Cũng thật một con ngỗng, thổi xôi, cúng bái. Mấy anh em ăn ăn uống uống, vui mừng lắm, nhưng lú la lú lờng, chả biết nói những gì, chắc là trêu nhau.

Để chị bớt buồn, Mận hỏi tếu:

- Rồi tối?

- Thì nằm ườn ra đấy, mặc xác nó vằn vò thế nào thì vằn vò.

- Bao lâu thì có con?

- Được năm tháng thì có chữa. Thằng lớn bây giờ ba tuổi rưỡi rồi. Thằng bé mới hơn một năm.

- Thôi chứ? Triệt chứ?

- Triệt sản rồi.

- Nó có nói được tí tiếng nước mình nào không?

- Tao cũng dạy nó, nhưng nó chỉ nhớ được tiếng Thế mới nhớ đấy. Lúc buồn, tao dạy nó hát "Bèo dạt mây trôi... chốn xa xôi...". Nó hát: "Pèo dẹ me chuôi..." Rồi lăn ra cười: "Tiếng Việt khó lắm, không học được!" Tao điên tiết phát cho mấy cái bảo: "Nhưng mẹ mày là người Việt, mày phải nói được tiếng Việt, hát được tiếng Việt, rồi có ngày còn về Việt Nam thăm ông bà, nếu không đừng có mẹ nữa". Nhưng khó lắm, đi làm suốt ngày, thời giờ đâu dạy nó.

- Thế thì tiếng chị cũng khá rồi đấy chứ.

- Cũng phải học chứ biết làm thế nào.

- Có học chữ của nó không.

- Chữ như que, gậy, có cái trông như cái cào răng, lại mọc lên như lười câu ấy, học thế nào được, mà học để làm gì.

- Nhà có ti-vi chưa?

- Lấy tiền đâu ra mua ti-vi, ngày hai bữa cháo ngô, một bữa cơm còn vất.

- Sao bảo ti-vi đen trắng bên ấy rẻ lắm.

- Rẻ, tính ra tiền mình chỉ hơn trăm nghìn, nhưng nợ như thế, bao giờ mua được ti-vi.

- Thế mà làng mình bây giờ năm bảy nhà một chiếc, mà hầu hết là màu, tất nhiên hầu hết là màu nội địa.

- Chuyện, làng mình còn có ruộng, có nghề, ở đấy toàn núi, trồng sắn, trồng ngô thôi. Như nhà tao là chỉ có hai thước ruộng.

Mặn ngơ ngác hỏi, tưởng như nghe nhầm:

- Hai thước ư, có khác thước mình không?

- Như thước mình, hai bốn mét vuông.

- Vậy làm ăn, sinh sống thế nào.

Chị thở dài:

- Phát nương, làm rẫy, làm thuê, chứ thế nào nữa.

Ngừng một lát chị tiếp:

- Mày biết không, ban ngày khí núi bốc ra nóng hầm hập, mùa đông, ngày cũng nóng muốn cời trần, đêm thì mùa hè cũng lạnh, tối tắm vẫn phải đun nước nóng. Mỗi khi chiều xuống, bất kể mùa đông, mùa hè, trời và đất cứ tím sẫm lại, nhớ nhà ghê lắm.

- Thế thì khác gì người Dao, người Mèo của mình.

- Thì Mèo Dao thật chứ còn gì, người Choang cũng bao nhiêu giống khác nhau ấy chứ.

- Thế thì sang làm chó gì nữa. Thôi, ở nhà.

Mẹ chị, anh chị em chị cũng bảo thế. Con Tàu, chứ đâu phải con mình. ở nhà, xin đâu chẳng được đưa con đem về nuôi. Bây giờ chữa hoang, con hoang, vứt con lại bệnh viện vô khối. Ti-vi cũng nói thế cơ mà. Nhưng bố chị mắng: "Bỏ là bỏ thế nào" - Ông hàn nôi nói chữ "mẫu tử tình thâm, xui con cái chuyện thất đức".

Phải, chị bỏ làm sao được. Nó là máu thịt của chị. Nó cười, nó khóc, nó hờn dỗi chị. Nó xú xí, hôn chị, ngả gối trong lòng chị. Nó lằm chằm tập đi, bập bẹ tập nói. Nó làm chị lo âu, vui mừng, sung sướng. Nó là thế giới sinh động của chị trong cái bầu trời và đất trời miền tím sẫm kia. Sao chị có thể bỏ được.

Hôm chị về, chồng chị bảo:

gọi "mẹ ơi". Nếu gọi mẹ bằng tiếng Tàu, tao không trả lời. Thế mới nhớ đấy. Lúc buồn, tao dạy nó hát "Bèo dạt mây trôi... chốn xa xôi...". Nó hát: "Pèo dẹ me chuôi..." Rồi lăn ra cười: "Tiếng Việt khó lắm, không học được!" Tao điên tiết phát cho mấy cái bảo:

"Nhưng mẹ mày là người Việt, mày phải nói được tiếng Việt, hát được tiếng Việt, rồi có ngày còn về Việt Nam thăm ông bà, nếu không đừng có mẹ nữa". Nhưng khó lắm, đi làm suốt ngày, thời giờ đâu dạy nó.

- Thế thì tiếng chị cũng khá rồi đấy chứ.

- Cũng phải học chứ biết làm thế nào.

- Có học chữ của nó không.

- Chữ như que, gậy, có cái trông như cái cào răng, lại móc lên như lưỡi câu ấy, học thế nào được, mà học để làm gì.

- Nhà có ti-vi chưa?

- Lấy tiền đâu ra mua ti-vi, ngày hai bữa cháo ngô, một bữa cơm còn vất.

- Sao bảo ti-vi đen trắng bên ấy rẻ lắm.

- Rẻ, tính ra tiền mình chỉ hơn trăm nghìn, nhưng nợ như thế, bao giờ mua được ti-vi.

- Thế mà làng mình bây giờ năm bảy nhà một chiếc, mà hầu hết là màu, tất nhiên hầu hết là màu nội địa.

- Chuyện, làng mình còn có ruộng, có nghề, ở đây toàn núi, trồng sắn, trồng ngô thôi. Như nhà tao là chỉ có hai thước ruộng.

Mặn ngờ ngác hỏi, tưởng như nghe nhầm:

- Hai thước ư, có khác thước mình không?

- Như thước mình, hai bốn mét vuông.

- Vậy làm ăn, sinh sống thế nào.

Chị thở dài:

- Phát nương, làm rẫy, làm thuê, chứ thế nào nữa.

Ngừng một lát chị tiếp:

- Mày biết không, ban ngày khí núi bốc ra nóng hầm hập, mùa đông, ngày cũng nóng muốn cởi trần, đêm thì mùa hè cũng lạnh, tối tắm vẫn phải đun nước nóng. Mỗi khi chiều xuống, bắt kể mùa đông, mùa hè, trời và đất cứ tím sẫm lại, nhớ nhà ghê lắm.

- Thế thì khác gì người Dao, người Mèo của mình.

- Thì Mèo Dao thật chứ còn gì, người Choang cũng bao nhiêu giống khác nhau ấy chứ.

- Thế thì sang làm chó gì nữa. Thôi, ở nhà.

Mẹ chị, anh chị em chị cũng bảo thế. Con Tàu, chứ đâu phải con mình. ở nhà, xin đâu chẳng được đưa con đem về nuôi. Bây giờ chữa hoang, con hoang, vớt con lại bệnh viện vô khối. Ti-vi cũng nói thế cơ mà. Nhưng bố chị mắng: "Bỏ là bỏ thế nào" - Ông hàn nôi nói chữ "mẫu tử tình thâm, xui con cái chuyện thất đức".

Phải, chị bỏ làm sao được. Nó là máu thịt của chị. Nó cười, nó khóc, nó hờn dỗi chị. Nó xú xí, hôn chị, ngả ngốn trong lòng chị. Nó lấm chấm tập đi, bập bẹ tập nói. Nó làm chị lo âu, vui mừng, sung sướng. Nó là thế giới sinh động của chị trong cái bầu trời và đất triền miên tím sẫm kia. Sao chị có thể bỏ được.

Hôm chị về, chồng chị bảo:

- Về xem thế nào, bán đất vườn đi lấy tiền trả nợ và nuôi con.

Chị cáu tiết:

- Nợ là anh vay để mua tôi, anh làm ra mà trả. Đất vườn của tôi, tôi cứ để đấy. Nếu sống ở đây khổ quá, tôi sẽ mang chúng nó về quê tôi, về Việt Nam tôi nuôi, tôi sẽ cho nó ăn học, nó sẽ thành kỹ sư, bác sĩ, anh hiểu không.

Tới đây chị hơi vui bảo Mặn:

- Tuy vậy vẫn không giận tao đâu. Lúc bé con ra tiền, vẫn tình cảm ra phết: "Về nhà, tối tắm, nhớ đun nước nóng, kéo ốm" à, con mày có còn cuốn tập đọc lớp một không. Tao đã xin được cuốn vẫn vỡ lòng rồi. Tao sẽ mang sang dạy chúng, chúng phải nói được tiếng Việt, viết được chữ. Lần sau, tao về, có thể là dăm ba năm nữa, nhưng nó phải nói được chào ông, chào bà, xưng cháu, đọc được tên làng, tên xóm của mẹ nó, tao mới mang theo về.

Mặn biết, không ai có thể ngăn nổi chị đi, nhưng chia tay nhau buồn quá, nên gặng chị:

- Hay ở nhà vài hôm nữa, hội chùa xong rồi hãy đi.
- Thôi, tao nhớ con lắm, mà ở đây cũng đầy lễ hội, nơi càng nghèo càng lắm hội hè.
- Nhưng chị phải cẩn thận, kẻo con em dâu nó lại lừa bán chị đi nơi khác, lại mất cả con lẫn chồng, Trung Quốc bao la như thế biết đâu mà tìm.
- Không lo đâu. Tao già rồi, lại xấu thế này, không bán nổi nữa đâu.

Chị nói như mếu.

Sáng hôm sau chị đi sớm. Chị nói dăm ba năm nữa chị lại về thăm nhà. Bao giờ chị mới trả xong nợ mà về.

Mà đâu chỉ nợ tiền, những nợ khác còn nặng hơn nhiều lắm. Đến lượt Mận khóc.

## Đình thiêng

Khánh Chi, một nhà báo nữ ngỡ ý muốn tôi đưa về thăm đình làng Bình, nghe nói là một kiệt tác về kiến trúc được xây dựng cách đây gần ba trăm năm, và ngày xưa rất thiêng. Kiến trúc, tôi không sành, nghe nói là kiệt tác thì biết vậy, còn ngày xưa rất thiêng, tốt nhất hãy kể cho cô nghe ít chuyện trước khi cùng về.

Đúng là hồi bé, tôi cũng nghe nói đình làng tôi rất thiêng, nhưng hình như chỉ toàn trẻ con nói với nhau thôi, chẳng bao giờ hỏi lại người lớn xem thực hư thế nào.

Những chuyện Tây đàm về thăm đình, chạm vào đồ thờ, đều như bị điện giật, ngã lăn quay, cười nói xì xồ bị méo mồm, dòm ngó vào hậu cung bị lác mắt, mấy con đầm mặc váy ngắn quá vừa bước qua cửa võng đã bị đau bụng quặn quại nôn thốc, nôn tháo, rồi chụp ảnh, ảnh bao giờ cũng đen kịt, hoặc trắng xóa không có hình v.v...

Tất cả đều do kẻ gác đình là con chó đá đã thành tinh. Vì thành tinh nên nó có thể biến thành người. Đêm không trăng sao, nó hiện thành cụ già râu tóc bạc phơ lúc ẩn, lúc hiện. Đêm mưa nó biến thành một bà già đội nón rách, mặc áo tơi như một bà già hành khát. Đêm trăng sông, nó biến thành một cô gái trần truồng tóc xõa, da trơn như da lươn, tằm xùm xùm, ngụp lặn ở cầu ao Đình. Có đêm nó lại hiện thành một con chó bông màu trắng, đôi khi kèm theo cả một đàn bốn năm con chó con, cùng nhau đùa giỡn dưới ánh trăng. Người ta còn đồn nếu đào nó lên, phía dưới thế nào cũng có máu tươi, máu những nạn nhân của nó.

Tôi là đứa trẻ táo tợn, hơn nữa ông cha vốn ghét những thói mê tín dị đoan nhảm nhí, vậy mà cũng rợn, tuy luôn muốn thoát khỏi nỗi rợn đó. Rất nhiều lần, tôi tự thách đố mình nhất định đêm nay, mười hai giờ khuya, sẽ qua đầu đình bên kia, nơi trồng chó đá, xem có thấy gì không, nhưng vẫn không đủ sức vượt qua nỗi rợn, lần nào đi gần đến nơi cũng lạnh hết sống lưng, vội rảo bước quay lại, bỏ cuộc.

Nghĩ lại những chuyện về chó đá, tôi chỉ thương cho anh Nguyên. Anh người huyện khác, là người ở giúp việc cha tôi. Mẹ tôi bị bệnh đã mất, cha tôi bận việc buôn bán vắng nhà luôn, nhà đôi khi chỉ còn trơ lại tôi với anh, anh lại là người hiền lành, thật thà, nên tình cảm giữa chúng tôi gần bó như anh em ruột thịt. Lúc đó tôi khoảng mười hai tuổi, đang học lớp nhì tiểu học. Gọi là giúp việc, nhưng thật ra chẳng có việc gì ngoài việc trông nom tôi, cơm nước, giặt giũ, quét dọn nhà cửa. Nhà, sân rộng mênh mông, nên càng vắng vẻ, đôi lúc buồn tình, anh lại nghiêng ngao cất lên mấy câu vọng cổ: "Than ôi, thành trì sụp đổ, từ nay thôi hết mộng vương hầu..." hoặc "Quý nương ơi, quý nương ơi, sao quý nương vẫn lạnh lùng, hờ hững vò xé tâm can kẻ si tình...". Anh kể cho tôi nghe, mười lăm tuổi đã lang thang phiêu bạt vào Nam, từ Tua-ran (Đà Nẵng), qua Phan Thiết, đến Sài Gòn rồi tới tận Cần Thơ, khi làm thợ, thợ nhuộm, thợ mũ, thợ guốc, khi đi ở, khi đi theo gánh thuốc, mãi vớ, cáo chết ba năm quay đầu về núi, thà trở về đi ở, làm thuê trên đất Bắc quê hương. Vì đã phiêu bạt ở những nơi đô hội, nên anh ra dáng dân thành thị hơn là vẻ chân chất quê mùa, mặc dầu ra khỏi cổng, anh phải đeo ngay đôi



kính râm để che đi đôi mắt nhập nhèm lông quặm.

Một hôm anh kéo tôi đến ngồi vào bàn giấy của cha tôi, lấy ra một tờ giấy trắng có lẽ mua ở chợ và bảo tôi:

- Viết hộ anh bức thư.

Tôi ngoan ngoãn ngồi viết ngay theo lời anh đọc, không hề hỏi thư gửi cho ai:

Thưa quý nương.

Kể từ hôm xem tuồng ở hội đình, được gặp gỡ, chuyện trò cùng quý nương đến nay đã hơn nửa tháng trời, tôi ngày đêm mong nhớ, ăn không biết ngon, ngủ chỉ mơ màng, không lúc nào nguôi, chỉ mong chóng được gặp lại quý nương để giải bày tâm sự...

Giấy vẫn tình dài, mong quý nương lượng thứ.

Ba ngày hội đình, mặc dầu tế lễ linh đình, khói hương nghi ngút gấp bội ngày thường, nhưng không khí tháo khoán phá lệ bao trùm lên tất cả. Tất cả trẻ con, người lớn, trai gái, thanh niên đều như bị cuốn vào các trò vui: đập nôi, cờ tướng, chọi gà, đấu vật, xúc xắc thò lò, cua cá..., trút bỏ tất cả, quên đi tất cả, nhất là đám thanh niên trai gái. Trai gái các làng bên cũng đổ tới xem rất đông, chủ yếu là để xem tuồng, nhất là tuồng đêm. Sân khấu tuồng được dựng trên sân đình, ngay trước cửa võng. Cửa võng là chỗ ngồi xem của các chức sắc, quan viên. Hai bên cửa võng, trên các bậc thềm, bậc cửa sân đình, hai bên cánh gà để trống, trai gái đứng xem lẫn lộn, chen lấn, cố ý đụng chạm nhau, là lời, cợt gheo, tán tỉnh nhau nhiều hơn là để xem tuồng. Chỗ nào, xó nào cũng thắm đậm màu trần tục. Tôi còn nhỏ, không phải là không biết gì, đôi khi vô tình, cũng có khi tò mò nghe được khối chuyện nhảm nhí của lứa tuổi đàn anh. Họ tụ hội, kể lại, khoe nhau đã tán cô này, gạ cô khác, rủ đi đâu, ra điếm, ra đồng. Đến nay tôi vẫn còn nhớ có anh khoe đã ghì một cô tụa lưng vào con chó đá để hôn cô.

Cho nên việc anh Nguyễn qua hội đình đã ve vãn được ai đó đối với tôi chẳng có gì lạ.

Tôi không nhớ đã viết hộ anh bao nhiêu bức thư, sáu bảy gì đó, thư nào cũng vẫn "quý nương", sặc mùi vọng cổ, tuy thư sau có vẻ đằm thắm hơn và đã có những lời lẽ hẹn hò. Anh cẩn thận dặn tôi đừng để lộ với cha tôi, dĩ nhiên anh không cần phải dặn, không đời nào tôi lại để cha tôi biết.

Rồi một hôm, gần trưa thì phải, mọi người đổ xô ra ao đình xem có người chết đuối. Xác chết là một cô gái mười chín, đôi mươi, chỉ mặc mỗi chiếc quần cộc là quần dài cắt ngắn. Chị là chị Tơ, quê tận Gia Lâm là người ở cho nhà ông Cửu Trịnh.

Có những lời xì xào đồn đại liên quan đến anh Nguyễn. Mấy hôm sau, cha tôi gọi anh lên nhà khách, mắng:

- Mà có biết, người ta đang đồn gì về mày không?

- Người ta đồn oan cho cháu.

- Oan ư? Sao người ta lại tìm thấy thư mày gửi cho nó?

- Thư nào ạ? Cháu có biết chữ đâu mà thư từ.

- Thôi đừng cãi, không mày thì người khác, ai lại gọi là "quý nương"?... Có điều mày ở với tao ngoan ngoãn thật thà, quý em, tao cũng tiếc, nhưng mày làm tao mang tiếng.

Cha tôi thanh toán tiền công và đuổi anh.

Người ta đồn anh làm chị có thai, nên chị nhảy xuống ao tự tử. Nhưng tại sao lại chỉ mặc mỗi chiếc quần cộc, áo chị ta đâu? Không phải thế, anh ả đang hú hí với nhau trong bụi dưới ở sau đình, con chó bông bông ở đâu xô đến dớp luôn chiếc áo của cô ả tha đi. Mất áo, không dám ở trần về nhà, cô ả ôm ngực chạy ra đầm đầu xuống ao tự tử. Không phải, chị ta vừa cởi áo liền bị chó bông dớp vào cổ, khi vớt xác, cổ vẫn còn hai vết răng nanh của chó. Cũng không phải, cứ mười năm chó đá lại đòi xác người, mà phải là con gái chưa chồng, cách đây chục năm chả có một cô treo cổ ở cây đa là gì, không hiểu tại sao mấy tháng sau cây đa bị sét đánh chết. Sao sét không đánh chó đá, lại đánh vào cây đa? Biết đâu lần này không đến lượt chó đá...

Đều là những chuyện trẻ con nghe lỏm rồi kể lại cho nhau nghe, kể cả khi anh Nguyễn đã khăn gói sứt sùi ra đi. Tôi thương anh, nhớ anh. Cha tôi chưa tìm được người khác, mà người khác sao có thể được như anh, nên tôi càng buồn và càng nhớ. Buồn nhớ bao nhiêu tôi càng giận lây con chó đá bấy nhiêu, mặc dầu tôi vẫn bán tén, bán nghi về những lời đồn đại, và không phải không ngại nó. Nhưng tao chỉ sợ mày vào ban đêm, ban ngày tao không sợ, tao sẽ lừa lúc vắng người, hỏi tội mày, xem có đúng mày hại anh Nguyễn, chị Tư không. Tôi đã hỏi, đã tát, đã nhổ vào mặt nó. Tôi chờ đợi nó vật tôi. Nhưng tôi không sao, không sốt, không đau mắt, không đau bụng, không thổ máu. Rồi mọi chuyện cũng qua đi, cha tôi mượn được người làm khác, anh Lân, rồi anh May, tôi lên lớp nhì năm thứ hai (thời Pháp thuộc có hai lớp nhì), rồi lớp nhất, rồi thi đậu vào trung học ở Hà Nội, rồi kháng chiến toàn quốc, ra đi kháng chiến, chả mấy khi nghĩ tới chuyện cũ nữa.

Mấy chục năm sau, một bữa trong lúc chuyện phiếm với nhau về văn hóa đình chùa vùng quê tôi không xa Hà Nội mấy, một người lên tiếng hỏi thành hoàng một số làng ở vùng này rất lạ, nơi là một ông phó cối, nơi lại là một anh đánh giậm, một gã chết trôi, tôi cũng họa theo, nêu một ví dụ thành hoàng làng Hạ cạnh làng tôi là một người mù.

Nào tôi có biết đâu, tay giáo viên dạy Sử ngồi đấy chính người làng Hạ, hấn bật lên đốp lại tôi ngay: "Còn làng ông, làng Bình ấy, ông có biết hội đình, đồ cúng là một đôi lợn cạo, một đực một cái đặt nằm úp vào nhau như đang làm tình không?". Tôi lặng người vì quả thật đây là lần đầu tiên nghe thấy chuyện ấy, giá như hấn ít tuổi hơn tôi lại là chuyện khác, tôi có thể cho là hấn nghe hơi nói mò, nhưng hấn lại hơn tôi tới dăm tuổi, và sống quanh quẩn trong vùng nhiều hơn tôi, hơn nữa mặt hấn, giọng hấn đầy vẻ thách đố rằng tôi khó lòng bác bỏ. Cuối cùng tôi đành bậm bụng trả lời: "Được, để tôi về hỏi các cụ, mà nếu có đúng như thế chẳng qua cũng giống như việc các dân tộc Chăm, Lào, Thái... thờ các Linga, một quan niệm sơ khai tôn thờ sự phồn thực của cư dân tồn tại đã lâu đời, có thể tới hàng nghìn năm". Tuy trả lời như vậy, và từ lâu đã không còn tin vào những chuyện nhảm nhí về chó đá, Tây đằm đau bụng, ngã lăn quay... nhưng vẫn cảm thấy như bị sốc, bị chạm đến niềm tự hào về truyền thống tự do, giao lưu mở cửa, văn hóa văn minh của làng tôi.

Lẽ tất nhiên, ngay hôm sau tôi đạp xe về quê hỏi cha tôi. Khi đó tôi đã lớn tuổi, con lớn đã học cấp ba, chẳng còn bé bỏng gì nữa mà phải e ngại:

- Có chuyện đó không thày?

- Có!

Không quay lại nhìn tôi, cha tôi hơi nhíu mày lại đáp gọn lỏn, coi như việc ấy đã xong.

Thấy cha tôi không có ý muốn nhắc tới chuyện ấy nữa, nên tôi cũng chẳng tiện hỏi thêm xem tập tục ấy có từ khi nào, tồn tại đến bao giờ, khi tôi ra đời, khi tôi học xong tiểu học, tập tục ấy có còn không, hay vẫn có, mà trẻ con không biết. Liệu đấy có phải là hủ tục? Cho tới khi cha tôi mất, tôi vẫn chưa hỏi rõ ra được điều ấy.

Chỉ mới tới hôm qua thôi, khi Khánh Chi ngờ ý muốn tôi đưa nàng về thăm đình, vấn đề đó mới lại được đặt ra. Tôi quyết định gọi điện thoại hỏi người bạn cùng làng trạc tuổi tôi, cán bộ sở giáo dục về hưu tại Hà Nội. Anh vốn là đồng đội của người đã bỏ tiền của, công sức ra xây dựng ngôi đình, may ra anh biết nhiều hơn.

- A lô, Chiến à, mình đây, này tôi muốn hỏi ông một chuyện.

- Chuyện gì?

Tôi vào đề luôn:

- Làng mình có thành hoàng không, ông ấy làm nghề gì?

Anh lúng túng ờ, ờ một lúc rồi trả lời:

- Có... có đấy, có điều chỉ là một ông thần trừu tượng, biểu tượng của sự sinh sôi, mấy làng bên ngày xưa họ giễu làng mình thờ dâm thần.

Tự nhiên anh gần như nổi cáu, nói tiếp:

- Mà dân thì đã sao, ai chẳng phải dân, không dân lấy đâu ra con cháu, chả hơn thò linh tinh, một gã lang thang, một anh chột mắt ư?

Tôi kể việc cúng đôi lợn cạo và lời khẳng định của cha tôi. Anh đã dịu lại:

- Cũng có đấy, nhưng là xếp song song, chứ không phải là úp vào nhau, úp vào nhau là thiên hạ họ bôi bác.

- Thế tại sao lại không đôi lợn luộc.

- À... thì giống như hội họa hay văn chương tả thực, ông là nhà văn, ông thừa hiểu.

- Thế còn chuyện chó đá đầu đình.

- Là để nó gác đình, giống như các cụ làm nhà chôn chó đá trước cổng để canh cổng... còn những chuyện nó thành tinh, hiện hình đều là chuyện của trẻ con, đầu phải của người lớn.

\*\*\*

Nghe xong chuyện, Khánh Chi thở dài bảo tôi:

- Chuyện của anh Nguyên, chị Tư thăm quá, chú có bao giờ gặp lại anh ấy không?

Tôi gật đầu. Gặp nhau trong chiến dịch biên giới. Tôi đang công tác ở Liên hiệp thanh niên sinh viên, anh đi dân công chiến dịch. Gặp nhau hết sức tình cờ trong một quán bán bún riêu. Tôi ngờ ngờ nhận ra anh chính ở đôi kính râm anh vẫn không chịu "từ bỏ":

- Anh Nguyên phải không, em là Cương đây.

- Trời ơi cậu Cương, ra dáng thế này ư?

Chúng tôi cùng đứng lên ôm chầm lấy nhau. Anh nói đã có vợ và hai con, tản cư ở phố Lò, làm nghề bán dẹt lốp. Tôi hỏi lại chuyện cũ.

- Không phải như lời họ đồn đại đâu. Anh bác ngay. Rồi kể trước đó dăm hôm chị Tư còn nổi cáu với anh. Chị bảo nhà gọi về định gả cho một thằng nửa ngô nửa ngọng, điên điên dở dở, mỗi khi nói lại trợn mắt ngửa cổ, mồm hác hác một thôi một hồi mới rặn ra nổi mấy tiếng... nhưng nhà nó giàu. "Có lấy không?". "Sao lại không, hỏi thế mà hỏi được à, lấy nó, thà đâm đầu xuống ao chết quách còn hơn!". Rồi chị ví: "Một đêm quân tử nằm kê, còn hơn thằng ngổ vồ về quanh năm". "Thế anh có đáng mặt quân tử không?". "Còn xem có nuôi nổi không đã". "Vào Nam sống với nhau". "Vào để cùng đi ở với nhau à?". Anh bảo không lo đâu, anh đã từng làm nhiều nghề, mà trong ấy dễ kiếm việc lắm. Chị bảo để chị nghĩ xem đã.

- Người ta đồn anh chị đã...

- Đồn bậy, đồn bạ, tối đó có hẹn hò gặp gỡ gì nhau đâu.

- Thế thì vì sao... - Tôi định nói chị ấy lại tự tử nhưng không nỡ.

- Vì sao lại chết đuối ư? Cậu không nhớ tối ấy trời rất oi bức ư? Chắc đợi khuya vắng người ra ao tắm... chứ bằng lòng vào Nam với tôi rồi kia mà.

- Chị ấy có biết bơi không?

- Biết bơi... mà bị Nam rút (\*) thì cũng chết.

- Thế quần áo đâu, tại sao lại mặc mỗi chiếc quần cộc?

- Chắc quần áo thay để trên bờ, đêm đó trời nổi giông cuốn bay xuống nước, chứ ai người ta thèm lấy! Mấy lần tôi đã định lội xuống mò, nhưng sợ người ta nghi, sinh rắc rối lại thôi... Đêm khuya lại mò ra ao tắm, cứ như bị ma rui ấy.

Hay là chị ấy bị ma rui thật, tôi bỗng nghĩ đến con chó đá thành tinh. Thì ra tôi vẫn chưa hết sợ nó. Năm ấy tôi đã mười chín tuổi, đã học xong trung học.

\*\*\*

Từ Hà Nội về làng Bính chưa đầy hai chục cây số, chín giờ sáng hôm sau, xe máy chúng tôi đã về tới sân đình. Đình vắng vẻ và yên tĩnh. Một cảm giác trái ngược xảy ra ở

trong tôi, đỉnh rộng lớn và mệnh mỏng quá, càng xem lại, càng thấy tài hoa, càng trở dậy những kỷ niệm hội hè thể tục, trái lại con chó đá ngày xưa hình như nó cao ngang ngực tôi, gây cho bọn trẻ chúng tôi bao nỗi sợ hãi vu vơ, không ngờ bây giờ nó thấp bé đến thế, chưa tới thắt lưng tôi, già nua, cũ kỹ.

Tôi vỗ vào đầu nó hỏi đùa:

- Thế nào bác cún, đã phải đeo răng giả chưa?

Khánh Chi hỏi tôi:

- Liệu trẻ con bây giờ có sợ nó như ngày xưa không?

- Chắc là không, đến thời chó đá hoàn chó đá rồi.

Nói xong tôi bỗng nhớ tới câu thơ trong bài "Cái chết của con sói" của nhà thơ Pháp Alfred Vigny "Người ta vĩ đại bởi vì mi quý gối" (On est grand parce que tu te mets genoux).

## Chân dung Nguyễn Bản: “Ông một mình” Dương Hương

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình phong lưu tại làng Đình Bảng, Kinh Bắc. Cuối đời, tuổi thất thập cổ lai hy, Nguyễn Bản trở về Hà Thành sống gần với các con ông ở phường Ngọc Hà (gần chùa Bát Tháp) Ông sống lặng lẽ trong gian nhà chỉ hai mươi mét vuông. Với hai mươi mét vuông trị giá được tính bằng vàng, bằng USD ông đã tích góp bằng nhuận bút cả đời sáng tác và dịch thuật cực nhọc mới mua nổi. Ngày ngày ông âm thầm chiêm nghiệm, nhâm nhi uống từng giọt đắng, giọt cay cuộc đời bởi cái tâm cái tính trời sinh ra ông thế. Ông được học hành tử tế, khoá đầu tiên- tiền thân trường Đại học Sư phạm I ngày nay. Ông là một nhà giáo có tài, được làm thầy số học sinh nay họ đã thành ông bộ trưởng nọ, ông giáo sư kia. Là người thầy có tài, ông gặp phải cái “tai” trong vụ “nhân văn giai phẩm” tuy bị nhẹ nhưng với sự nhạy cảm mong manh của “người kỹ sư tâm hồn” đã khiến ông hiểu thấu đáo về mọi lẽ và “chột” dạ. Có lẽ cũng từ đây ông thu mình trong nỗi cô đơn. Ông chất chứa nỗi niềm về nhân tình thế thái. Ông kiếm tìm tình yêu, kiếm tìm cái đẹp trong văn. Ông quyết liệt chọn cho mình cuộc sống tự do tuyệt đối: Tự do trong sáng tác lao động nghệ thuật, tự do trong quan hệ xã hội, tự do trong đời sống gia đình riêng tư- tự do một cách nghiêm ngặt nhất, khắc nghiệt nhất. Chính vì sự nghiêm ngặt đến gần dở khiến ông cứ phải đau đầu vật vã và thao thức mất ngủ. Cách nay hơn chục năm ông về Hạ Long, tôi cảm động đón ông cùng bè bạn leo lên dốc Bờ Hòn ghé thăm gia đình tôi. (ngày ấy gia đình tôi còn ở cao tít mít, sát chân núi Bài Thơ). Tôi nhìn bóng ông chấp chới, vàng trán ông hẳn rõ nếp nhăn cuộc đời. Những nốt tàn nhang lốm đốm trên mặt, ánh mắt tro bạc nhuộm màu thời gian. Đêm ấy tôi nằm bên ông, nghe ông kể đủ chuyện văn, chuyện đời và cuối cùng chuyện gia đình: “Đã bao năm vợ chồng tứ ly thân, giọng ông buồn. Mỗi cây mỗi hoa mỗi nhà một cảnh. Đó là số phận, trời sinh ra mỗi người một tính một nét chẳng ai giống ai. May mắn cho những cặp vợ chồng nào hợp duyên hợp số được êm ấm thuận hoà. Ngược lại có nhà, cả vợ và chồng đều tốt, thậm chí cực tốt nhưng vẫn không hợp nhau, họ luôn phải sống trong dằn vặt chịu đựng và cứ tự làm khổ nhau mãi mà không sao dứt ra được. Và cuối cùng vẫn cứ phải chia tay, tứ có lẽ cũng rơi vào tình cảnh tương tự. Vợ chồng mình cũng thế, đã bao lần quyết định dứt khoát sẽ phải ra toà, nhưng rồi cứ

ngĩ lại thấy đau xót quá. Có lần tớ ốm nằm cô đơn một mình, giận bà ấy, nghĩ chuyện này dứt khoát phải ra toà. Nhưng rồi ý nghĩ ấy lại bay biến khi nhìn thấy bà ấy lặng lẽ ra vườn hái cho tớ mấy quả na, quả táo mang vào đặt bên giường tớ đang nằm. Mới chỉ thế thôi, tớ đã thấy nao nao trong lòng. Thế đấy! cậu thấy có buồn cười không? Tôi bảo ông: Không buồn cười tý nào. Thế mới là Nguyễn Bản.

Câu chuyện ông kể cứ ám ảnh tôi mãi, nó lộ rõ nỗi cô đơn khát khao hạnh phúc, khát khao được chăm sóc, khát khao được yêu của ông. Ông nhân ái và cũng yếu đuối vô cùng. Ông sống hết mình, yêu ghét cũng hết mình. Ông quyết không để mình phụ thuộc vào bất kỳ ai, bất kỳ điều gì. Ông không thể và cũng không muốn sinh hoạt trong bất kỳ tổ chức, hội đoàn nào. Ông Hữu Thịnh, chủ tịch hội nhà văn Việt Nam đích danh mời ông làm đơn vào hội, ông chỉ cười âm ừ rồi thôi. Nhiều người cứ ngỡ ông đã là hội viên hội nhà văn từ lâu rồi mới phải. Tôi mê đọc văn ông từ ngày truyện ngắn “Ánh trăng” của ông đoạt giải thưởng báo văn nghệ và sau này càng mê hơn khi được nghe ông thủ thỉ thủ thỉ kể chuyện văn chuyện đời. Về Hà Nội, lần nào tôi cũng ghé thăm ông và ăn cơm do chính ông nấu trong chiếc nồi bé tý và ngủ với ông trong gian nhà hai mươi mét vuông khép kín với những đồ vật được lưu giữ từ thời bao cấp. Từ đó, lần nào đến nhà ông, tôi đều thấy ông một mình ngồi trước bàn viết với đồng sách và bản thảo. Từ lâu lắm, tôi thậm gọi Nguyễn Bản là “ông một mình”. Trong gian nhà hai mươi mét vuông của ông thứ gì cũng chỉ có một: giường một chiếc, bàn một chiếc, tủ một chiếc...và lúc nào cũng thấy cái ông “ông một mình” này ngồi viết một mình, ăn cũng một mình, ngủ cũng một mình. Và sáng ra ông dậy rất sớm vào cái giờ thiên hạ vẫn còn say giấc nồng. Ông khẽ khàng không gây ra tiếng động sợ thiên hạ mất ngủ, nhẹ nhàng ngồi vào bàn loay hoay trước những con chữ nhỏ li ti. Ông cần mẫn, miệt mài viết và dịch. Những người không hiểu, bảo ông lập dị. Mà ông lập dị khác người thật. Tiếng Nguyễn Bản, cả cái ty giáo dục Bắc Ninh biết rất rõ lối sống khác thường của ông. Có lần ông phó trưởng ty giáo dục Bắc Ninh nghe tiếng Nguyễn Bản nhưng chưa biết người nên hỏi cô trưởng phòng chính trị: Cái ông Nguyễn Bản là ông nào? Cô trưởng phòng chính trị thản nhiên trả lời: Anh cứ nhìn thấy ông nào đến ty mặc quần soóc vá dít, đấy chính là Nguyễn Bản. Lại một lần trong lớp tập huấn của giáo viên, nghe có thứ trưởng bộ giáo dục về thăm, tất cả học viên ngồi im phắc chờ đợi ông thứ trưởng. Nguyễn Bản ngồi cạnh một ông hiệu trưởng cấp 1, cứ thấy ông ta nhấp nha nhấp nhồm mỗi lần có bóng người lướt qua cửa sổ. Ai ông ta cũng ngỡ là ông thứ trưởng đến. Khổ thế, ông ta chỉ sợ ông thứ trưởng bước vào mà mình lại đứng lên đáp lễ chậm hơn người khác. Nguyễn Bản tức cái ông hiệu trưởng quá, khi ông thứ trưởng đến, tất cả mọi người rậm rạp đứng dậy (tất nhiên cái ông ngồi cạnh Nguyễn Bản đứng lên trước tiên) Riêng có mỗi mình Nguyễn Bản vẫn ngồi thản nhiên không nhúc nhích khiến cả hội trường kinh ngạc. Nghe được câu chuyện này có lần tôi bảo Nguyễn Bản: ông cư xử thế là không phải với ông thứ trưởng. Nguyễn Bản nổi xung: Ông thứ trưởng có liên can gì trong chuyện này. Mình làm thế để khẳng định mình không cùng loài với thằng cha ngồi cạnh. Thế thôi! Không thể chịu nổi khi phải sống với những kẻ đờn hèn như thế...

Thực ra Nguyễn Bản rất hiền nhưng ông cũng lại rất “ngông” tự hào về cách sống “Sạch” của mình. Nhà hẹp nhưng tấm lòng rộng mở, ông thường xuyên đón khách văn thơ báo chí cảm quý đến chơi, các cháu sinh viên riu rít đến nhờ thầy Bản cố vấn tiếng

Anh tiến Pháp. Nhiều người nghe tiếng, đọc truyện “Ánh trắng” ngưỡng mộ, mê mẩn tài văn ông. Có người đến nhà ngõ ngang thấy ông sống quá đơn giản. Mười mét vuông khép kín với tất cả đồ vật thời bao cấp: Một giường, một bàn, một ghế, một tủ, một bếp điện thời Liên Xô cũ, một phích nước Rạng Đông và một phòng vệ sinh. Trong phòng vệ sinh toàn đồ nhựa: cũng lại một chậu nhựa rửa mặt, một chậu nhựa rửa bát, một cốc nhựa đánh răng, và một cái gáo có cán cũng bằng nhựa để đựng “tè” cho êm mỗi khi có khách ghé thăm khỏi nghe cái âm thanh “rộn rảng” vọng ra qua khe cửa. Tôi có cảm giác ông luôn bằng lòng, không mấy may phiền muộn tư hào nhòm ngó trước nhịp sống sôi động nơi phồn hoa tráng lệ của đất Hà Thành thời hiện đại. Mỗi ngày lượn ra chợ cóc bên vỉa hè sẩm bửa, tếu táo bông phèng mở lòng với mấy cô hàng rau hàng hành. Ông mặc cho thiên hạ cứ việc hưởng giàu sang phú quý, mặc cho ai đua chen chức quyền nghênh ngang xe pháo. Ông cứ sống thế xem kẻ nào coi thường ông. Ông sống lặng lẽ giữa những toà nhà cao chát ngất tầng trời, những biệt thự sang trọng kín cổng cao tường với những ông bà chủ lông lánh vàng ngọc kim cương trên người. Ông thản nhiên trước những cô chiêu cậu ấm ngồi xe máy lườn lách quệt cả vào ông mà chúng vẫn cười hô hố chẳng thèm có lời xin lỗi. Ông lắc đầu lặng lẽ nhìn chúng chui vào trong các nhà vườn quán ba đèn mờ đầy bí ẩn. Từ chùa Bát Tháp vào nhà ông qua những lối ngõ ngoằn ngoèo rẽ ngang rẽ dọc như trận đồ bát quái, ai mới đi lần đầu không thể nhớ lối ra. Bạn hữu lần đầu đến nhà, ông đều tận tình đi bộ ra tận cửa chùa Bát Tháp đón khách. Suốt bao năm qua, có lẽ chỉ thần phật trong chùa Bát Tháp mới biết ông đã có bao nhiêu cuộc đón tiễn khách văn hoặc hò hẹn bạn tình. Ông đứng giữa căn nhà mười mét vuông khép kín tự hào nói vui: Đây là căn nhà “sạch” nhất Việt Nam. Nó được mua hoàn toàn bằng những đồng tiền “sạch” của những tác phẩm “sạch” ông viết ra. (Ông thà chết đói chứ không bao giờ chịu uốn cong ngòi bút làm ra những sản phẩm “bẩn” để lấy những đồng nhuận bút “bẩn” mà khối kẻ tên tuổi thường làm. Kể cả những tác phẩm dịch ông cũng chọn lựa kỹ lưỡng. Thích thì ông dịch, ông không thích, nhà xuất bản có đặt hàng ông cũng không dịch. Ông dịch vì tư tưởng của tác phẩm chứ không phải vì tiền. Ông dịch văn học nước ngoài cũng là để văn học trong nước được mở mang khai phóng hơn. Chứng minh cho lời ông vừa nói, ở vào tuổi 77 mà trong năm qua (2007) ông cho ra mắt bạn đọc những 6 đầu sách cả dịch, tái bản và sáng tác mới: Hai tập truyện ngắn “Đường phố lòng tôi” và “Mặt trời đồng xu” Ông tặng tôi liền một lúc hai tập tiểu thuyết “Đỗ Quyên đỏ” của nữ nhà văn gốc Trung Quốc ANCHEEMIN sống ở Mỹ và “Người đưa điều” dày 477 trang của KHALED HOSSEINI còn thơm mùi mực.

Từ những năm thập niên 90 tôi được đọc một loạt truyện ngắn của ông in khắp nơi từ “Ánh trắng” đến “Bức tranh màu huyết thạch” “chuyến ly hương cuối đời” và gần đây nhất là truyện ngắn “Thời chuồn chuồn cắn rốn”. Truyện nào cũng đầy ắp nỗi lòng, đau đáu yêu thương, khát khao hạnh phúc. Văn ông tinh tế, ý tứ sâu xa mang tầm tư tưởng lớn thời đại. Ông yêu đắm đuối cái đẹp của ánh trắng, cái đẹp của “làn da chi” cứ ám ảnh đeo đuổi làm khổ ông suốt đời (truyện ánh trắng). Bi kịch, dữ dội và đau đớn, với nhân vật ông Tư, một cán bộ chống Pháp luôn mơ tưởng một cuộc sống tốt đẹp, ông thành thật, vụng dại, khờ khạo vô cùng. Ông là Tư, đặt tên các con là Tường, Đạo, Đức, những ước mong chúng có được một tương lai tươi sáng, nhưng cuối cùng ông phải đi làm “Đĩ đực” (Chuyến ly hương cuối đời). Chí và Thân lẽ ra phải là một tình bạn chí cốt họ đã từng chơi với nhau từ cái thời còn tấm trường, họ đã từng cứu nhau thoát chết

đuổi trong thùng đấu- cái thời “Chuồn chuồn cắn rốn” ấy...Nhưng rồi điều gì đã khiến họ khác xa nhau đến vậy? Khác xa nhau cả về tư tưởng, lối sống và nhân cách, khác nhau về mọi phương diện cho dù họ sinh ra cùng một làng quê, cho dù đã từng chết hụt trong thùng đấu từ cái thời chuồn chuồn cắn rốn. Gặp lại nhau sau bao năm xa cách, ngỡ phải ôm chầm lấy nhau, đấm thùm thụp vào lưng nhau, nhắc lại những kỷ niệm cái lần chết hụt trong thùng đấu thời chuồn chuồn cắn rốn. Ai ngờ vừa gặp nhau Thân đã hỏi: Cậu đã người của đoàn thể chưa? (Thời chuồn chuồn rốn) Thật bẽ bàng, nhạt nhẽo cho cái tình đời. Nguyễn Bản quả sâu sắc. Ông viết cứ như không, như chơi mà cuốn hút lạ kỳ. Tất cả những tư tưởng ông gửi vào các tác phẩm đều toát lên tấm lòng nhân hậu, bao dung và nỗi day dứt và sự phẫn nộ về những trái ngang, giả dối và đốn hèn. Với ông, quan trọng nhất, khó khăn nhất của con người là giữ được nhân cách. Sống nhân cách, viết nhân cách. Thà chết chứ không uốn cong ngòi bút. Tự do đến tuyệt đối, bản lĩnh và trung thực đến tận cùng, yêu và đam mê đến cuồng si, chân chất giản dị đến tuềnh toàng. Khát khao và cô đơn đến cùng cực- Tất cả- tất cả mọi cảm xúc cứ lặng lẽ âm thầm sáng lên trong căn nhà bé nhỏ hai mươi mét vuông của “ông một mình”. Ngôi nhà nằm giữa đất Hà Thành sôi động, ngổn ngang trăm bề của thời hiện đại.

## Ánh trăng

Hai lần tôi ly hôn và giờ đây vẫn độc thân. Tại tôi tất cả hay phần nào tại chị? Chị hơn tôi năm tuổi, họ ngoại xa với tôi, theo luật hôn nhân bây giờ có thể lấy nhau. Chị đẹp lắm, vì vậy lắm lời đồn đại những chuyện trăng hoa. Bố mẹ mất sớm, mười bốn tuổi chị đã xuống Hải Phòng làm thuê cho một hiệu tạp hóa, người cùng làng.

Mùa hè năm 1944, Hải Phòng khó sống, chị về làng ở với dì ruột. Thành thạo chị đến nhà tôi chơi. Tôi mới ở tuổi thiếu niên mà đã ngẩn ngơ trước sắc đẹp của chị. Chị thường mặc áo lụa màu mỡ gà, ít khi vấn tóc, mớ tóc đen mượt chảy dài như suối qua đôi vai tròn và đầy đặn xuống sau lưng chị. Mỗi khi nói, chị thường hơi líu ríu, líu ríu nhưng giọng lại rung lên trong ấm lạ thường. Khi chị cười, mà chị thường luôn cười, tất cả mặt chị đều cười, miệng cười, mắt cười, đôi mắt đen cong lên, tóc và vai cũng cười theo. Da chị nõn nà, da và lụa như lẫn vào nhau, những đường cong lượn lên trên quần áo như đang chuyển động. Tạo hóa như không hề có chút khiếm khuyết nhỏ nào trên khuôn mặt và cơ thể chị.

Một hôm, chị bảo nóng quá, tối xuống ngủ ở nhà tôi. Cha tôi không ưa chị, không nói gì. Nhưng mẹ tôi vốn dễ dãi, bảo nhà rộng mát, chỉ có ba người, một dãy phản bỏ không, cả chục người đến ngủ còn rộng. Tối chị đến, hình như vừa tắm gội xong. Tóc chị xổ ra để hong khô, thoang thoang mùi hương sả và từ da chị vẫn còn tỏa ra thứ xạ phòng thơm ngậy như mùi phấn rôm. Bố mẹ tôi buôn bán, cũng có cửa, một mình tôi một chiếc màn tuyền trên phản gỗ lát gần ba chiếu, ở nhà trên năm gian hướng đông. Bố mẹ tôi ngủ ở nhà khách hướng nam. Chị mặc bộ đồ lót lụa, chẳng để ý gì đến tôi, coi tôi như trẻ con, mặc dầu tôi đã mười ba và đã đậu xéc-ti-phi-ca (1). Đã thế chị còn trò chuyện với tôi như không, mãi rồi mới ngủ, còn tôi thì bồn chồn xao xuyến trong lòng. Nhà hướng đông, nằm sát bậc cửa, ánh trăng tràn qua màn tuyền tưới lên mái tóc và cơ thể chị. Chị nằm nghiêng, quay về phía tôi, khuôn mặt tuyệt đẹp hơi ngửa lên như hứng trăng, hai tay vươn ra như đang đón ai, đôi nọ áp hờ đôi kia, hơi thở nhẹ nhàng. Từ người chị tỏa ra mùi phấn rôm và ánh trăng cũng như tràn ra từ đấy.

Tôi xao xuyến không hiểu từ làn da mịn màng của chị, hay do ánh trăng, hay do mùi phấn, hay tất cả đã hòa quyện cùng nhau, thậm chí tôi không còn phân biệt đâu là màu lụa, đâu là ánh trăng, đâu là da thịt chị. Tôi như không còn biết mình là ai nữa, đắm đuối, mải mê, hồi hộp nhìn chị, đôi lúc nhìn lại thân thể da thịt mình buồn nản thấy mình vô nghĩa.

Mãi tôi mới chớp mắt được, nhưng rồi cứ chớp chờn, thỉnh thoảng lại mở to mắt xem chị có thực không, còn ở bên tôi không hay đã biến mất. Tôi chợt ngủ, chợt thức, một lần bỗng rùng mình nhận ra đôi chị mịn như nhung, lúc ấm, lúc mát, gác lên đùi tôi. Tôi để yên không dám cựa quậy, sợ chị rút chân về.

Lúc này trăng đã ra khỏi nhà. Tất cả chỉ còn nhờ nhờ, càng làm tăng cảm giác về làn da chị. Tôi không rõ mình ngủ thiếp đi lúc nào, nhưng chắc chắn, khi tôi bắt đầu thiếp đi, đùi chị vẫn còn trên đùi tôi. Sáng ra khi tôi choàng tỉnh, chị không còn bên nữa. Tôi vùng ngay dậy tìm chị, xem tất cả mọi chuyện đêm qua là thực hay hư. Chị đã rửa mặt và đang chải tóc.

Chị cười bảo tôi:

- Đêm qua chị ngủ ngon quá. Mà sao em hay nói mê thế?

- Thế à? Em nói mê những gì.

- ừ ừ, ừ ừ... nhưng hình như có lần gọi chị.

- Chị có thừa không?

- Em đang ngủ biết gì mà thừa.

Không thấy chị đến ngủ nữa, tôi hỏi chị, chị bảo, hôm nào thật nóng và có trăng mới đến. Rồi tôi nghe phong thanh người ta làm mối cho chị một người làm khăn mũ. Sau đó là đám cưới của chị. Cũng may lúc chị cưới tôi đã ra học ngoài Hà Nội, nếu không tôi sẽ buồn. Từ đấy gặp bất cứ người đàn bà đẹp nào tôi thường cũng đem so, nhưng chẳng ai có thể so với chị.

Hè năm sau, tôi nghe chị đã có con, nhưng được mấy ngày con chết và khoảng sau Cách mạng Tháng Tám, chị bỏ chồng, xuống buôn bán ở tỉnh Nam. Mỗi năm tôi càng bước nhanh sang tuổi thanh niên, cùng với những biến đổi của giới tính, tôi càng hay nghĩ đến chị, đến cái đêm trăng chị ngủ cạnh tôi.

Tôi đã học cùng bao nhiêu bạn gái, cùng lớp, dưới lớp, hầu hết con ông nọ, bà kia, chẳng ai có thể so với chị, trừ một cô con một ông phán, học dưới tôi hai lớp, khá đẹp, tôi đem lòng si mê ít lâu, nhưng tất cả mọi nét riêng, nét chung đều không thể nào vượt mà, hoàn chỉnh như chị, kể cả nước da cô có phần trắng hơn, hồng hơn, nhưng không thể lẫn vào lụa và trắng như da chị. Đôi lúc tôi lẩn thẩn tự hỏi, nếu như bây giờ chị lại nằm cạnh tôi, hắt trắng ra như thế, tôi sẽ làm gì, tôi có dừng lại mặc cho đùi chị gác lên đùi tôi để tận hưởng làn da vừa ấm vừa mát hay không. Tôi, một học sinh chuyên khoa đã mười tám, mười chín, tương đối đẹp trai? Tôi có còn cảm thấy mình vô nghĩa nữa không?

Mãi tới năm 1952, một lần đi công tác, tôi mới lại gặp chị. Gặp chị giữa đỉnh đèo Khế. Tôi từ phía Sơn Dương về. Chị từ phía Cao Vân sang. Chị mặc áo phin nâu, gánh đôi tay nải.

Chị nhìn thấy tôi trước:

- Cậu Hoàng!

Tôi cũng nhận ra chị ngay, mấy ai có dáng người đẹp như thế.

- Chị Vân!

Chị ngỡ ngàng nhìn tôi:

- Cậu lớn quá rồi, lại xinh trai nữa.

Không còn gì bằng được khen như thế, từ nay với chị, tôi không còn là trẻ con nữa.

Như một chàng trai thực thụ, tôi rủ chị tới ngồi nghỉ dưới một bóng cây bên vách núi rìa đường.

- Cậu vẫn đi học đấy chứ?



- Em thôi rồi, em đi công tác. Tôi khoe luôn đã đi công tác cho oai, cho chị biết tôi đã là người lớn.

Ai ngờ chị lại hỏi tôi:

- Cậu đã học hết lớp sáu rồi đấy nhỉ?

Thế đấy, tôi nóng cả mặt, tôi đã học xong tú tài, đã công tác ở một ban huấn học một cơ quan trung ương; chị vừa khen tôi xinh trai, lại hỏi tôi như thế, tất nhiên chị chẳng hiểu nghĩa lớp sáu thế nào, nhưng dù sao chị vẫn có phần coi tôi bé nhỏ, trong khi tôi vẫn hằng xao xuyến mỗi đêm có trăng lọt vào giường tôi, mà lại gặp nhau tình cờ giữa nơi thơ mộng ở rừng núi này. Tôi hơi giận, không trả lời chị. Đã thế chị còn cho biết chị đã lại lấy chồng, hai vợ chồng hiện ở Đồng Bẩm, Thái Nguyên.

- Anh ấy làm gì? - Tôi hỏi số sàng.

- Anh ấy cắt tóc.

Tôi hết giận, bỗng thấy thương chị, sao tạo hóa trở trêu, một tạo phẩm tuyệt mỹ như thế, cứ đặt vào những tình cảnh éo le.

Tôi nhìn chị, chị lại còn đẹp hơn xưa, vẻ đẹp hoàn chỉnh của người đàn bà đã phát triển đầy đủ. Chiếc áo phin nâu càng làm tôn lên phần gáy trắng xanh thon thả, mắt chị càng như đen hơn.

Tôi buột miệng:

- Chị đẹp thế, sao không kiếm một người xứng đáng, thiếu gì người?

Chị thở dài:

- Các cụ bảo hồng nhan đa truân.

Tôi lại càng thương cảm chị hơn. Sao tôi không phải là người khác họ, không lớn tuổi hơn, hoặc ít ra bằng chị? Tôi đang nghĩ vẫn vợ thì một chiếc hen-cát từ phía Cao Vân bay xoẹt qua đầu. Chị hoảng hốt ôm chầm và dúi đầu vào ngực tôi. Một chiếc nữa xoẹt qua. Tôi vòng tay ôm lấy chị như để che chở, thầm mong những giây phút này kéo dài. Nhưng chúng không quay lại. Chị gỡ tôi ra, búi lại tóc, chỉ nghĩ đến máy bay, không hề hay biết mấy phút vừa qua, một bên vú chị đã ép chặt ấm nóng trên ngực tôi.

- Thôi, chị em mình đi đi, chị thấy bảo nó bắn mấy người chết ở đèo này rồi đấy. Chợt nhớ ra điều gì, chị hỏi tôi:

- ở chỗ cậu có bị sốt rét không?

- Có, nhưng em chưa bị. Chị mở tay nải, bên trong là thuốc tây, dầu con hổ, xà phòng thơm, v.v... lấy ra một tuýp pa-u-đrin 100 viên đưa cho tôi:

- Cậu cầm lấy uống phòng, không bị vàng da như ký ninh vàng đầu.

Tôi miễn cưỡng cầm, và khi chị đi khỏi, tôi cúi kính vứt tung xuống vực. Tôi cần gì cái thứ ký ninh đáng này. Hòa bình lập lại, tôi lại gặp chị ở Hà Nội. Chị đã lấy một người chồng khác, làm nghề thợ may ngồi chợ. Chị ở sâu mãi tít trong một ngôi nhà ở ngõ Hàng Cháo, phòng chị ở rộng chừng 15 mét vuông, vốn là công trình phụ. Thỉnh thoảng tôi vẫn đến chơi với chị. Mỗi lần đến với chị về, gần như tôi lại thay đổi người yêu. Có lần xuýt nữa tôi đã ngủ với một cô. Một cặp đùi và hông màu nâu hồng tuyệt đẹp, nhưng ngực hẹp và đôi vú nhỏ rất không cân xứng. Tôi lại nhớ đến dáng chị nằm như bơi trong trăng. Thế là tôi không ham muốn nữa. - Anh thử em đấy thôi. Và tôi kéo quần áo lại cho cô. Rồi tôi thôi không đến với cô.

Ba mươi tuổi tôi vẫn chưa lấy vợ. Chị giục tôi:

- Cậu cứ kén mãi, già mất thôi.

Rồi chị kéo tôi ra tủ gương, đứng sát vào người tôi:

- Thấy chưa, cậu già hơn chị mất rồi. Chị cứ đứng sát vào tôi như thế, nhìn gương, nhìn tôi, mớ tóc đen dày chảy như suối trên vai chị, đôi mắt đen như nhung cong lên, như thách đố. Và mùi phấn rôm. Tại sao vẫn cứ mùi phấn rôm? Mùi phấn rôm làm tôi nhớ tới ánh trăng. Tôi nhắm mắt lại.

- Kia, cậu làm sao thế?

- Em hơi chóng mặt.

- Thế à, chị lấy dầu cho.
- Chị thoa lên thái dương tôi. Dầu làm nóng bừng hai bên thái dương, nhức nhối.
- Thôi, em về đây.
- Đừng, nhớ sao dọc đường thì chết.
- Không sao, em ra đường thoáng hơn.

\*\*\*

Tôi lấy vợ rồi tôi bỏ vợ. Chị hỏi tôi:

- Tại sao cậu bỏ vợ ấy?
- Có nói chị cũng không hiểu được. Chị cười, dí vào trán tôi:
- Chắc lại phải lòng cô nào chứ gì? Đẹp trai lại học cao như cậu là hay tề lắm.
- Vâng, nhưng lại phải lòng người có chồng rồi.
- Dở dắn, thiếu gì người, phải đâm vào chỗ nạ dòng, để chị tìm cho, chị mà ưng, cậu cũng phải ưng.
- Chị tìm cho tôi thật, ba bốn cô, nhưng làm sao chị biết được người tôi muốn lấy phải như thế nào. Rút cục tôi vẫn lấy, rồi tôi lại bỏ, do không bao giờ tìm thấy cảm giác về làn da vừa ấm vừa mát khi xưa. Chị cảnh cáo cho tôi và chị:
- Xem ra đường nhân duyên chị em mình đều vất vả như nhau.
- Vâng, nhằm cửa lung tung cả. Nói rồi, tôi nhìn chị xem chị hiểu thế nào. Hình như chị lại hiểu khác, chị bảo:
- Như cậu ngày xưa phải lấy được con quan.
- Còn chị, đáng ra chị phải là vợ một ông bộ trưởng. Chị cười, máng yêu tôi:
- Chị nói thật tình, còn cậu lại trêu chị.
- Em không trêu đâu, chị còn đẹp hơn bà Máccốt (2) đấy.

Lời tôi nói thiêng một nửa. Chị trở thành cấp dưỡng cho một ông bộ trưởng. Chuyện đó xảy ra khoảng thời gian đầu sơ tán chống Mỹ.

Tôi đến nhà chị, tức tối:

- Làm gì chẳng làm, sao lại nhận cái việc ấy?
- Thế cậu bảo chị làm gì? Văn hóa chẳng có, chữ nghĩa dăm ba câu, trước còn chạy chợ nhì nhằng, bây giờ sơ tán, làm gì?
- Tự chị đi xin à?
- Chán cậu, chị biết đằng nào mà lần, mà tự dưng ai dám đến những chỗ ấy, một bà ở thực phẩm thấy chị cẩn thận, sạch sẽ, giới thiệu cho đấy chứ.
- Thế bà ta đâu, bà bộ trưởng ấy, thường thường các ông ấy luôn dành tiêu chuẩn cấp dưỡng cho vợ mình kia mà.
- Bà ấy đi sơ tán với các con, thế mới đến lượt mình.
- Ra chỉ mình họ cần tránh bom đạn thôi ư?... Rồi yên, bà ấy về thì sao?
- Lúc ấy hãy hay, cứ biết làm là làm đã.

Chợt nghĩ đến việc vợ con ông ta đi sơ tán cả, đầu óc tôi tối sầm. Tôi mười ba tuổi còn ngần ngại trước sắc đẹp của chị. Chẳng lẽ tôi là một ngoại lệ? Chẳng lẽ ông ta, một ngoại lệ nghịch đối?

- Chỉ mỗi mình ông ta ở nhà thôi à?
- Có bảo vệ nữa chứ. Chị nói vậy, tôi nhẹ nhõm đi một chút, nhưng rồi vẫn băn khoăn:
- Chị ăn uống luôn ở đấy chứ?
- Chị về ăn ở nhà, mình làm gì có tiêu chuẩn ăn ở đấy... Mà sao cậu cứ cật vấn mãi chị thế? Điều tôi vẫn giữ, chợt nổ tung ra:
- Là bởi vì em không thích chị làm cấp dưỡng cho ông ta, thế thôi
- Rồi tôi làm nhảm:
- Nếu em có quyền, em sẽ cấm chị, nếu em hơn tuổi chị... nếu em...

- Chị biết rồi...  
- Chị nói bằng một giọng như người có lỗi.  
- Nhưng ông ta tốt lắm...  
- Tôi thì kém gì họ, thậm chí học vấn còn hơn họ, tâm hồn tự cách, chắc ai hơn ai. Tôi vừa nói vừa vung văng bỏ về. Bẵng đi mấy tháng tôi không đến chị, nhưng tôi đâu có được thư thái. Tôi nghĩ ngợi lung tung. Nghĩ tới các ngoại lệ. Tôi suy diễn đủ chuyện. Rút cuộc tôi vẫn phải mò đến chị, chị hơi đẩy ra, trắng hơn, càng đẹp, nhưng hơi buồn. Chưa bao giờ tôi trông thấy chị buồn. Với tôi, mắt chị bao giờ cũng cười, lần này mắt chị không cười. Chị buồn buồn hỏi tôi:  
- Sao lâu cậu không đến chơi?  
- Độ này em bận.  
- Bận hay giận chị?  
Chị nghĩ tôi giận nên buồn ư? Tôi chả còn mong gì hơn thế nữa. Tôi cố tỏ ra không phải tôi giận chị. Nhưng chị vẫn ít khi cười nữa. Khi cười, khi ưu tư. Về phía tôi, tôi cũng đắm ưu tư về nỗi ưu tư của chị. Khoảng một năm sau, tôi thấy chị đeo cái vòng ngọc cẩm thạch. Cánh tay chị như cánh tay vũ nữ, chiếc vòng ngọc càng làm cho nõn nà hơn. Tôi lạnh lùng hỏi chị:  
- Chị mới mua à? Chị không trả lời câu hỏi mà lại giơ cánh tay lên hỏi tôi:  
- Cậu bảo có đẹp không? Tôi bực mình:  
- Đẹp là ở cánh tay chị ấy, đâu phải cái vòng, nó vướng thêm thì có. Từ đó tôi ít đến chơi.

Mấy năm sau nữa, lúc bác nam đã thống nhất, chị khoe chị được thưởng phiếu nghỉ ở Sầm Sơn và hỏi tôi đã lần nào đi Sầm Sơn chưa? Tôi trả lời bằng một giọng hờn dỗi, pha chút mỉa mai:

- Đi Sầm Sơn là phải có đôi, tôi có đôi đâu mà đi!

Sau đó mấy hôm, một buổi sáng, tôi đang đạp xe trên đường Phan Đình Phùng, một chiếc vôn-ga đen lướt nhẹ qua tôi. Tôi vô tình nhìn vào trong xe. Nhưng xe lướt nhanh quá, tôi chỉ thoáng thấy người đàn bà ngồi ở ghế sau, tay đeo vòng ngọc tỳ lên cửa kính, cánh tay nõn nà như tay vũ nữ. Ngồi cạnh tài xế, ghế trước là một người hơi trán, không rõ mặt, chỉ rõ chiếc kính râm và cái gáy u lên những mỡ. Từ đấy tôi chỉ còn gặp chị trong ánh trăng. Mỗi khi trăng tràn vào trong màn, tôi lại tưởng như chị nằm nghiêng, quay về phía tôi, đùi khép hờ, hai cánh tay vươn ra đón tôi. Tôi nghe thấy như chị bảo:

- Cậu trẻ con quá!

- Đến bao giờ chị mới thôi coi em là trẻ con?

- Thì đã có lần nào cậu là người lớn đâu!

Tôi có yêu chị không? Chưa bao giờ tôi hỏi mình như vậy. Và có hỏi cũng khó trả lời. Tôi có yêu chị không hay tôi chỉ muốn tìm yêu một người như chị? Nhưng nếu tôi đã khẳng định không ai có thể so với chị, phu nhân tổng thống cũng không bằng, bao giờ tôi mới tìm được một người như thế?

Tuy nhiên tôi vẫn đi tìm trong ánh trăng, ánh trăng từ chị hắt ra đêm hôm ấy, cái đêm tôi còn làm một thiếu niên trong trắng, ngây thơ, ánh trăng và mùi phấn rôm làm tôi xao xuyến, chơi vui mãi trong đời.

Và chị có cho là tôi yêu chị không?

## Thời chuồn chuồn cắn rốn



Nhẽ ra, phải, nhẽ ra, chúng tôi phải là đôi bạn chí thân. Tôi là Chí, hẳn là Thân, hai cái tên do bố mẹ đặt cho theo ý riêng, mà có lúc tưởng như tạo hóa sắp đặt. Thân ở ngõ trên, tôi ở ngõ dưới. Thân bằng tuổi tôi, học dưới tôi một lớp, còi cọc hơn tôi, chơi với nhau từ thời con nít, bảy tám tuổi gì đó, có lần suýt nữa đã đồng sinh đồng tử với nhau. Tôi vẫn nhớ như in cái lần ấy. Chúng tôi chưa biết bơi, mặc dầu đã cho chuồn chuồn chúa cắn rốn dăm bảy lần.

Lần ấy chúng tôi rủ nhau ra tắm ao cuối ngõ. Khoảng hai ba giờ chiều, xung quanh vắng tanh không một bóng người. Ao nông, lội ra tận giữa ao, nước chỉ đến ngực. Chúng tôi dắt tay nhau, nhích dần từng bước nhỏ, tiến về phía bờ bên kia chẳng hiểu để làm gì, hơn nữa bờ bên kia là một vạt đất hoang, cây cối um tùm, đầy rắn rết, ít khi có người sang. Nhích dần, nhích dần, nếu nước sâu thêm đến cổ, sẽ dắt tay nhau quay lại. Nhưng đáy ao vẫn bằng phẳng, nước vẫn không quá ngực. Được hai phần ba ao, bỗng tí ụp, cả hai nhào xuống thùng đấu (\*), rời nhau ra.

Sau này, mỗi lần nhớ lại, tôi vẫn không hiểu tại sao chìm ngằm dưới nước sâu tôi lại làm được cái điều kỳ lạ là quờ quạng dưới đáy rồi lần ra bờ thùng đấu, còn tay kia không quên khua khoắng kéo được cánh tay Thân, cùng leo lên. Ấu cũng là cái số không chết bởi xung quanh nào có bóng ai để biết mà ra cứu. Bản năng sống, hay còn phải trả nợ đời, hay tạo hóa muốn ban tặng chúng tôi một kỷ niệm khó quên, chỉ biết rất mừng, tuy bị uống nước ao khá nhiều. Nhưng rất lạ là cả tôi và Thân sau đó chẳng bao giờ nhắc lại với nhau chuyện cũ, và cũng chẳng bao giờ tắm lội cùng nhau nữa. Rồi thì tôi cũng biết bơi, chỉ mấy tháng sau thôi, đũa biết bơi dạy đũa chưa biết bơi, lúc đầu bơi úp mặt, rồi bơi ngửa, rồi bơi được thật sự tuy chỉ dăm bảy mét. Còn Thân, vì không cùng tắm lội, có biết bơi không, tôi không biết và cũng chẳng bao giờ hỏi.

Tuy vậy, thỉnh thoảng vẫn chơi với nhau. Đêm, đốt đèn rủ nhau đi bắt dế chọi. Dế của tôi bao giờ cũng thua. Rồi chơi bi, chơi đáo. Cũng vẫn thua. Tôi nhớ một lần chơi đáo ngay ngoài ngõ nhà tôi, tôi thua khá nhiều. Chiều đã tắt nắng, anh Lân, người giúp việc của nhà tôi gọi tôi về ăn cơm. Mẹ tôi đã mất, cha tôi có việc buôn bán phải đi vắng mấy hôm, nhà chỉ có mỗi hai anh em, anh phải chăm nom, cơm nước cho tôi. Tôi không về, bảo chơi thêm mấy ván để gỡ. Nhưng càng gỡ càng thua. Anh sốt ruột lại ra gọi tôi. Tôi vẫn không chịu về. Mỗi khi đi vắng, cha tôi thường cho tôi một ít tiền. Thua gần nghìn túi, mất tới hơn một hào, một hào là mười xu, mà thời đó một xu mua quả trứng vịt. Trời lại sắp tối rồi, thấy thế, anh Lân bảo:

- Để tao chơi hộ nó.

Thân không đồng ý. Anh trợn mắt:

- Mà định ăn non à?

Anh chơi hộ. Và chơi gian. Khi dùng xu cái đánh xu con lên khỏi vạch tít, anh quét tay hất xu con lên, bách phát bách trúng.

- Ê, chơi quét tay à?

Anh ngửa bàn tay dí tận mắt nó:

- Đây, mà xem, có lấm đất không?

Được ba ván, gỡ được ba xu, nhìn vẻ mặt Thân, vừa ám ức vừa cam chịu, tôi bỗng thấy áy náy, liền bảo anh:

- Thôi, không chơi nữa, em đói lắm rồi.

Lúc ăn, tôi bảo anh:

- Anh đã chơi gian, lại còn bắt nạt nó.

Anh cười:

- Không thể, ôi hết cơm à?

Năm chín tuổi, tôi thi đỗ bằng sơ học yếu lược, cái bằng giữa cấp tiểu học, to gần cỡ giấy A3 bây giờ, phải có nó mới được thi lên lớp nhì, và cũng phải có nó mấy ông phó lý (chắc tuổi bố tôi, ngồi thi cùng phòng với tôi) mới đủ điều kiện chạy chân lý trưởng, cũng là năm Thân thôi học. Chẳng hiểu có phải tại bị lưu ban hay không, nhưng Thân bảo tôi:

- Bỏ tớ bảo, sĩ, nông, công, thương, nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ.

Thân thôi học, tạm thời ở bậc nhì, nhưng rồi có ngày lên bậc nhất. Còn tôi cứ biết việc là phải đi học, trốn học, lười học là ăn đòn, chứ đâu nghĩ nổi sâu xa đến chuyện nhất nhì.

Chúng tôi vẫn chơi với nhau, dĩ nhiên ít hơn trước, không phải do Thân thôi học, vì trước đó khác lớp, lại ngõ trên, ngõ dưới, có bao giờ rủ nhau đi học đâu, mà vì tôi đã có những bạn mới, cả ở làng khác đến học, cho nhau mượn sách mượn truyện, và tôi bỗng sinh ham đọc truyện, linh tinh đủ loại, sách hồng, trinh thám, dã sử v.v... Thân hỏi tôi học hành thế nào, có khá không, tôi bảo cũng khá, thằng Ty Vắn con ông Cai Khiếu và Ty Tiến con ông Thơ Tiến, ngồi hai bên vẫn phải coi bài của tôi. Ty Vắn xui tôi che bài đừng cho Ty Tiến coi, sẽ cho tôi chiếc sáo nhỏ xíu bằng gỗ vẫn đeo vào chân chim bồ câu ngày hội thả chim, để tôi gắn vào điều. Còn Ty Tiến lại hứa cho tôi bức tranh Quan Công cầm long đao, nếu tôi che bài với Ty Vắn. Nghe kể, Thân bảo:

- Mỗi Quan Công thôi thì chán chết, nhà tớ có hẳn bức Đào viên kết nghĩa có đủ bộ ba Quan Công, Lưu Bị, Trương Phi.

Tôi bỗng nghĩ đến chuyện tôi và Thân cũng đã từng sống chết có nhau dưới chiếc thùng đấu, biết đâu chả trở thành kết nghĩa đào viên, liền gạ luôn:

- Đổi cho tớ đi.

- Đổi lấy gì?

Tôi nghĩ một lúc rồi bảo:

- Năm cái đĩa nhỏ, được không?

- Đĩa là cái gì?

- Như cái đĩnh ba ấy, để ăn bánh ngọt, trái cây, khỏi phải cầm bản tay.

Nói rồi, tôi về ngay lấy đĩa cho Thân xem. Chả là cha tôi đã lấy vợ kế. Trước bà buồn cốc, tách, ấm trà, thìa đĩa... ở thị xã Ninh Bình. Hàng tồn, bà mang theo về xếp đầy tủ chè nhà tôi. Loại đĩa nhỏ có tới mấy chục chiếc cắm đầy hai bên chiếc cốc trong tủ.

Thân mân mê mấy chiếc đĩa, nhìn tôi, phân vân, rồi gật đầu đồng ý. Tôi chờ mấy tuần, rồi mấy tháng sau vẫn chẳng thấy Thân đem tranh lại. Tôi nghĩ, hay là nó nói hươu nói vượn, hoặc thấy ở nhà ai đó, chứ thật ra không có. Tôi chẳng đòi lại đĩa, nhà tôi còn khối, còn nó cũng lờ đi như không hề có chuyện gì. Giá nó nói với tôi một câu, bịa ra cũng được, bố nó không cho đổi, sẽ trả lại đĩa, rồi không trả cũng có sao đâu. Tôi với nó, đã khi nào to tiếng với nhau mà ngại.

Nhưng từ đó, chúng tôi ít chơi với nhau hơn, mà có chuyện gì để nói, bi, đáo, dể chọi, tôi không chơi nữa, vì đã lớn hơn. Chúng tôi như đã ở hai miền khác nhau. Tôi lo chuyện học hành thi cử, vui chơi đã có cắm trại, học hát, diễn kịch, nghe thầy giáo kể chuyện Ác-xen Luy Panh vào giờ giải trí thứ bảy hằng tuần, còn Thân lo nhất nông nhì sĩ theo định hướng của bố, ông Mười Bí, Mười là tên tục của ông, còn Bí là tên của chị cả Thân.

Rồi tôi thi đỗ vào trung học, ra Hà Nội học. Đang học năm thứ nhất thì ngày 9.3.1945 Nhật đảo chính Pháp. Tôi đã mười bốn tuổi, đã từng đọc những sách loại như Vợ ba Đề Thám, Chuyện Cô Giang..., cha tôi trước đó thường đọc thơ Phan Bội Châu cho tôi nghe nên lúc này, trong lòng tôi bỗng nổi lên cái gì đó, khuấy động tôi, là cái gì, tôi cũng không rõ nữa, có thể chỉ như chuyện "chuồn chuồn cắn rốn", nhưng lòng ham muốn biết bơi là có thực.

Hết năm học, về quê nghỉ hè, phong trào Việt Minh gần như công khai ở làng tôi. Những đêm trăng sáng, các đội tự vệ rình rịch đi tập quân sự ở mấy bãi tha ma sau làng. Báo Cứu Quốc bằng giấy giang màu xanh nhạt dán công khai ngay đầu ngõ nhà tôi. Tôi muốn làm một việc gì đó. Giá ai đó tìm đến tôi. Không ngờ tìm đến tôi lại là Thân. Thân rủ tôi ra chỗ bụi tre vắng cuối ngõ, ngay bờ ao chúng tôi suýt chết đuối ấy, đưa bài Tiến quân ca cho tôi chép, rồi dạy tôi hát: "Đoàn, quân Việt Minh đi, chung lòng cứu quốc...", Đoàn, ngắt hẳn ra chứ không liền Đoàn quân Việt Nam như bây giờ. Thân còn nói, cờ của Việt Minh màu đỏ sao vàng năm cánh, năm cánh là sĩ, nông, công, binh, thương.

Tôi hỏi:

- Ai phổ biến cho cậu?

Thân hơi mỉm cười, về bí mật:

- Người của đoàn thể.

Chỉ có thế, chả có gì thêm nữa. Rồi một hôm Việt Minh làng tôi tổ chức đoàn biểu tình sang Phú Ninh (Ninh Hiệp bây giờ) chống Nhật thu thóc, tôi đánh liều vác con dao dài chuôi sừng, lưỡi chạm hoa văn hai mặt, của cha tôi đi theo mà không thấy có Thân. Rồi tối 17.9.1945 trước tổng khởi nghĩa hai ngày, Việt Minh làng tôi tổ chức biểu tình thị uy, cướp chính quyền, tôi cũng đi theo hô đến khản cổ "Đả đảo", "Muôn năm", vòng đi vòng lại suốt các đường chính trong làng, quá khuya mới giải tán, cũng không thấy Thân. Tôi hơi lạ, nhưng không hỏi, rồi nghĩ bụng hay là Thân bị bố cấm.

Hết hè, tôi lại ra Hà Nội học tiếp.

Tháng 12 năm 1946, tôi cấp sách đến trường, cho tới khi sân trường Chu Văn An (nay là trụ sở Bộ Tư pháp ở đường Trần Phú) vắng tanh, chỉ còn thấy mỗi thầy Phong (tàu) và thầy Thái (cò). Hai thầy vẫy tay bảo tôi về mà đi tản cư. Tôi không về quê, lòng những muốn ở lại tham gia kháng chiến. Tôi đã sang tuổi mười tám, đang lớn như thổi. Cha tôi sai người ra gọi tôi về. Tôi về người không, không mang theo quần áo, sách vở gì, định bụng xin cha tôi ít tiền rồi lại ra. Nhưng hôm sau giặc chiếm Gia Lâm, tắc đường. Bốn hôm sau, toàn quốc kháng chiến. Gia đình tôi đi tản cư. Tôi không đi, vừa để trông nhà, trong nhà còn nhiều đồ đạc, hàng hóa chưa thuê chuyển đi được, vừa để tham gia việc gì đó với dân quân, gác đêm chẳng hạn. Một hôm, Thân dò xuống nhà tôi rủ tôi chơi bài xì. Ở nhà một mình, cũng buồn, sách vở để hết ở Hà Nội chẳng có gì xem, dân quân thì chưa đủ tuổi, tôi nhận chơi và lại thua, thua đau. Mất hơn hai chục đồng, gần hết số tiền cha tôi để lại cho tôi tiêu và mua thức ăn hằng ngày. Đây là lần gặp nhau cuối cùng trước khi gặp lại gần chục năm sau.

Hơn nửa tháng sau, xảy ra trận mồng ba tháng ba âm lịch đầu năm 1947 mà dân làng tôi đã đặt vè: "Mồng ba tháng ba, thịt gà trôi nước, biết thế này cúng trước hôm qua...". Trận tấn công đầu tiên khốc liệt, có cả hai chiếc máy bay Sprit-fire uy hiếp và súng cối, đại bác hiệp đồng. Mười hai du kích hy sinh, mấy dân thường bị giết. Riêng xóm tôi, giặc không vào nổi, nhưng bị trả đũa một trận cối và đại bác dữ dội trước khi rút. Khi đã yên, tôi ra chỗ cổng xóm, nơi tôi đã cùng dân quân gác đêm, nơi giặc không vào nổi và còn vớ được mảnh xương hàm có nguyên răng bị bắn vỡ và bỏ lại. Tôi còn thăm một số cổng khác nữa, vẫn không thấy Thân đâu, chắc đã theo gia đình đi tản cư.

Sau trận ấy, cha tôi về bắt tôi đi học tiếp, vì ngoài vùng tự do kháng chiến, một số trường trung học đã mở. Năm 1950, đang học dở bán tú tài, kháng chiến bước sang giai đoạn chuẩn bị tổng phản công, học sinh chuyên khoa chúng tôi, người thì ghi tên vào

lục quân khóa 6, người thì đi công tác, tôi cũng đi công tác thanh niên và năm sau chuyển sang ngành sư phạm, dạy học tận Hà Giang.

Cuối năm 1956, lúc tôi đã tốt nghiệp đại học và đang dạy tại một trường cấp ba, em gái tôi đến mời về dự lễ cưới của nó tại thành phố Nam Định. Lúc đó nó là công nhân nhà máy dệt. Nó bảo tôi:

- Anh sẽ gặp anh Thân đấy. Anh ấy là chấp hành công đoàn ở chỗ em.

Thì ra năm 50, lúc tôi đi công tác thanh niên, cũng là lúc Thân vào làm công nhân dệt vải quân nhu ở Quyên, Thái Nguyên, không "nhất nông nhì sĩ" nữa, mà đã đứng vào hàng ngũ giai cấp tiên phong.

Hôm cưới em gái tôi, gặp nhau, Thân cười, vẫn cái cười dè dặt, phân bua như khi xưa chơi bài với nhau, rồi hỏi tôi:

- Chí đã người của đoàn thể chưa?

Thật ra, chưa bao giờ tôi thấy Thân có cái cười thoải mái, hết lòng, hết cỡ, vô tư, nhưng cái cười sáo mòn, nhảm chán và câu hỏi lạc lõng ấy vẫn làm tôi sững người và trả lời cộc lốc:

- Không!

Rồi hết. Tôi cứ ngỡ phải ôm chầm lấy nhau, đấm thùm thụp vào lưng nhau, nhắc lại thời "chuồn chuồn cắn rốn", nhắc lại cái thùng đấu, Tiến quân ca, rồi hỏi nhau gần mười năm qua sống ở những đâu, công tác gì, vợ con thế nào rồi... Ai ngờ lại bẽ bàng đến thế. Lại hai năm nữa mới lại gặp nhau, khi đã về hưu cả. Thân sau lên quản đốc phân xưởng, rồi được đi học chính trị ở Hà Nội, được giữ lại trường làm phó phòng hành chính, về hưu với mức lương cán sự năm. Thân về làng ở. Tôi vẫn ở ngoài thành phố, năm vài ba lần về thăm làng, và cha tôi đã mất, anh em mỗi người về hưu ở một tỉnh, chẳng còn ai. Lần nào về chơi cũng ghé thăm Quắc, cũng cùng tuổi, ở ngay cạnh nhà tôi và lần nào cũng gặp Thân đang ngồi chần chạ ở đấy. Họ thanh minh, cò con thôi, được thua nhiều nhất chỉ mấy chục nghìn, chỉ là giải trí. Thân, đầu nhỏ như chiếc gáo dừa, lơ phơ mấy sợi tóc bạc, mắt thường đỏ ngầu, thường chỉ liếc nhìn tôi, rồi lại cắm mắt xuống những quân bài.

Một lần, mọi người vừa chơi xong, giữ tôi ngồi lại nói chuyện. Vài người hỏi chuyện viết văn dịch sách của tôi, có kiếm được không. Tôi bảo cũng mất ngủ lắm, nhưng lương hưu đủ ăn, nên cũng để dành được ít tiền mua được mấy chục mét vuông đất trong ngõ hẹp, làm được ngôi nhà nhỏ đủ ở, không phải ở nhờ người quen nữa. Một người khen tôi ngày xưa học giỏi. Tôi thanh minh:

- Chẳng qua nhà tôi có điều kiện hơn, không phải vất vả như các ông, chứ ở điều kiện như tôi, có khi các ông giỏi bằng mấy.

Chả hiểu sao tự dưng Thân hứng lên, hồn nhiên khoe:

- Ông cụ nhà tôi thông minh lắm nhé, thuộc lâu từ đầu đến cuối truyện Kiều.

Chẳng hiểu ông Mười Bí có thuộc lâu ba nghìn hai trăm năm tư câu Kiều thật hay không, nhưng nghe Thân khoe, tôi bỗng nhớ một hôm cháu nội tôi, được mẹ đèo, vừa chân ướt chân ráo về đến nhà đã vội khoe:

- Ông ơi, hôm nay Minh đến trường sớm nhất!

Rồi lại nhớ tiếp lâu lắm rồi, nhân nói về chuyện học, tự nhiên cha tôi phì cười kể:

- Ngày xưa ông Mười Bí học chữ nho cụ Hương Tráng, dốt quá bị cụ đánh luôn. Ông ấy tức, bắt một con châu chấu bỏ vào bao diêm, rồi hờ khóc "Ói Hương Tráng ơi là Hương Tráng ơi", không thèm học nữa.

Và bây giờ con ông đang khoe ông thông minh, chỉ thiếu nước ca ngợi ông sáng suốt "...hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ".

Nhẽ ra... Không, chúng tôi khác nhau nhiều quá. Những kỷ niệm xưa có lẽ chỉ là kỷ niệm của riêng tôi, Thân không có kỷ niệm.

Nhưng cũng chỉ là kỷ niệm của một thời "chuồn chuồn cắn rốn".

## Nhà văn Nguyễn Bản và cái "vạ" văn chương! Trần Huy Thuận

Vạ là một danh từ, nói về những tai hoạ bỗng dưng ập đến cuộc đời một người, một nhóm người, buộc họ phải gánh chịu một cách oan uổng. Cùng miêu tả điều oan trái đó, còn có danh từ "vạ vệt" và động từ "vạ lây". Đó đều là những tai hoạ không may, không do "đương sự" chủ ý gây ra. Nói một cách khác, đương sự không phải là kẻ "chủ mưu" hay "tác giả" của những sự việc, vấn đề... trực tiếp gây nên cái "vạ" đó. Có vạ nhỏ, nhưng cũng có vạ tày đình. Vạ nhỏ - chẳng nói làm chi: Con người ta vốn sớm nhận thức, "Đời là bể khổ" mà!. Vạ tày đình thì "gánh" chịu hết cuộc đời, có khi. Thầy giáo, nhà văn Nguyễn Bản là một người như thế.

Nguyễn Bản sinh năm 1931, tại Bắc Ninh. Mười tám tuổi theo học trường Sư phạm Trung cấp Trung ương trên chiến khu Việt Bắc. Hai năm tuổi tốt nghiệp khoa văn Đại học sư phạm Hà Nội, cùng khoá với nhiều người sau này trở thành những nhà văn, nhà giáo "tên tuổi"; được phân công về dạy ở trường cấp III Hàn Thuyên Bắc Ninh - tỉnh nhà. Là cán bộ kháng chiến, lại dạy giỏi, lại viết văn hay, lại "hào hoa phong nhã" nữa, nên Nguyễn Bản rất được đồng nghiệp, bạn bè và học sinh yêu mến, kính trọng. Và anh đã lọt mắt xanh một người con gái diễm kiều, để chỉ một thời gian ngắn sau, hai người nên duyên vợ chồng.

Hạnh phúc của họ chắc sẽ êm đềm trôi trong cõi mơ, nếu như đất nước không xảy ra vụ "nhân văn giai phẩm"! Đây là một vụ án văn chương - chính trị, mà những người chủ chốt sau một thời gian bị kết tội, bị treo bút, bị đầy ải,... đến nay hầu hết đã được "trả lại" danh dự, công việc, lương lậu,... Trong đó có nhiều người đã được trao tặng những giải thưởng cao quý! Còn kẻ bị vạ lây thì sao?

Nguyễn Bản là một kẻ bị vạ lây. Đó là điều hoàn toàn có thể khẳng định, bởi anh chưa bao giờ là thành viên của nhóm "nhân văn giai phẩm", cũng không hề có bài đăng trên các báo ấy. Anh chỉ mê một số bài viết của họ. Từ mê, anh lại muốn truyền cái cảm thụ đó của mình cho đám học sinh thân yêu. Thế là trong một lần cao hứng, sau khi giảng xong bài thơ "Ta đi tới" của Tố Hữu, Nguyễn Bản đã "ngoại khoá" cho các học trò của mình nghe bài thơ "Lời mẹ dặn" của Phùng Quán. Ai đó đã tố cáo chuyện ấy lên trên. Thế là một bản án không thành văn giáng xuống đầu thầy giáo trẻ - "một cú đòn âm", như cách gọi của nhà văn Hoài Anh. Nguyễn Bản không chống cái gì và cũng không a dua theo ai để chống bất cứ một ai. Thấy bài thơ "Lời mẹ dặn" có tứ hay, thì anh thích và muốn truyền cái thích ấy cho mọi người, thế thôi. Ngay từng câu từng chữ trong "Lời mẹ dặn" cũng chẳng hề chứa chút nội dung "chống" nào cả, ngoài chống thói đối trá, thiên thẹo:

*Con ơi một người chân thật  
Thấy vui muốn cười cứ cười  
Thấy buồn muốn khóc là khóc.  
Yêu ai cứ bảo là yêu  
Ghét ai cứ bảo là ghét  
Dù ai ngon ngọt nuông chiều  
Cũng không nói yêu thành ghét  
Dù ai cầm dao dọa giết  
Cũng không nói ghét thành yêu.*



Theo cách nói của dân gian, cái tội vạ lây ấy của Nguyễn Bản, là thứ vạ miệng - do cái miệng gây nên!

Sau đó, Nguyễn Bản vẫn được hành nghề dạy học, nhưng là dạy bỗ túc cho cán bộ, rồi về "hưu non". Là sinh viên khoa văn khoa đầu, được đào tạo bài bản để trở thành người thầy cho các nhà văn, nhà báo sau này, Nguyễn Bản còn là người có năng khiếu văn chương và dịch thuật như ta biết; vậy mà cái "đòn âm" đã loại anh ra khỏi cả cái chân "hội viên" Hội văn nghệ địa phương! Người bạn đồng môn thân thiết thời nhỏ, tuy không được học hành đến nơi đến chốn, lúc ấy đang làm chức lãnh đạo cấp cao của tỉnh, nhưng đã không những không có được cái đức của Dương Lễ đối với Lưu Bình - Nguyễn Bản, mà còn muốn bạn cũ "mở mắt" ra mà xem, đừng tưởng cứ có học vấn cao là muốn gì cũng được đâu! Rồi đến cái cú cánh cuối cùng là hạnh phúc gia đình, cũng tiếp tục bị vạ lây: trước sức ép của đời sống quá khó khăn, sức ép của dư luận về tội ảnh hưởng "Nhân văn giai phẩm" của chồng, người vợ anh đã không chịu đựng nổi: Nàng đang là "đối tượng" phấn đấu về mặt chính trị, nàng lại không có được cái cốt cách quý báu của Bội Trâm, người vợ yêu của Phùng Quán, người đã hết lòng cùng chồng gánh chịu mọi tai họa, mọi khó khăn - và có thể nói không quá rằng, không có Bội Trâm, chắc không thể có một Phùng Quán như chúng ta đã biết. Vợ Nguyễn Bản tỏ ra rất bất mãn với việc làm của chồng, liên tục dằn vặt, dẫn vật anh. Cuối cùng, để "giải thoát" cho nhau, sau nhiều ngày tự đấu tranh tư tưởng, Nguyễn Bản đã lặng lẽ chia tay vợ, để lại cho chị và các con toàn bộ nhà cửa, tài sản, ra đi tay không! Tìm đến tá túc nhà bạn tại một ngõ hẻm suốt mấy chục năm trời, cho đến tận những năm chín mươi của thế kỷ trước, mới may mắn được cô con gái lớn thương tình, cố gắng gom góp, vay mượn mua cho bố mảnh đất mười mét vuông cạnh nhà mình và cất cho ông một gian nhà mà nhà thơ Nguyễn Khôi đặt tên là "Hộp diêm"! Khi ấy nhà văn của chúng ta đã bước qua tuổi sáu mươi! Vậy là từ ấy Nguyễn Bản được về sống bên con cái, được con cái chăm sóc, không còn cô quạnh trong túp lều ở nhờ bạn bè nữa. Cuộc đời ông như vậy, kể ra cũng là "có hậu"!

Đằng đằng chịu cái gọi là "đòn âm" mấy chục năm trời, Nguyễn Bản vẫn không rời cây bút: Văn chương như cái nghiệp chướng, quấn chặt cuộc đời anh. Anh là một "cây viết" truyện ngắn có cá tính, để lại nhiều dấu ấn trong lòng bạn đọc. Nguyễn Khải nhận xét truyện "Ánh trăng" của anh như sau: "... được viết bởi cây bút lão luyện nên nó giản dị, nó thật, đọc lời thoại mà như sờ nắn thấy người". Nguyễn Khôi, nhà thơ đồng hương thì đánh giá: "Ở Nguyễn Bản, ta có cảm tưởng anh đang nối tiếp dòng của Thạch Lam với "Gió đầu mùa", chỗ khác của Nguyễn Bản là những cuộc tình thường éo le, trác trở...."[1]. Một số truyện của ông đã được dịch ra tiếng nước ngoài. Nhưng Nguyễn Bản không chỉ sáng tác, mà còn dịch thuật. Anh từng tâm sự: "Tôi đã từng dịch thuê "tạp nham" đủ loại bằng tiếng Anh như: tài liệu kỹ thuật, những truyện trinh thám cho NXB Công An như Vụ giết người trên chiếc thuyền hoa, Những kẻ giết người bệnh hoạn, Trước toà pháp đình để kiếm tiền"[2]. Dù sáng tác hay dịch, cây bút Nguyễn Bản cũng luôn thể hiện là một người tài hoa và có trách nhiệm; đau đầu với đời, hướng về những lớp người nghèo khó, lam lũ. "Vì sống khá lặng lẽ tại một ngõ nhỏ của Hà Nội nên văn của ông phẳng phát cô đơn, tiềm ẩn xúc cảm số phận con người trong đường đời, đường tình"[3]. Cuộc đời đã tạo nên tính cách anh, với một tâm hồn vị tha và khép kín.

Những người trực tiếp làm báo "Nhân văn giai phẩm" giờ đã kể còn người mất, nhưng thầy đều đã được đắp đền bằng những giải thưởng này giải thưởng kia. Còn bao nhiêu kẻ vạ lây như Nguyễn Bản, vẫn cô đơn cày cuốc trên mảnh vườn văn chương gập ghềnh sỏi đá. Giá như hồi ấy anh có một vài bài đăng trên báo Nhân văn hoặc tạp san Giai phẩm, chắc có khi anh cũng được xét tặng một cái gì đấy. Thậm chí còn được ai đó

bỏ tiền ra, thuyết phục anh để họ được mua tác phẩm của anh như đã từng làm với Hữu Loan[4], chưa chừng!

Bây giờ đã là những tháng cuối của năm sát kề thập niên thứ hai thế kỷ hai mươi mốt. Không còn mấy thời gian nữa, Nguyễn Bản sẽ vào tuổi "bát thập". Sức viết, sức sáng tạo của anh vẫn rất tràn đầy, với rất nhiều dự định. Chúng ta sẽ còn được đọc từ anh nhiều tác phẩm mới, kể cả sáng tác lẫn dịch thuật. Đây không chỉ đơn thuần là lời chúc, mà còn là sự trông đợi. Chắc chắn là như thế! ./.

9/2009  
(NGANG QUA CUỘC CHƠI)

\*\*\*

**Phụ đính:**



## Chuồn chuồn đi đón cơn mưa

Thành rửa tội là đồ bội bạc và vung tay tát tôi. Nếu bội bạc thật, có lẽ tôi đã chịu để Thành tát, có khi lại nhẹ người hơn. Nhưng tôi đâu có bội bạc. Tôi vẫn yêu Thành. Giá vợ tôi biết rõ chuyện tôi tăng tị với Thành mà tát tôi, tôi sẽ giơ nốt má kia cho vợ tôi tát. Nhưng tôi tin chắc vợ tôi nếu có biết chuyện cũng sẽ chỉ khóc và đấm thùm thụp vào lưng tôi. Tôi đã từng khoe với mọi người là vợ tôi chỉ biết khóc rồi lại cười, chứ không biết cáu gắt với tôi. Tôi không nói ngoa. Sự thật đúng là như thế. Thế mà Thành cứ nằng nặc đòi tôi phải bỏ vợ và lần ấy, gần như tới hậu thư, rồi định tát tôi. Tôi bắt lấy cánh tay Thành dằn mạnh xuống và nghiêm mặt:

- Không được hỡn.

Thế là tan.

Cũng may không phải là tan nát.

Tuy vậy tôi không khỏi buồn và thấy bơ vơ chống chèo. Mấy tháng trời liền lúc nào cũng cảm thấy bơ vơ. Tôi không làm nổi việc gì cho ra hồn. Mưa là thấy buồn, gió cũng thấy buồn. Nắng sáng cũng buồn. Nắng chiều càng buồn hơn. Một màu áo, một kiểu tóc, một cặp đùi trên xe lướt qua hao hao giống Thành đều gợi buồn cho tôi. Vợ tôi hỏi:

- Anh làm sao thế?

Tôi giật mình như mình bị bắt quả tang:

- Không, có sao đâu.

Vợ tôi cười nhìn tôi rất ý nhị:

- Em lại ngỡ bị ai bắt mắt hèn.

Tôi cũng gượng cười đáp lại:

- Anh dễ bị ma đưa lối quỷ đưa đường đến thế sao?

Vợ tôi dí tay vào trán tôi, lắc đầu cười tiếp:

- Trông cái mặt có điều không kia. Nhưng thôi, đừng có đưa ma vào trong nhà ăn cỗ là được rồi.

Đấy, vợ tôi như thế mà lại bảo tôi bỏ ư? Rồi còn hai đứa con tôi nữa chứ. Chúng nó đang học đại học. Phá nát một gia đình như thế về sự mất nét của mình ư? Tôi chỉ coi việc đó là sự mất nét, tôi không coi đó là sự hư hỏng, vì tôi vẫn yêu và quý trọng vợ tôi, tôi không phá gia đình. Khi nghĩ đến sự mất nét, tôi cũng như nhiều người đàn ông khác thường tìm mọi lý lẽ để tự bào chữa, thượng vàng, hạ cám, cao thì là chuyện của các bậc vua chúa, một số danh nhân, thấp tới các vị lái xe, thậm chí một số chủ quán thịt chó, kể cả gã chủ quán thịt chó to lớn, tôi đã từng vào ăn, mà vợ gã lần lượt đưa cả hai em gái mình vào làm vợ bé của gã.

Tất nhiên, Thành trẻ hơn, học vấn rồi vị trí xã hội đều hơn vợ tôi. Nhưng sau mỗi lần vào Sài Gòn chung chạ với Thành về, hoặc mỗi lần Thành ra, vụng trộm gặp gỡ ở nhà nghỉ với nhau, tôi luôn cảm thấy có lỗi với vợ tôi, những khi đó tôi thường âu yếm, chiều chuộng vợ tôi hơn rất nhiều, khiến nhiều khi vợ tôi cũng lấy làm lạ và bảo tôi đồng bóng. Bảo sao cũng được, đồng bóng cũng được, miễn là tôi đỡ ân hận. Giá như tôi có thể nói với vợ tôi: “Anh có lỗi với em, nhưng anh không thể chừa được, em phạt gì, anh cũng chịu”.

Thật ra, tôi cũng có lỗi với Thành. Tôi không dám nói thẳng thừng với Thành rằng không đời nào tôi bỏ vợ tôi. Mỗi lần Thành đặt vấn đề tôi bỏ vợ, tôi chỉ ậm ừ khất với Thành, hãy để từ từ để tôi lo liệu sắp xếp mọi công việc cho ổn thoả, vì đó không phải là một việc đơn giản và chính Thành cũng phải công nhận như thế vì Thành đã từng là người trong cuộc, trước khi quen tôi, rồi yêu tôi, để bỏ được chồng Thành cũng phải mất ba năm.

Thành lôi tôi đi xem bói, nhờ một giáo sư sử học bảm số tử vi xem xung hay hợp - Thành kéo tôi đi lễ chùa để cầu xin phù hộ cho tình yêu của chúng tôi, tôi đều vui vẻ chiều Thành. Thành giục tôi:

- Anh cũng lễ đi chứ.

Lễ thì lễ, tôi gượng gạo vái mấy vái, và ngượng với chính tôi, thú thật từ bé tôi vốn đã ghét thói bói toán tử vi, mua thần bán thánh, cầu xin những pho tượng vô tri vô giác, dù có được sơn son thếp vàng lại, hay đã long sơn. Tôi chiều Thành vì tôi đang say mê trò ái tình. Chúng tôi như một cặp nghệ sĩ trình diễn trò ái tình hết vở này sang vở khác, thật ăn ý, với đủ loại thủ pháp ánh sáng, âm thanh, trên đủ mọi loại sân khấu. Đôi khi

chúng tôi lại hỏi nhau chúng ta đang diễn vở gì vậy? Đồi nhào lộn trong rạp xiếc? Cặp múa đôi trên sân băng hay vũ điệu Lam-ba-đa. Chúng tôi yêu nhau hay là mê muội nhau, hay như hai con bạc khát nước chỉ có được mà không thua ván nào. Có lúc Thành hỏi tôi:

- Anh bảo da thịt em như có mùi bơ?

- Đúng vậy, nó ngầy ngậy béo như mùi bơ, lại hơi khét như mùi tóc cháy, hơi mang vẻ hoang dã, khiến nó mê hoặc anh.

- Vợ anh có thể không?

- Anh xin em, đừng đem vợ anh ra lúc này.

Có lẽ tôi đã hét lên: "Im đi, đồ phù thủy". Nếu Thành hỏi tiếp tôi câu nữa. Và chừng như cũng biết thế là thô bỉ, Thành ôm lấy cổ tôi, nũng nịu:

- Đùa một tí đã cáu rồi.

ít nhất, hai tháng một, tôi phải kiếm có công tác, hoặc tạo một giấy mời nào đó, dự một hội nghị này nọ, bay vào Sài Gòn với Thành. Về phía Thành, cũng gần như thế để ra Hà Nội với tôi. Mỗi lần Thành ra, tôi đều đến nhà nghỉ với Thành tận mười hai giờ đêm mới về nhà. Nhưng Thành không chịu, bắt tôi phải ngủ lại đây với Thành, không được về ngủ với vợ tôi. Khởi đầu sự trục trặc ở chỗ đó. Tôi không thể chiều Thành và nói thẳng không thể nêu gương xấu đi qua đêm cho các con tôi. Hôm sau bao giờ Thành cũng tra tôi có chuyện gì với vợ tôi không. Thành cũng nói thẳng một khi đã cất công ra đây với tôi, Thành không muốn chia sẻ tôi cho ai, kể cả vợ tôi.

Càng ngày Thành càng thúc tôi dữ. Tôi vào Sài Gòn. Thành đưa tôi đến nhà anh chơi, ý muốn hỏi anh kinh nghiệm bỏ vợ. Lúc đó tôi còn chưa quen anh lắm nên có phần ngượng nghịu. Thành giục tôi. Tôi lúng túng không biết phải gọi chuyện thế nào, trước một việc bất đắc dĩ như thế chẳng qua cũng chỉ để chiều Thành. Sốt ruột, Thành nói hộ tôi:

- Anh ấy muốn học tập kinh nghiệm của anh đấy.

Anh cười:

- Dễ thôi, làm cái đơn đưa ra toà, đóng lệ phí năm chục nghìn.

Thành hỏi tiếp hộ tôi:

- Làm thế nào để vợ anh chịu ký?

Anh nhìn tôi:

- Khi đã không chịu nổi nữa, thì cần gì phải cùng ký.

- Nhưng?

- Ồ, không cùng ký, người đàn bà hung hăng ấy càng ức, thế là xong một nửa.

- Còn nữa kia?

- Nhưng phần tài sản phải chia béo bờ hơn, thế là êm!

Tôi hỏi:

- Nhưng nguyên nhân?

- Chúa bảo Judas: “Gà gáy lần thứ ba người sẽ phản lại ta”. Tôi không phải là chúa, nên không thể đợi đến gà gáy.

Khi rời khỏi nhà anh, Thành bảo tôi:

- Đấy anh ấy cũng có cần cả hai người phải ký đơn đâu.

Tôi hơi bực, nói xẵng:

- Nhưng vợ anh không phải Judas!

Thành còn xẵng lại hơn:

- Nhưng em cũng không phải là con chuồn chuồn cái, sau mây mưa đậu cọc rào mà ngủ, em cần có một cái tổ hẳn hoi!

Lần ấy Thành ra Hà Nội vào mùa hè. Trời nóng nực, chủ nhật, tôi đèo Thành ra ngoại thành cách khoảng vài chục cây số, thuê một chòi lá ven hồ của tư nhân ngồi câu, vừa để hóng mát, cũng là một lối thư giãn thời thượng. Lúc sắp về thì trời nổi cơn mưa. Mây kéo đến. Trời xám dần. Gió hiu hiu ẩm mát. Chuồn chuồn vỡ tổ ở đâu bay ra khắp mặt hồ. Chúng bay lượn, nhào lên, lộn xuống, con đực, con cái cong người nối đuôi nhau giao hoan trên không trung, có đôi là là sát mặt nước.

Thành bảo tôi:

- Hồi bé em sống ở nông thôn, nhưng có lẽ đây là lần đầu, em mới để ý đến chuồn chuồn đi đón cơn mưa thế nào.

- Giống như một lễ hội ấy nhỉ.

- Cũng giống, nhưng chắc không giống về bản chất.

- Bản chất lễ hội là giao hoà, giữa trời và đất, giữa cỏ cây và muông thú, giữa người và người, nhất là giữa nam và nữ. Mấy ông già bảo anh, các anh bây giờ cứ hay gán ghép, chứ ngày xưa chúng tôi trai gái đi xem hội là để chim chuột nhau, tuồng chèo ban đêm là để sờ soạng nhau, lễ giáo phong kiến ngặt nghèo quá, chỉ có những lúc ấy mới được tự do một tí.

Thành lườm tôi:

- Anh chỉ được cái lúc nào cũng ghé vào những chuyện ấy được.

- Anh nói nghiêm túc đấy.

- Tại sao lại gọi là con chuồn chuồn?

- Có thể giao hoan xong, mỗi con chuồn đi một ngã, con đậu cọc rào, con đậu bụi cây mà ngủ... rồi lại đợi cơn mưa sau.

- Thành ngữ “Đi tìm tổ con chuồn chuồn” là như thế ư?

- Đúng vậy, chúng không có tổ, không có đôi.

- Chẳng lẽ anh với em cũng giống hai con chuồn chuồn!

Tôi bỗng thấy thương Thành, tôi kéo đầu Thành vào ngực tôi và bảo:

- Không, anh với em là một đôi và sẽ có tổ.

Nhưng đó là tôi nói bừa lúc đang xúc động. Làm sao tôi có thể có thêm một tổ khác. Tuy nhiên số tiền tôi kiếm được ngoài tiền lương, do mấy giải thưởng và nhuận bút mấy kịch bản điện ảnh cũng được một món kha khá, tôi vẫn giấu vợ tôi, tôi đã đưa cả cho Thành để đổi lấy một căn hộ tầng ba khác, hai phòng, phòng ăn riêng, khi vào tôi có thể ngủ lại đấy. Ban ngày con trai Thành đi học, chúng tôi hoàn toàn tự do.

Tôi chỉ có thể làm như thế, tôi không thể phá vỡ cái tổ cũ của tôi, trong đó, vợ tôi, mỗi khi nhắc đến mọi người đều hết lời khen ngợi. Nhất là một lần, tại một toà báo, hôm đó có cả anh, khi nói đến vợ tôi, một nhà báo nữ đã nhận xét:

- ở thời buổi này, sao lại có người đàn bà vẫn cứ tử tế mãi như thế được nhỉ?

Tôi chỉ mỉm cười, không biết mặt có đỏ lên không, vì quả thật lúc đó tôi vừa cảm thấy sung sướng, vừa giật mình vì thấy ngỡ ngàng với mình.

Tôi đã giữ được tổ ấm gia đình, nhưng đã mất Thành. Mới năm nào Thành còn khoe với anh cứ đúng mười giờ ngày nào cũng vậy là tôi lại gọi từ Hà Nội vào cho Thành không thì nhớ nhau lắm, rồi bảo anh cứ chờ nửa tiếng nữa mà xem. Mười giờ chuông reo thật. Thành cầm máy nói: “Bạn rượu của anh đang ở đây, anh nói với anh ấy một tí nhé?”. Ôi, tôi đâu có uống rượu, anh cũng vậy. Nhưng Thành lại thích tôi uống, đôi khi còn ép tôi: “Nam vô tửu như kỳ vô phong, kỳ vô phong là cờ rữ đấy!”.

Anh biết chuyện ngay. Ra Hà Nội, anh rủ tôi đi chơi. Tôi ngậm ngùi bảo anh:

- Cũng tiếc lắm chứ. Nhưng biết làm thế nào.

Thành ra tối hậu thư cho tôi bắt phải bỏ vợ ngay. Bỏ một người vợ mà lúc tôi gặp vận hạn trong nghề, chỉ càng gần bó với tôi hơn, là chỗ dựa vững chắc và êm ấm cho tôi, bỏ một người vợ như thế được ư?

Không ngờ anh hỏi tôi một câu rất oái oăm, giả thử vợ tôi là một người như Thành, tôi có bỏ không? Anh còn không ngờ hơn vì tôi trả lời ngay không úp mở:

- Càng không! Không một người đàn bà nào có thể làm tôi sung sướng đến như thế.

Tôi trả lời mà cảm thấy như mùi bơ gây gây pha mùi tóc khét đã từng thấm sâu vào da thịt tôi lại như phảng phất đâu đây.

Anh bảo anh hỏi vậy thôi, chứ chẳng nên tiếc làm gì. Thành chỉ có thể là người tình thôi chứ không thể là vợ được, Thành làm sao có thể so với vợ tôi, huống chi... Một lúc anh mới nói tiếp.

Huống chi... Thành khoe với anh đã có bồ mới, trẻ hơn Thành chục tuổi, hai bằng đại học, đi với con trai Thành, người ta có thể tưởng nhầm là hai anh em, nhưng hai chú cháu quý nhau lắm. Thành kể hẳn theo đuổi Thành đã lâu, và trước đó vẫn chị em em với Thành. Được tin Thành không còn quan hệ với tôi nữa, hẳn mới dám ngỏ lời, còn trước đó vẫn âm thầm yêu Thành. “Chị biết chứ, chị tin em thành thực, nhưng chị không thể, trước mắt, tạm thời còn có thể, vì trông chị vẫn còn xuân sắc, đàn bà hơn bốn mươi chưa phải đã hết thời, nhưng rồi dăm mười năm nữa thì sao?”. “Em bảo hẳn thế nhưng hẳn vẫn dai như đĩa. Em tức mình lời hẳn đến một nhà hàng ở tầng mười bảy, bảo hẳn: “Giữa chốn thanh thiên bạch dạ, chúng ta hãy đốt hương thề kết nghĩa chị em. Không ngờ hẳn khóc rồi ôm ghì lấy em. Và em làm sao có thể từ chối một tấm tình như thế...”.

Không những tôi không mừng cho Thành mà còn có phần thấy ghen tuông trong lòng nữa. Tam thập nhi lang. Thành ưa những cảm giác mạnh. Hẳn có thể kém tôi gần hai chục tuổi, chắc chắn hẳn mạnh hơn tôi rồi. Tôi cố nghĩ xấu về Thành để có thể quên. Thành chỉ là một người đàn bà đa dâm đúng như đã có lần Thành hỏi tôi “Em có đa dâm quá không?”, mặc dầu lúc ấy tôi đã thành thực trả lời: “Ngốc ơi, quý tướng đấy! Kim cương cũng không bằng đâu”. Cũng nghĩ thêm được một số điều khác nữa, cái gì dù tốt đẹp đến đâu chẳng có mặt trái của nó, một khi ta cố tình bó. Cũng vui dịu đi được ít lâu. Nhưng nó vẫn như một cái dằm đã găm vào da thịt, để nguyên không sao, chạm khẽ đến lại buốt nhói. Giá người tình mới của Thành già hơn tôi hoặc ít nhất cũng bằng tôi thì lại khác, nỗi buồn sẽ không mang màu cay đắng.

Một năm sau, đúng lúc hầu như tôi đã quên được Thành, mùi gây gây thôi không còn ám ảnh tôi thì được tin gã bồ nhí đã cuỗm mất chiếc xe Dream và hơn hai nghìn đô của Thành rồi biến mất. Thành nhờ mấy bạn gái phóng viên đi tìm hẳn để đòi hộ. Cuối cùng cũng tìm được. Nhưng hẳn chỉ còn tro cái thân xác. Hẳn thua hết rồi. Có người đùa, cũng may Thành không phải hoa hậu, nếu không hẳn sẽ đem cả Thành ra cá độ mong gỡ lại cái xe và mấy nghìn đô!

Tôi không gạt bỏ nỗi sự khoái chí nhỏ nhen lắm lắm:

- Thế mới đúng là chuồn chuồn đi đón cơn mưa!

Rồi tôi lại thấy thương Thành. Tôi lại phóng xe máy ra ngoại thành thuê câu, đúng cái lều tôi và Thành đã ngồi câu với nhau, và chờ đón cơn mưa. Rồi vừa câu vừa nghĩ vơ nghĩ vẩn, biết đâu Thành lại không trở lại với mình. Và tôi nghĩ đến số tiền mười lăm triệu vẫn để riêng chưa đưa cho vợ, đủ mua một chiếc xe “Wave an-pha”. Một lúc sau, mây đen kéo đến ầm ầm. Gió hiu hiu lạnh. Chuồn chuồn vỡ tổ đổ ra. Tôi nhìn chúng và đem so với mình.

## Vô ngã

Ông đang ngồi đọc một cuốn sách bàn về niềm vui, nỗi buồn của con người theo quan niệm của đạo Phật, do một vị tu hành biên soạn tặng ông, khi qua Huế, ông tới thăm ngôi chùa vị này trụ trì và cùng nhau đàm luận về Thường và Vô thường. Thật ra ông ngồi đọc là để giết thì giờ, chờ khách như đã hẹn.

Ông đang đọc chương Vô ngã, trời bỗng nổi gió rồi mưa. cơn mưa chuyển mùa từ xuân sang hè, có bong bóng. Ông ngừng đọc nhìn mưa, nhìn những chiếc bong bóng vừa hình thành hầu hết đã vỡ tan trên mặt đường, một số ít giạt sang hai bên cuốn trôi theo dòng nước. Bong bóng mưa bao giờ cũng làm ông nghĩ đến đời người, đến số phận, đến sự mong manh, sự tạm thời.

Ồ, ai đến trú mưa dưới mái hiên trước cửa nhà ông thế này? Người đàn bà ấy ư? Người đàn bà đi cùng một người đàn ông phương phi to béo, có lẽ là chồng, dắt theo chiếc xe Dream còn mới. Người đàn bà nhìn ông, mấp máy môi, có lẽ định chào một câu xã giao, bỗng thoáng chút bối rối; quay sang trò chuyện với người đàn ông ngay, làm như chẳng có chuyện gì. Còn ông, ông nhận ra ngay. Không phải người đàn bà đó có nét gì đặc biệt, đẹp hoặc xấu, trắng hoặc đen... trái lại chính vì chẳng có nét gì đặc biệt ngoài cảm giác tê nhạt, cái cảm giác bong bóng, không sắc không vị, không mùi. Vẫn nguyên cái cảm giác ấy hơn hai chục năm trước, khi người vợ cũ của ông bà bác sĩ sản khoa chỉ cho ông cô gái mặc chiếc áo khoác trắng giống như một con tò he, đội nón, đi cạnh bờ ao, trời cũng mưa và dưới mặt ao phập phồng những chiếc bong bóng. Bà bác sĩ bảo ông:

- Đấy nó đấy.

- Đã có chồng chưa?

Bà bác sĩ ghé tai ông nói khẽ:

- Rồi, bộ đội đi B.

- Nó làm ở đâu?

- Cửa hàng thực phẩm.

- Bụng thế kia, chắc còn lâu, vội gì phải báo cho hai bác ấy.

- Nó bó bụng đấy. Chiều cao tử cung ba một phân rồi. Trong tháng này thôi:

Hai mươi sáu năm, ông gặp người đàn bà ấy ba lần, một lần trong cửa hàng bách hóa, một lần ở chợ và lần này trước cửa nhà ông, lần nào người đàn bà ấy cũng chỉ thoáng bối rối rồi coi như chẳng có chuyện gì, chẳng còn chuyện gì. Còn ông, biết rằng mình vô lý nhưng lần nào ông cũng chờ đợi một cái gì đó, nhưng lần nào ông cũng hẫng hụt, chỉ còn lại cái cảm giác tò he tê nhạt, cảm giác bong bóng không sắc, không vị, không mùi.

Ông đang nghĩ lại mọi chuyện thì hai người đã bỏ đi, lên xe phóng thẳng. Sao thế? Trời còn đang mưa to kia mà. Sao lại phải dầm mưa như thế? Đường vẫn vắng, chỉ thỉnh thoảng vài chiếc ô-tô vụt qua, hoặc một vài xe máy, người ngồi xe áo mưa trùm kín, và



những chiếc bong bóng vẫn đang trôi và đang vỡ.

Mọi chuyện chẳng còn gì, kín như bưng, vả lại người chồng là bộ đội đi B đã được báo tin là liệt sĩ sau đó hơn một năm, hơn nữa cũng đã hai sáu năm rồi, thời gian quá đủ dài để xóa nhòa tất cả tại cái nhân chứng là ông vẫn còn đó ư? Ông đâu có định làm nhân chứng cho chuyện gì. Ông chỉ chứng nghiệm mọi sự trên đời. Hay tại cái "phản cảm" như ai đó biện hộ cho một bộ phim, trước bộ phim nhiều tập về người đàn bà đau khổ, điên dại đi tìm đứa con gái bị mất tích từ lúc sơ sinh, đang được phát trên màn hình vô tuyến? Nhưng bộ phim giả từ đầu đến cuối, từ nhân vật đến hoàn cảnh, từ tâm lý đến hành động, cái "phản cảm" lịch sự nhất trước nghệ thuật giả mạo cũng chỉ là "xin chào!". Hay tại con mắt ông có vẻ soi mói? Nhưng ông đâu có định soi mói. Biết đâu đấy, mắt ông đâu có thể nhìn được chính mắt ông, cũng như bàn tay không thể nắm được chính mình. Không, nếu có điều gì khác lạ trong mắt ông, chỉ có thể là hình ảnh của những chiếc bong bóng. Nhưng nó đã tan ra thành nước, chảy theo cống rãnh, đổ vào hồ ao, lắng đọng cùng nước hồ ao, quấy lên, nếu có cũng chỉ là những bọt khí sulphur hoặc méthane.

Phải người đàn bà đó đang có một gia đình, một người chồng bề ngoài quá xứng hợp với mình và những đứa con cần phải chăm lo, bảo vệ. Tại sao cứ phải bản khoăn day dứt mãi về hậu quả của một lỗi lầm, giờ đây chỉ bị coi như một sự sơ suất kỹ thuật, thậm chí, đối với một số người, cả đàn ông lẫn đàn bà chỉ chặc lưỡi coi là chuyện tầm phào.

Và cả cái Phúc nữa, giờ đây ai là mẹ nó, điều đó cũng có quan trọng lắm đâu, kể cả việc bà bác sĩ, người vợ cũ của ông có thực là mẹ nó hay không, cũng không còn quan trọng nữa. Giờ đây bản thân nó cũng là mẹ rồi, nó phải nghĩ tới chuyện làm ăn, nuôi con... việc đó quan trọng hơn nhiều.

Việc nó tưởng nhầm, hay thích tưởng nhầm bà bác sĩ trong một thời gian dài là tại u nuôi nó. Thực ra u nuôi nó đùa nhiều hơn là định dối nó. Và với u nuôi nó, đó cũng chỉ là chuyện tầm phào. Nó tưởng thật, hay cố tình tưởng thật, hay biết là đùa nhưng vẫn làm ra tưởng thật cũng không sao, vì trong thực tế, mối quan hệ mẹ con giữa u nuôi nó với nó mới là quan trọng, mới không thể phai nhạt và mỗi ngày càng sâu sắc hơn.

Nhưng nó lại tin. Còn gì vui hơn được gọi bà bác sĩ là mẹ. Nhưng nó né tránh gọi ông là bố. Hình như nó cảm nhận được trong ánh mắt ông vẻ khiên cưỡng, ông có vẻ không khoái lắm với cái chuyện này.

Tuy nhiên với các con ông lại khác. Trẻ con tình cảm đơn giản hơn, thích vui đùa với nhau, ít quan tâm đến những mối quan hệ họ hàng máu mủ. Nó tin và đi tìm những chứng tích. Nó so bàn chân nó với bàn chân con trai ông hơn nó một tuổi rồi reo lên:

- Thấy chưa, bàn chân anh giống hệt bàn chân em nhé, đây này, ngón thứ hai dài hơn ngón cái này, còn ngón út đều lùn tịt như nhau.

Rồi nó cười có vẻ sung sướng lắm. Trẻ con nhà ông cũng cười theo. Nó cảm thấy trong những cái cười ấy có cái gì khang khác với cái cười của nó. Chừng như cảm thấy như thể là chưa đủ nó vạch tay những đứa con gái của ông tìm những nét tương đồng. Cuối cùng nó cũng tìm ra được điều cần thiết đối với nó, ở đứa con gái thứ hai:

- Chị nhìn xem, cả hai ngón trở của chị đều có hoa tay, của em cũng thế, chị nhìn đi!

Con gái ông không biết thế nào là hoa tay. Nó đối chiếu với những ngón không có hoa tay, hơi cúi kính dạy cho con ông biết.

Các con ông ngỡ ngác vì sự cúi kính của nó, nhưng rồi cũng vui vẻ cùng với nó, không bác bỏ, không khẳng định điều gì. Vì bà bác sĩ đã dặn chúng:

- Đừng làm gì cho nó thất vọng.

Chừng như nó chỉ tìm được có thể để tin. Nhưng như thế, thêm vào là câu chuyện tầm phào của u nuôi nó cũng đã đủ rồi. Nó tin nên đôi khi nó có phần ghen tị. Nó thần người ra ngắm mấy đứa con gái bà bác sĩ rồi thở dài:

- Các chị đẹp hơn em, da các chị trắng nõn!... Kể gì, chỉ việc ăn với học.

Nó ghen. Nó thầm trách phạt. Cùng là con mà đứa thế nọ, kẻ thế kia. Tại sao vợ chồng bà bác sĩ lại phải đem nó cho u nuôi nó? Có thật nếu không cho làm con nuôi thì không sống được không? Hay tại đông con? Nhưng nhà bà bác sĩ có nghèo đâu.

U nuôi nó vô sinh. Hàng xóm dân làng ai cũng biết. Mọi chuyện sẽ không sao, nếu không có mấy người không hẳn đã vô tâm, ác khẩu bảo nó:

- Mà là con nuôi, người ta bỏ rơi mày ở bệnh viện, u mày không biết đẻ nên xin mày về nuôi.

Nó buồn. Trước đó nó vẫn mang máng biết nó chỉ là con nuôi. Con nuôi cũng chẳng sao. Thày u nó thương yêu nó hết mức kia mà. Vì vậy không bao giờ nó hỏi. Nhưng bây giờ người ta lại bảo nó là một đứa con rơi. Con rơi nghĩa là con hoang. Dầu chưa đầy chục tuổi, nó cũng hiểu được điều đó. Nó không muốn nó là một đứa con hoang, vì vậy nó nằng nặc hỏi u nuôi nó:

- U xin con ở đâu, u nói đi.

- Ai bảo mày thế?

- Thì ai chả bảo thế.

U nuôi nó bực mình:

- Họ trêu mày đấy, mặc xác họ.

- Trêu là thế nào, dám trêu cả u ư?

Nó không chịu buông tha u nó:

- U ơi u nói đi, u xin ở đâu?

- Xin ở đây này!

U nuôi vừa quát vừa vỗ vào bụng mình. Nó cười, nhưng vẫn không chịu:

- Thôi đi, u làm gì phải giấu con.

- U sợ gì phải giấu mà.

- Thế sao u không để nữa đi. Để thêm lấy một đứa em trai đi. Không thì con gái cũng được. Cho con có chị có em. Con biết thừa u vô sinh. Con hỏi vậy vì họ cứ bảo con là con rơi. Chứ thầy u yêu quý con như thế, có đem kiệu vàng đến rước con cũng thêm vào.

Người mẹ nuôi bỗng cảm thấy thương nó hơn bao giờ hết. Bà tức giận chửi:

- Tiên sư bố chúng nó, sao chúng nó phải ngứa mồm làm khổ con bé thế. Thôi được u sẽ nói:

Không hiểu sao, bà lại có thể nhanh chóng bịa ra câu chuyện ấy để làm nó an lòng. Bà nói:

- Bây giờ thì cho con biết cũng không sao. Vận hạn chắc cũng đã qua rồi. Bà bác sĩ cho u đấy. Vì số con phải cho làm con nuôi mới nuôi được.

Rồi bà cười bảo nó:

- Gớm cái con đĩa này! Bây giờ thì biết rồi nhé. Nhưng số mà là vẫn phải ở với thầy u đấy.

Nó bĩu môi :

- Không ở với thầy u, dễ về ở với bà bác sĩ chắc?

Nhưng nó tin ngay và có vẻ sung sướng. Sung sướng không hẳn vì được là máu mủ của bà bác sĩ, mà chính được thoát ra khỏi nỗi day dứt là một đứa con rơi. Tuy nhiên nếu u nuôi nó bảo xin của một bà ăn mày, chưa chắc nó đã sung sướng như thế, có khi còn khổ tâm hơn. Con người ta ai chẳng thích mình sinh ra có trăng hoa quần cổ, hoặc nếu lại có được một huyền thoại nào đó như, có một ngôi sao ngũ sắc từ trên trời rơi xuống đậu vào rốn mẹ mình, từ đó có thai...

Sau lần ấy, xuống chơi nhà bác sĩ, trước mặt nó u nuôi nó cười bảo bà bác sĩ:

- Nó cứ căn vặn em mãi, em bảo số nó phải cho làm con nuôi mới nuôi được nên bác ấy thấy thầy u hiềm hoi, ăn ở hiền lành, thương tình cho thầy u...

Nó ngắt lời u nuôi nó hỏi bà bác sĩ và gọi luôn bằng mẹ:

Có đúng thế không mẹ?

Bà bác sĩ chỉ cười. Nó cho cười là để xí xóa chuyện nói dối trẻ con, người lớn vẫn thường hay như thế. Nó bảo:

- Con biết sao rồi. Chắc hai bên hứa với nhau không được cho con biết, bao giờ lớn hẵng hay chứ gì?

Lòng tin có lý lẽ riêng của nó, mặc cho bà bác sĩ cứ cười, mặc cho u nuôi nó cũng cười, và lũ trẻ nhà bác sĩ cũng cười như thế.

Năm mười sáu tuổi, bản năng đàn bà trở dậy mạnh mẽ trong cơ thể nó, trái tim nó bắt đầu hồi hộp, run rẩy trước mùi vị các chàng trai. Rồi đám này, đám khác dạm hỏi nó. Từ đó mỗi lần xuống chơi nhà bác sĩ, nó vẫn gọi bà là mẹ, đôi khi gọi ông là bố, nhưng xem ra không còn mặn mà lắm nữa, trong thâm tâm nó điều ấy hình như không còn quan trọng mấy. Điều quan trọng hơn là thầy u nuôi nó khăng khăng đòi chàng thanh niên người làng làm nghề thợ xây phải đến ở rể. Cuối cùng mọi chuyện cũng xong. Ở rể một gia đình hiền lành, kinh tế khá giả như thầy u nuôi nó, có gì phải đắn đo. Và ngày cưới việc không có mặt bà bác sĩ cũng không làm cho nó băn khoăn mấy nữa.

Thầy u nuôi nó vốn là chủ nhà của bà bác sĩ thời sơ tán chống Mỹ ở một xã vùng đồi trọc trung du. Cả hai vợ chồng đều biết điều và giúp đỡ bà bác sĩ rất nhiều. Người chồng sức vóc cao lớn, ít nói, muợn con, đi khám nhiều bệnh viện khác nhau đều bị kết luận là vô sinh.

Người vợ thất đày lưng ong, với làng quê có thể gọi là có nhan sắc, lại đảm đang tận tảo đủ nghề, hàng xay, hàng xáo đến đồng nát, sắt vụn, nên kinh tế khá giả, nhưng đi khám cũng vô sinh.

Nguyên nhân hiếm muợn là tại cả vợ lẫn chồng, nhưng mặc dầu rất thương quý chiều chuộng lẫn nhau, cả hai đều không muốn tin là tại mình. Khi Mỹ tuyên bố ngừng ném bom từ Thanh Hóa trở ra, bệnh viện bà bác sĩ trở về thị xã tỉnh lỵ, bà hứa sẽ cố gắng xin cho hai người một đứa con nuôi. Việc bỏ con lại, rồi trốn khỏi bệnh viện, ngay từ thời ấy không phải không có. Nhưng người chồng không đủ kiên nhẫn chờ một mụ đàn bà hư đốn bỏ con, khăng khăng đòi lấy vợ lẽ. Người vợ tùm tùm kể lại chuyện với bà bác sĩ:

- Thế là anh chàng nhờ người mai mối, rước hẳn một con mặt rỗ, béo tròn béo trục, chữa hoang, sắp đến tháng đẻ về nhà.

Bà bác sĩ tròn mắt kinh ngạc:

- Sao lại làm thế? Cứ như trong truyện của các nhà văn ấy.

Người vợ chặc lưỡi:

- Thì thế, cho nó chắc ăn mà lại.

Bà bác sĩ vẫn ngờ ngác không hiểu. Người đàn bà vỗ vai bà bác sĩ cười phá:

- Có nghĩa nó chắc chắn biết chữa, biết đẻ chứ không đẻ ra như em.

- Khi đến thế nữa thì thôi. Rồi sau đó thế nào?

- Còn thế nào nữa, con nó biết bò nó ôm con, nó bước, còn nói toẹt vào mặt không để được là tại anh chàng chứ không phải tại em.

- Chắc nó sợ bác ghen chứ gì?

- Cũng tức chết đi ấy chứ, chàng và nàng lúc nào cũng rập riu như Kim Trọng, Thúy

Kiều, đành phải mặc kệ, chúng nó đang tí tởn, vợ vẫn nó nện cho thì dại.

Rồi người đàn bà thản nhiên thú nhận:

- Tức mình em cũng đi kiểm. Thử xem tại ai. Em chọn hẳn người phương phi, trắng trẻo, cán bộ hẳn hoi, nếu được con trông ra con một thể.

Ngừng một lát, người đàn bà thở dài:

- Nhưng... chắc cũng tại cả em thật. Chẳng ăn thua gì.

Tránh cho người đàn bà khỏi buồn, bà bác sĩ lái sang chuyện khác:

- Thế từ khi con kia bỏ đi, bác trai thế nào?

- Cũng bản thân nhớ nhưng đến hơn một tháng ấy. Nhưng rồi thì cũng nhận ra bệnh của mình, càng ngày càng chiều em hơn, như để nhận lỗi với em. Còn em, chả tội gì bảo cho anh chàng biết tại cả mình. Phải không bác, nhớ nó lại nổi máu lên đòi lấy vợ lẽ lần nữa thì chết em.

Bà bác sĩ hưởng ứng ngay:

- Đúng vậy, với đàn ông, thật thà quá chỉ có dại.

Người đàn bà nói tiếp:

- Chỉ tại ông anh ruột chết tiệt nhà em. Thấy kinh tế nhà em khá giả, cứ ghen ghen tức tức, suốt ngày đê con ra chữi "đồ mất giống!", nên nhà em nó mới lòng lộn lên vợ lẽ, vợ cả, chứ hiền lành và tốt bụng lắm. Thôi thì bác cố để ý giúp chúng em...

Bà bác sĩ hứa nếu gặp sẽ điện xuống đón ngay. Hai năm sau vào dịp cuối thu năm 1974, một ngày mưa sụt mướt, hai vợ chồng nhận được điện, đạp xe hơn bốn mươi cây số xuống ngay để đón một bé gái về nhà, sung sướng và thành kính, như hai kẻ tín đồ đi đón Đức bà, và đặt tên nó là cái Phúc.

Cái Phúc là đứa con ngoan ngoãn, hiếu thảo và thực sự đã đem lại hạnh phúc cho thầy u nuôi nó. Bản thân nó, có lẽ nó cũng đã từng hạnh phúc.

Nhưng cách đây ba năm, một buổi ông đang đi xe máy trên quốc lộ lên một thị xã trung du, bỗng có tiếng gọi giật giọng:

- Bố, bố!

Ông đổ xe lại ngỡ ngác vì không nhìn thấy đứa con nào của ông. Chỉ có một cô gái đồ chiếc xe thồ dứa, hớt hải, chạy lại phía ông.

- Bố, sao mẹ bảo bố chết rồi?

Thì ra cái Phúc. Ông cười:

- Thế à? Có bảo chết thế nào không?

- Mẹ bảo chết vì tai nạn xe máy.

- Tai nạn xe máy thì có đấy, nhưng chết thì không, chắc là nghe nhầm.

Cái Phúc lắc đầu quày quạ:

- Không, nghe nhầm thế nào được.

Con còn trách mẹ sao không cho con biết, con xuống viếng cơ mà. Mẹ bảo cấp cứu, chết ở bệnh viện, nên không tiện báo. Con bảo vậy đưa con ra mộ để con thắp hương. Mẹ bảo, đem về quê chôn kia, xa lắm. Thế là thế nào hở bố?

Chưa lần nào nó gọi ông là bố nhiều như thế. Chính ông cũng muốn hỏi nó, thế là thế nào, tại sao ông lại phải chết, phải chôn như thế. Ông thấy khó giải thích cho nó hiểu, nên trả lời bừa:

- à bà ấy chả hay thích đùa mà.

Nó trợn mắt:

Đem chuyện ấy ra đùa được ư?...

Chả nhẽ...

Chính nó cũng không biết sau cái "chả nhẽ" ấy là điều gì nữa. Ông cũng thấy nó không cần phải biết cái "chả nhẽ" ấy, vội ngắt lời nó, bằng một loạt câu hỏi để lảng tránh:

- Thôi, nói chuyện về thầy u đi, ông bà ấy vẫn khỏe chứ, cháu có khi đi mẫu giáo rồi, chồng vẫn đi xây?

Nó cúi mặt xuống, rồi lắc đầu:

- Chúng con bỏ nhau rồi?

Đến lượt ông ngạc nhiên:

- Sao lại thế?

Nó xây nhà cho một bà bán thịt ngoài thị trấn, rồi phải lòng bà ấy, nhất định đòi bỏ con để lấy bà ấy. Bà ấy hơn nó mười lăm tuổi, góa chồng.

Nó tham giàu ư?

- Không, giàu vừa thôi, nhưng bà ấy đẹp lắm. Người ta đồn bà ấy đẹp quá, nên chồng trước chết non.

- Phúc có biết mặt bà ta không?

- Con còn đến tận nơi chửi nhau với bà ta một trận kia mà.

Ngừng một lát, nó thẫn thờ nói tiếp:

- Phải công nhận là bà ta đẹp thật. Đến con là đàn ông, có khi con cũng mê. Nghe chuyện ông đã định nói mấy câu chê trách chồng nó để phần nào an ủi nó, nhưng bản thân nó cũng phải nói như thế, thì ông còn biết nói gì.

- Thế chuyện xảy ra lâu chưa?

- Được hơn một năm rồi. Con giữ lại cháu nuôi.

Ông cố an ủi nó:

- Thôi, mới ngoài hai mươi tuổi, lo gì.

- Vâng, nhưng thầy u con bảo hãy để chờ xem nó có tỉnh ngộ không.

Ông nói lựa theo:

- Phải đấy, vội gì.

- Vâng, đàn ông đi xây nay đây mai đó làm sao tránh được chuyện ấy, nhưng con nghĩ không khéo rồi cũng đến như người chồng trước mất thôi.

Nói rồi, nó hoe hoe mắt, quay vội mặt đi, chạy lại xe dừa lấy mấy quả dừa đặt vào giỏ xe ông. Thấy nó định lấy thêm, ông vội ngăn lại:

- Thôi thôi, giỏ xe chở nặng, dễ mất tay lái, lại gây tai nạn.

Nó ngần ngừ:

- Cửa nhà trồng ấy mà, bán tại nhà rẻ lắm, nên con đèo xuống chợ huyện.

Nhưng rồi nghe ông nói, tai nạn xe máy, nó lại sợ, chào ông, đạp xe thỏ đi, thỉnh thoảng còn ngoái lại như thể xem ông là người thực hay ma, ông có biến đi không, đâu là thật, đâu là giả trên cõi đời này. Mưa đã tạnh hẳn. Thay vì những chiếc bong bóng, bây giờ là những dòng người xuôi ngược trên đường, hối hả như để bù lại thời gian lúc trú mưa. Ông lại đọc tiếp chương Vô ngã ngồi chờ khách. Đến đâu rồi nhỉ? Ông bỏ qua một đoạn rồi đọc tiếp: Vô ngã không có nghĩa là không có cái Ta, nhưng là cái Ta luôn biến đổi, không ngừng biến đổi và không còn là Ta nữa... xác thân con người hợp tan, tan hợp, tình cảm buồn vui của con người cũng như bong bóng trên mặt nước trôi.

Ông lại nghĩ đến cái Phúc, đến mẹ thực, mẹ hờ, mẹ nuôi nó, đến thầy nuôi nó và người đàn bà mặt rỗ, đến chồng nó và người đàn bà bán thịt... xem ra mọi sự đều thực tế, đơn giản và có vẻ còn tầm phào đôi chút nữa.

Đến đây, ông gấp sách lại và tự nhủ:

Không, lần sau, nếu còn gặp người đàn bà ấy, ta sẽ mang con mắt khác. Chúng ta cũng chỉ là những bọt nước như nhau thôi.

## Dạ hội

Tấm ảnh cỡ bưu ảnh bị cắt vát một bên mắt và cắt dọc một phần tư khuôn mặt. Vẫn ở trang sách ấy, và hết sức ngẫu nhiên, dòng đầu trang có câu:

... qua rồi tình ái  
Ngọt ngào đâu nữa như thời trẻ trung

Câu hát của cô gái Digan bỏ người tình. Chỉ còn lại một con mắt, con mắt nhìn lên ngõ ngang, chứa đầy câu hỏi, và cái miệng hơi kiêu kỳ, câm lặng. Tấm ảnh cô để lại và bỏ đi.

Những ngôi sao lang thang trên bầu trời, bấy nhiêu năm cô ở đâu? ở vùng đồi núi nào, thành phố nào, lục địa nào? Cô mất tâm trong đời anh, để lại một con mắt, ba phần tư khuôn mặt và cái miệng nghiêm nghị pha chút kiêu kỳ, tuy vẫn rất ngây thơ. Gã thợ ảnh nào đã chụp cô như thế này? Tự cô vốn luôn luôn như thế, hay do gã, bất chợt gã chớp được nét ấy ở cô. Có lúc anh đã định cho một người nào đó xem, xem họ có cảm thấy như vậy chẳng hay chỉ là nỗi ám ảnh dai dẳng của riêng anh. Nhưng anh lại không dám vì đương nhiên sẽ phải cắt nghĩa sao một khuôn mặt trong trắng thơ ngây đến thế lại bị cắt đi tàn nhẫn đến rồ, anh hay ai cắt, cầm hận nỗi gì, ghét bỏ nỗi gì, sao không cắt nát, không xé tan, không đốt bùng thành ngọn lửa.

Đốt ư, xé đi ư, đốt xé hộ cô ư, đốt xé cho anh nguôi đi niềm khao khát, sự giày vò, sự nuối tiếc, trong khi anh không thể và chưa lúc nào muốn xóa nhòa sự hiện hữu của cô trong ký ức anh, khi chưa bao giờ rời nó khỏi trang sách ngẫu nhiên anh đã kẹp vào lúc cô đã bỏ về, khi anh đã đau đớn phân trần thề thốt con mắt và đôi môi câm lặng ấy, đốt xé nỗi ư?

Cô đã mất tâm trong đời anh ngần ấy năm trời và đêm nay cô lại trở về trên màn hình vẫn áo màu vàng váy ngắn đen, đôi mắt mang đầy hoài niệm. Cô đã trở về trong mấy phút giây ngắn ngủi. "Sao tuyết", nhạc Pháp, biểu diễn Hoàng Tuyết. Còn có thể Hoàng Tuyết nào khác nữa. Mặc dầu đã thay đổi, lạ đi, gần chục năm còn gì. Nhưng bản nhạc ấy, bản nhạc ngày xưa anh đã hát cho cô nghe, anh đã ru cô, đôi mắt ấy, đôi mắt cô đã để lại cho anh một nửa và cái miệng, cái miệng không chịu nói thêm với anh một lời và nốt ruồi xanh dưới cổ, anh đã hôn lên đấy.

Anh quen cô, đúng ra là Huệ, em họ anh thấy anh sống một mình mãi, giúp anh quen cô. Cô thi trượt đại học và đang ôn thi lần hai. Nhưng rồi cô lại trượt. Cô không lấy thế làm buồn và bảo sẽ thi đủ ba lần, nếu vẫn trượt, sẽ xin một việc làm gì đấy rồi sẽ lấy chồng ngay không chờ đợi thêm một ngày nào nữa. Lúc ấy quan hệ giữa hai người đã hết sức tốt đẹp, anh tin rằng cô nói như vậy là muốn nói với riêng anh nên anh không bỏ lỡ cơ hội:

- Lúc ấy, liệu anh có vinh dự được là ứng cử viên của em không?

Cô cười trên anh:

- Nhưng chắc gì em đã trượt thêm lần nữa. Đây này, anh có biết xem tướng tay không?  
- Nàng xòe bàn tay phải, bàn tay thon dài. - Đường công danh của em đây, cũng chẳng đến nỗi đâu.



Anh chẳng biết gì về tướng tay, nhưng được dịp cứ nắm lấy bàn tay ấy vờ xem rất lâu, rồi vờ xác nhận:

- Có lẽ phải chờ khi em là sinh viên thật.

Cô không đẹp, nét hấp dẫn có chăng chỉ ở vẻ hồn nhiên, và trái với tên Hoàng Tuyết, cô hơi ngăm đen, tuy da rất mịn, nhìn gần, má cô còn óng những lông tơ. Đôi mắt to, dài dưới đôi lông mày rậm và cong như choán hết khuôn mặt thon nhỏ, đôi mắt lòng đen rất to màu than, như làm tối thêm cả lòng trắng, vừa mang nét tìm kiếm, vừa đam mê và xóa nhòa. Cô không biết nhìn ngang, cũng chẳng bao giờ nhìn chăm chú cái gì, đối với cô mọi cái đều chẳng có gì hệ trọng, cô như thích nhìn vào hư không, điều hệ trọng hình như cô chưa cần đi tìm hoặc chưa muốn đi tìm. Cô nhìn mọi việc như bằng một giác quan khác, một giác quan mơ hồ ở bên trong, giác quan thứ bảy hay thứ tám gì đó. Đối với cô nghề gì cũng được, miễn là có việc làm, học gì cũng được, miễn là vào đại học, mà có trượt cũng chẳng sao, cô sẽ tự học, học những gì cô cần và cô thích, đỡ phải nhồi vào đầu những thứ như là hình phạt đối với mình.

Anh cảm thấy yêu cô thực sự, từng nét, từng nét một, kể cả nước da ngăm đen, kể cả đôi môi đầy đặn, khía giữa, viền môi cũng còn óng những lông tơ, và nốt ruồi nhỏ màu xanh dưới cổ. Anh yêu vẻ tuềnh toàng của cô, yêu cô lúc cô đi chân đất ở bờ cỏ lằn anh và cô đi chơi ở đê Yên Phụ, anh yêu cô lúc cô gật gật cười khi bị mắng, lúc cô cùng anh đang đi bộ dưới lòng đường. Anh thèm vẻ tuềnh toàng đó, anh muốn có mà không được.

Tối đó, anh rủ cô đi xem. Bộ phim dễ dãi và nhạt nhẽo. Một số người đứng dậy bỏ về giữa chừng. Cô cũng rủ anh bỏ về. Trời vừa chớm sang thu, hơi se lạnh. Cô đạp xe bên anh, ít nói như linh cảm thấy điều hệ trọng sắp xảy ra. Anh rủ cô lên Hồ Tây tìm một ghế đá vắng dưới một gốc cây, nhiều ánh trắng hơn ánh điện. ánh trắng qua kẽ lá nhuộm loang lổ màu vàng chanh trên chiếc áo trắng cô đang mặc. Hồ Tây êm ả, thoang thoang mùi nồng nồng của tảo đặc từ bên hồ Trúc Bạch đưa sang.

- Em có biết anh sắp nói gì với em không?

Cô nhìn đi phía khác gật đầu:

- Có.

- Anh nói nhé?

Cô không trả lời mà chỉ chăm chú nhìn con đom đóm đang lập lòe chao lên chao xuống trước mắt hai người.

Anh kéo cô về bên mình, ôm mái tóc khẽ hôn lên môi cô. Cô không cưỡng lại, cũng không hôn lại anh, môi cô hơi lạnh. Cô ngước mắt nhìn, đôi mắt như bê lạc mẹ hỏi anh:

- Sao anh lại làm thế?

- Anh yêu em mà.

Anh trả lời lúng túng vì cả giọng nói lẫn đôi mắt cô đều như muốn hỏi vì sao lại phải thế,

thậm chí đôi mắt hơi hoang mang và môi cô nhợt nhạt dưới ánh trăng.

Anh còn chưa biết nói gì thêm, cô đã bảo anh:

- Thôi về nhà anh đi, ở đây chán lắm.

Nhà anh, căn phòng mười hai mét vuông ở tầng ba một khu chung cư. Một giường cá nhân, một tủ nhỏ, thấp, gọi là hòm đứng cũng được, vừa đựng sách vừa đựng quần áo, một bàn làm việc kê gần cửa sổ, hai ghế ngồi. Căn phòng cô đã đến mấy lần, có điều chưa lần nào đến vào ban đêm như đêm ấy. Cô đã quen thuộc với mọi nét sơ sài và trống vắng, không có gì phải ngỡ ngàng, nhưng khi anh chưa kịp bật đèn vừa đẩy cửa sổ, cô đã níu lấy vai anh:

- Ôi anh có thấy không, mùi hoa lý.

Quả là mùi hoa lý và ánh trăng như bị chặn lại giờ đây đang tràn tỏa khắp căn phòng. Anh nói nhỏ vào tai cô:

- Khẽ chứ, không nó bay đi.

- Cái gì bay đi, mùi hoa hay trăng?

Cô hơi vươn người ra ngoài cửa sổ, nhìn quanh một lúc rồi bảo anh:

- Mùi hoa lý bao giờ cũng làm em nhớ quê, nhớ dì em, khi nào có chuyện gì buồn, em thường về quê với dì em. - Rồi cô hồn nhiên: - Ai cũng bảo em giống dì em hơn mẹ... anh có thích về quê em chơi không?

- Ồ thích chứ, hay là chủ nhật sau.

Cô bỗng như quên mất điều vừa hỏi, đưa mắt nhìn ra xa:

- Anh có thấy mùi hoa lý giống mùi gì không?

- Mùi hoa lý à... giống hoa gì được nhỉ? Có lẽ hơi giống mùi hoàng lan, nhưng hoàng lan... kêu gọi hơn. - Anh định nói "sang trọng hơn" - Còn thiên lý mộc mạc hơn.

Cô cười:

- Em lại thấy như mùi khế ngọt... mà có thể anh đúng hơn, mùi hoàng lan lẫn mùi khế ngọt... nhưng tại sao lại gọi là thiên lý, thiên lý nghĩa là gì?

Anh cắt nghĩa lý là mặn, là màu xanh mạ, cũng nghĩa là dậm nữa, thiên lý là ngàn dậm, rồi anh tán, có lẽ khách đường xa được dừng chân dưới một giàn thiên lý, lại được một cô gái như cô thết bữa cơm canh cua hoa lý, sẽ không đủ chí lớn mà đi tiếp...

Nhưng trong lúc anh đang dông dài, máy thu thanh căn hộ nhà ai đó vẳng tới bài "Tiếng vọng" - bài hát Nga, nên cô không để ý mấy tới điều anh nói, mà chỉ chăm chú nghe tiếng hát. Tiếng hát vừa dứt, cô xoa xuyt thốt lên:

- Chị Xuyên, kỹ sư mà sao hát hay thế, có lẽ còn hơn cả một số ca sĩ chuyên nghiệp.

- Chắc là học ở Nga về.

Tự nhiên nàng quay lại bảo anh:

- Anh cũng hát đi.

- Thế em tưởng kỹ sư nào cũng hát hay như chị Xuyên à?

- Thôi đi, Huệ nói với em rồi.

- Ôi, Huệ quả là bà mối khéo nghề, biết sắm ngựa cho anh gù để đưa đi xem mặt.

Tuy vậy anh vẫn hát, và lại chính anh cũng đang hào hứng. Tên cô là Tuyết, anh sẽ hát tặng cô bài "Sao Tuyết".

... trong góc núi khuất vắng, anh chàng bé bỏng người Xavoa hát khúc tình ca của mình trong tĩnh lặng chiều hôm... étoile des neiges... mon coeur amoureux... sao tuyết ơi... trái tim si tình của ta...

Anh hát khẽ đủ để cô nghe, có lẽ tại trăng tràn ngập căn phòng nhỏ, tại mùi hoa lý lúc lúc lại ngậy lên, tại dư âm bài "Tiếng vọng" tại cô đang bàng hoàng nhìn anh, anh xúc động thật sự, anh đã gửi hết tâm hồn vào tiếng hát và có lẽ chưa bao giờ anh hát được như thế, anh như ru mình trong mộng ảo.

Cô bắt anh hát lại, hát lại, dạy cô, quên đi đêm đã khuya, khi nhớ ra, hỏi anh giờ, đã quá nửa đêm, mắt cô hoang mang.

- Đừng sợ, anh đưa em về.

Cô lắc đầu:

- Không, về bây giờ mẹ mắng chết, về tới nhà phải gần một giờ đêm.

Anh còn bối rối chưa biết xử trí ra sao, cô đã nhìn anh bằng một giọng hơi ngần ngại:

- Có khi em phải ở lại đây thôi.

Anh hơi kinh ngạc và bỗng thấy ái ngại cho cô:

- Phải đấy, chúng mình ngồi thức với nhau cho đến sáng.

Cô lắc đầu, che tay ngáp khẽ:

- Mai em phải đi làm. - Nàng vừa kiếm được việc làm hộp mứt ở một tổ hợp tác. - Cả anh nữa, mai anh cũng phải đi làm.

Và cô trở tay về phía góc phòng:

- Anh cứ ngủ ở giường, còn em ngủ ở kia.

- Em coi anh là thế nào lại bảo anh như thế.

Và mặc dù anh phản đối gay gắt rằng một thằng con trai vô liêm sỉ đến mấy cũng không thể trơ trẽn nằm giường và để người yêu ngủ sàn như thế, rằng thà anh ra đường lang thang ngoài phố cho đến sáng để mình cô ngủ nhà... Cô vẫn một mực không nghe, nếu không cô sẽ về, chịu mắng chửi còn hơn. Cuối cùng anh đành chịu mắc màn cho cô ở góc phòng, chiếc màn bộ đội anh vẫn giữ làm kỷ niệm. Vừa mắc anh vừa bảo cô: "Đêm nay em sẽ ngủ như một chiến sĩ một đồng đội của anh... Anh cả anh thời chống Pháp cũng đã mắc màn ngủ cạnh một người bạn gái ở quá bến Bình Ca, hai màn cách nhau bởi một bức tường thành dựng bằng hai chiếc ba lô của hai người". Hôm nay không có ba lô nhưng vẫn còn chiếc màn bộ đội.

Cô trả lời rồi bảo anh tắt đèn, cô không quen ngủ đèn. Cô vẫn cứ tuềnh toàng như thế. Đến bây giờ anh vẫn không lý giải nổi tại sao nằm xuống một lúc anh có thể ngủ ngay không hề hột, ngủ một cách thanh thản, ngon lành, còn nằng, nằng có ngủ ngon không, anh không biết, chỉ biết khi thức dậy, cô đã không còn đó. Một mảnh giấy ghi vội ở trên bàn: "Sáng rồi. Em về đây. Anh ngoan quá. Em yêu anh thực sự mất rồi. Tối thứ bảy có dạ hội ở công viên. Chờ em lúc bảy rưỡi cùng đi. Đừng lo cho em".

Đừng lo cho em. Chắc hẳn cô sẽ kiếm một có gì đấy, bạn cô ốm, cô không thể bỏ về, bạn cô đang thất vọng ghê gớm, đang cần sự an ủi... Mọi cái xảy ra thật kỳ lạ. Chính anh cũng khó tin. Bức tường thành bằng ba lô ư. Cái đó đã ba mươi năm, người ta không xây bằng nó nữa. Chiếc màn bộ đội ư? Nó cũng đã gần chục năm và quá đổi mong manh. Vậy tại sao anh lại ngủ ngon đến thế? Lúc nào thì anh ngủ? Anh cố lục lại trí nhớ để khôi phục giấc ngủ đêm qua. Anh tắt đèn, chui vào màn. Căn phòng ngào ngạt mùi hoa lý. Thì mọi đêm và cả ngày nữa, chẳng phải vẫn có mùi hoa lý đấy ư? Nhưng đêm nay nó lạ lắm, quả thật nó có mùi khế ngọt, mùi hoàng lan pha lẫn mùi khế ngọt. Chỉ có mùi hoa là ngậy lên, tất cả đều yên tĩnh, thành phố đang nong nàn trong giấc ngủ đầu thu. Anh lắng nghe phía góc phòng. Tiếng thở đều và nhẹ. Anh hỏi khẽ:

- Em ngủ rồi ư?

Không có tiếng trả lời.

Cô ngủ thật rồi. Cô thật vô tư. Anh bỗng thấy thương cô. Mẹ cô sẽ mắng, sẽ đay nghiến cô. Mà nào có gì đâu. Cô sẽ thanh minh. Bạn cô, Huệ, không được Quê hay Thu... gì nữa... Anh không nhớ gì nữa và có lẽ bắt đầu giấc ngủ.

Mọi khi ngủ anh thường hay mơ, vậy mà giấc ngủ đêm ấy trọn tuột, chẳng mơ mộng gì. Thật phi lý. Chính anh cũng không tin được, vì anh tầm thường, anh chỉ là một gã đàn ông, và như bất cứ gã đàn ông khỏe mạnh nào chưa vợ, anh đã từng rạo rức một mình trong đêm khi nghĩ tới đàn bà, hoặc hồi tưởng lại những cảnh ái ân trong phim ảnh, vậy mà anh lại ngủ ngon như thế. Hay vì đây là mối tình đầu, là đêm tỏ tình đầu tiên, đêm tỏ tình thơ mộng, hay vì mắt cô luôn ngơ ngác, không lúc nào lấp lánh lửa tình, hay vì cho tới khi cô hoảng hốt hỏi anh mấy giờ, chiếc hôn duy nhất vẫn là chiếc hôn nhợt nhạt ở Hồ Tây. Nhưng đó là những ý nghĩ về sau, những năm sau này, còn mấy hôm sau đó, anh chỉ luôn luôn nhớ cô và nóng lòng chờ buổi hẹn hò dạ hội. Trái với đêm trước, anh ngủ ngon lành, một mạch, không mơ, mấy đêm sau này, anh thường thao thức và đêm nào anh cũng mơ, có khi giấc mơ trở đi trở lại đến sáng bạch. Anh mơ thấy cô đạp xe về quê nơi dì cô, mơ say sưa nhảy cùng cô trong vũ hội, mơ mình là lũ khách ghim cương ngựa trước giàn thiên lý ngơ ngác tìm cô...

Cô đến đúng giờ và làm anh kinh ngạc... Trước mắt anh là một thiếu nữ gọn gàng, rục rờ và tự tin trong chiếc áo ngắn tay bằng crêp màu hoàng yến và chiếc váy ngắn bằng nỉ đen, bộ cánh dạ hội cô vẫn ao ước sẽ may bằng tiền công làm hộp của cô. Cánh tay và đùi cô mịn như bằng sáp. Nước da bánh mật, đôi mắt đen than và đôi môi thoa nhẹ lớp son màu sim nhạt mọng nên tạo cho cô một vẻ đẹp riêng biệt. Anh ngây người ra ngắm cô: lạ Chúa, thế mà Huệ cứ bảo cô không đẹp ư, mình thật là may mắn. Và khi anh còn đang ngây ngất nhìn cô, cô đã không ngần ngại lao vào vòng tay anh như một cơn lốc. Anh ghì chặt lấy thân thể tròn lẳn và hôn cô. Trái với buổi tối ở Hồ Tây, cô hôn lại anh, miệng cô thơm như mùi sữa trẻ con. Anh hôn cô, hôn lên đôi mắt to đen như than và luôn luôn tìm kiếm, hôn vào nốt ruồi xanh dưới cổ. Anh bế bổng cô lên và quay cô như quay đũa trẻ con theo nhịp van-xơ của bài "Sao Tuyết": étoile des neiges... mon coeur amoureux... Anh như mê đi. Cô cũng mê đi và tắt lịm trong cánh tay, buông rơi chiếc ví mang theo xuống sàn nhà... Cô nằm đó, thẫn thờ, mệt mỏi trong chiếc giường cá nhân mà đêm nào cô đã nhất định không nằm.

Mắt cô trở lại bàng hoàng và ngỡ ngác. Cô nhìn trần trần lên trần nhà. Cô nhìn trần nhà bằng giác quan nào đây, thứ bảy hay thứ tám. Trần nhà, vốn đã thấp, càng như thấp xuống, đè xuống mắt cô. Cô có thấy gì không? Mùi hoa lý, mùi hoàng lan hay mùi khế ngọt, dì cô đâu, dì cô có giống cô không? Cô như không thấy gì, không thấy anh đang vuốt tóc cô, không nghe thấy anh đang hứa hẹn và thề thốt. Anh thề chỉ càng yêu cô hơn, anh hứa nhanh chóng thu xếp để cưới cô. Cô không muốn nghe hay không nghe thấy gì hết? Mãi mãi cô mới mấp máy môi như để hỏi chính mình:

- Dạ hội bắt đầu như thế này ư?

Một lúc sau cô uể oải ngồi dậy và ngỡ ngác tìm nhặt chiếc ví rơi trên sàn. Cô ra ngồi bàn. Anh theo cô ra ngồi bàn. Cô lặng lẽ mở ví lấy ra tấm ảnh, đôi mắt đen than bàng hoàng tìm kiếm điều gì trên tấm ảnh, tấm ảnh chân dung của chính mình. Rồi cô lật mặt sau tần ngần. Góc ảnh, anh nhìn thấy mấy dòng chữ nắn nót: "Tặng anh yêu, chàng Xoavoa bé bỏng - Hoàng Tuyết".

Anh định cầm, nhưng cô chặn lại, hơi sảng giọng:

- Khoan đã.

Đến lượt anh ngỡ ngác. Cô thờ dài vờ chiếc kéo cắt giấy anh vẫn để trên bàn. Một nhát, hai nhát. Anh chỉ kịp giăng lấy phần còn lại. Cô bỏ hai mảnh cắt vào ví đứng dậy:

- Em về đây.

Anh lúng túng đi theo:

- Để anh đưa em về.

- Không em về một mình, anh quay lại đi.

Cô vừa nói vừa bước xuống cầu thang.

Anh ngần ngừ định cứ bước theo nhưng cô nói bằng một giọng xa lạ, có phần lạnh nhạt:

- Em thích về một mình.
- Thôi được, mai anh sẽ gặp em.
- Mai em về quê với dì em.

Anh đứng nhìn theo choáng váng. Hết cả rồi ư? Sao cô lạ thế? Cô hối tiếc ư? Nhưng anh yêu cô chân thành, yêu tha thiết cơ mà. Mắt anh nhòe đi. Như có những cánh hoa thiên lý rơi rụng sau lưng cô, những sao tuyết lả tả rơi sau lưng cô, và cả hoa khế màu tím nhạt cũng rơi sau lưng cô. Anh không gặp được cô lần nào nữa. Cô về quê thật. Ít lâu sau, mẹ cô bảo cô đã xin được một việc làm gì đó ở Sài Gòn. Cô em họ anh bảo hình như cô xin đi dạy cấp một ở khu kinh tế mới ở Lâm Đồng. Một số bạn cô bảo, cô đã đi di tản.

Gần chục năm trôi qua. Đêm nay cô lại trở về. Cũng ngán ngủi như đêm nào. Cô là ca sĩ chuyên nghiệp hay nghiệp dư? Có phải đi hát ba không? Bấy nhiêu năm cô làm gì, có vất vả không? Có chồng và có con chưa? Tại sao ngày ấy lại không tin anh? Sao còn chọn chính bài hát ấy ra biểu diễn? Vẫn chiếc váy đen, chiếc áo màu vàng. Còn nghĩ đến anh không? Liệu có dịp nào gặp lại nhau không? Gặp nhau để giải bày:

Sao tuyệt ơi, trái tim si tình của ta!

## Tiếng roi

Phiên tòa kết thúc. Dì ghê ba mươi tháng, bố đẻ mười hai tháng tù giam. Nhiều người nói nhẹ quá. Chê mấy khúc tre ra, gãy roi này lấy roi khác đánh thâm tím mình mấy suốt từ vai xuống đùi, bắt tự khâu mồm lại để đánh, khỏi khóc, khỏi kêu. Chỉ vì làm gãy cổ một con vịt và dám lấy hai trăm đồng (tiền cho người ăn xin) để mua tranh. Tôi cũng thấy là nhẹ. Thế mà ra khỏi tòa lại có người nói, có khi tại nghèo quá, hai trăm đồng chỉ đáng cái kẹo lạc chứ bao nhiêu.

Ồ, sao lại tại nghèo. Tôi bỗng nhớ tới một chuyện. Sự thực thì tôi nhớ tới ngay khi người làm chứng nói, cách xa bốn mươi mét còn nghe thấy tiếng roi. Tôi như nghe thấy tiếng roi từ hai phía, hiện tại và quá khứ.

Chuyện xảy ra lâu rồi, đã hơn ba chục năm, từ thời chiến tranh chống Mỹ. Cũng con vịt, cũng tiếng roi đen đét, cũng dì ghê, con chồng.

Năm đó trường sư phạm vợ chồng tôi dạy sơ tán lên một vùng đồi trung du. Vợ chồng tôi và đứa con gái nhỏ hai tuổi ở nhờ một nhà dân. Chủ nhà cho chúng tôi ở riêng cái chái nhà cũng lợp rạ như ngôi nhà liền kề của ông. Chủ nhà là một người đàn ông thấp bé trạc bốn mươi tuổi, nhuộm răng đen. Tên ông là ông Cống, chắc ý bố mẹ mong trở thành ông cống, ông nghề chứ không phải cống rãnh, mặc dù đứa con trai trạc tuổi thằng bé bị đánh kia, có tên là Cống. Nhà có vẻ nghèo, mặc dầu thấy có một con trâu thường buộc ở góc mít, nhưng chắc trâu nhận nuôi của Hợp tác xã, vì thời ấy làm gì có ai có trâu riêng. Tuy nghèo, nhưng ông có khu vườn hoang khá rộng, tôi đoán phải đến ba sào, nhưng ông lác đầu bảo hơn nửa mẫu đấy. Trong vườn cây cối mọc lung tung, vài cây ổi, vài cây mít, cây lá sơn thuyền, cây nào cũng cần cỗi, kể cả lớp rào tre bao quanh khẳng khiu không mọc nổi măng, có lẽ lâu đời không trồng lại. Còn lại khắp mặt vườn, chỗ cỏ gianh, chỗ cỏ xước và những đám cây ổi non, do phân chim lẫn hạt ổi nở ra. Tôi nhìn mảnh vườn mà vừa tiếc cho đất vừa tiếc cho ông, bảo:

- Tôi chỉ mong sau này có một mảnh bằng một phần ba mảnh vườn này, trồng cây ăn

quả, lấy bóng mát. Khu vườn này mà vào tay tôi, cây cối xum xuê ngay.

Không ngờ ông đón ngay lấy:

- ông thích tôi bán cho ông một nửa. Tôi lấy sáu trăm thôi.

Chả hiểu ông nghĩ thế nào lại hỏi tôi như thế. Thật ra sáu trăm lúc đó chỉ bằng tiền cái xe đạp. Nhưng cái xe đạp lúc đó lại quan trọng như đôi chân của mình và không phải ai cũng có xe đạp, đủ tiền mua xe đạp. Nhưng cái chính là chuyện sơ tán, sơ tán chứ không phải trường cấm mãi ở đây và mình ăn đời ở kiếp ở đây.

Bà Cống mất khi thằng Cống mới được hai tuổi. Người ta nói nếu còn bà Cống nhà không đến nỗi hoang hóa như thế. Bà ta là người đàn bà tần tảo, khôn ngoan đủ điều. Cái vườn trước có rộng thế đâu, mua thêm của người khác đấy chứ. Mới đầu người kia nhất định không bán. Bà ấy bảo vườn nhà mình phía đông của nhà ấy phía tây, cấm cho một hàng gộc tre ở ranh giới, rễ tre lan ra, bóng tre đổ xuống, chỉ còn ít nắng nhạt buổi chiều, xem trồng gì nổi không, lại không sang tận nhà gọi bán chứ lại làm bộ. Nhà kia phải bán thật. Người đàn bà vui miệng kể tiếp chuyện bà Cống nấu rượu bán cho chồng, chờ lúc ông Cống đi cày vắng bà ấy ở nhà đồ cơm ủ men nấu rượu, giấu kỹ một nơi, ông Cống muốn uống rượu chịu khó cày thuê thêm, đánh gộc tre mướn, xùy tiền ra, khác bà ấy đi mua hộ, vừa giữ được tiền lại không mất lãi. Một người đàn ông cùng ngồi góp chuyện hỏi nữa:

- Thế bà có bắt chước bà ấy, bán rượu cho ông nhà không?

- Khỉ gió nhà ông, ai tinh quái như bà ấy được, mà có phải đàn ông ai cũng ngu ngơ như ông ấy đâu.

Người đàn ông tiếp:

- Vợ chồng tình nặng, nghĩa sâu, những lúc ăn nằm với nhau cũng ma quái như thế chắc, thế mà gọi là khôn à, có khi chết đi chồng lại sướng hơn.

Chẳng hiểu ông Cống khổ sở hay sướng hơn, nhưng cả ngày chẳng thấy ông nói một lời, cứ lầm lũi vác cây, dắt trâu, hoặc vác cuốc ra đồng, trưa và chiều tối mới về. Tháng hoặc mới thấy ông nói với thằng Cống vài tiếng, toàn những câu trống không "Đã nấu cơm chưa?" "Rút thêm ít rơm đi" "Chưa cho trâu ăn à?", như thể vợ chồng trẻ nói với nhau. Thằng Cống cũng ít nói, thường cũng chẳng trả lời bố, việc bố hỏi đã làm rồi thì thôi, chưa làm thì lặng lẽ đi làm. Cả ngày lẫn đêm hầu như không nghe thấy tiếng nói trong nhà. Cũng chẳng có tiếng mèo, tiếng chó, chó phòng đại cấm không được nuôi, chỉ đôi khi ngoài vườn cất lên tiếng gà gáy trưa buồn tẻ làm tăng thêm vẻ u tịch. Tôi hỏi mấy người hàng xóm sao ông ấy không lấy vợ khác, cho đỡ vất vả. Một bà ái ngại nói:

- Cũng mới lái dạm hỏi mấy chỗ đấy. Nhưng ai cũng lo ông ấy hiền quá, không biết làm ăn. Lại còn uống rượu nữa.

Thì ra thế, thì ra ông mang tiếng hiền quá hóa ngu. Đã ngu thì nghèo đói. Lấy chồng để đói thì lấy làm gì. Lại còn uống rượu nữa. Có phải người đàn bà nào cũng biết nấu rượu bán cho chồng đâu.

ông uống rượu, nhưng không nát rượu, không gây gỗ, không to tiếng kể cả với con, có lẽ chỉ để ngủ say, quên sự đời. Không có tiền mua rượu, thỉnh thoảng ông hỏi vay tôi, lúc vay vợ tôi. Nhưng lần nào ông cũng tìm cách trả sòng phẳng. Lần thì bằng mấy bó rào tre, cành ổi đã phơi khô, để chúng tôi đun, đằng nào cũng phải mua củi, mà củi thời sơ tán đắt như thịt, lúc đun nấu, tưởng như mình lấy thịt ra đun cơm. Lần thì ỏ trứng gà, lần thì quả mít, có lần không còn gì, ông gán cho cái chày mới đeo bằng gỗ ổi bảo để giã cua, chúng tôi cũng vui vẻ nhận, mặc dầu làm gì có cối, và cối vẫn phải mượn của ông.

Nửa năm sau, Tết ra, khoảng giêng hai, một hôm, sáng sớm thấy ông ăn mặc tươm tất, bộ quần áo nâu mới tinh, nón cũng mới, chiếc khăn mặt trắng quàng cổ, tóc cũng cắt mới, mặt mũi hơn hớn, vất vả bước ra khỏi nhà. Tôi tưởng ông đi ăn cỗ xa. Nhưng vợ tôi bảo:

- ông ấy đi hỏi vợ đấy.

Tôi lo lắng hỏi lại:

- Nhưng rồi lấy tiền đâu để cưới?

Vợ tôi chắc lười:

- Họ hàng mỗi người giúp một tí, rồi làm ăn trả sau.

Trong lòng, tôi thầm mong cho ông lấy được vợ cho đỡ cô liêu; nhưng cũng lại lo cho thằng Cộng, cảnh dì ghẻ con chồng, vì chính tôi đã từng là đứa trẻ trong cảnh ấy.

Hai hôm sau, thấy ông về, theo sau là một người đàn bà kém ông chừng chục tuổi, cũng thấp như ông, nhưng mập mạp, mặt mũi cũng dễ coi, da dẻ có thể tạm coi là trắng trẻo, chỉ mỗi tội mắt lông quặm, nhìn bình thường cũng như lờm nguýt người ta.

Từ ngày người đàn bà về ở với ông, trái với điều tôi thầm lo cho hăng Cộng, nhà vẫn yên tĩnh như không, việc ai người ấy làm, thằng Cộng vẫn chăn trâu và chăn dăm con vịt. Người đàn bà chẳng bao giờ trò chuyện với chúng tôi, thậm chí, ít khi nói với chồng, nên tiếng nói thế nào đành hay hiền, tôi cũng chẳng biết.

Cuộc sống cứ thế lặng lẽ trôi đi, mấy tháng sau, ngày Tết Đoan Ngọ, không khí trong nhà có vẻ nhộn nhịp hơn. Đàn vịt thằng Cộng chăn đã chèo cánh. Người đàn bà gánh vịt đi chợ bán. Ông Cống bớt lại một con, giết thịt, hầm tiết canh, làm cỗ cúng. Người đàn bà đi chợ về mang theo mấy quả dưa và một cút rượu. Có lẽ lâu lắm rồi, hôm đó, trong nhà mới có một bữa ăn đậm ảm như thế. Lúc sau, hương đã tàn, ông Cống có lẽ đã ngả cổ xuống, và gọi vợ bắc cơm lên. Thằng Cộng, lóng ngóng theo sau bưng đĩa tiết canh. Tiếng ông gọi to hơn, vang hơn mọi khi, tràn trề niềm vui và hạnh phúc.

Tôi ở nhà trái kệ bên theo dõi tất cả, cảm thấy mình cũng vui lây sự đậm ảm gia đình. Bỗng tôi nghe đánh xoảng một cái. Lặng đi một phút sau đó là tiếng roi vọt đen đét và tiếng ông Cống quát lên giận dữ:

- Bưng như thế à? Làm ăn thế này à? Thế này thì còn gì nữa?

Tiếng quát lẫn tiếng roi quật đen đét nghe rợn người. Trời ơi, cơn nghiện bắt đầu, có lẽ bao nhiêu lâu rồi mới có đĩa tiết canh lại bị quăng mất, thằng bé bị đánh chết mất. Tôi vội vàng chạy sang để can ngăn. Bước sang cửa nhà, tôi nhìn thấy thằng Cộng mặt tái mét đứng sát vào một góc nhà, còn ông Cống thì mặt đỏ phừng phừng, tay vẫn cầm que tre quật đen đét xuống giát giường, mảnh đĩa vỡ và tiết canh tung tóe dưới đất.

Tôi vội lùi ra ngay. Còn ông Cống cũng ngừng vọt giường và quát vợ:

- Không đi dọn đi, còn đứng đấy mà lờm nó à?

Sống nhờ nhà ông gần hai năm trời, đây là lần đầu tiên, cũng là lần duy nhất, ông vọt giát giường và quát vợ con.

Vậy thì đâu phải tại nghèo, cũng đâu phải thời bây giờ được học hành giáo dục nhiều hơn mà bớt ác. Nhân chi sơ, tính bản thiện. Nhưng sách cũng dạy "tính tương cẩu, tập tương viễn".

Một người bạn tôi nghe tôi kể lại, nghĩ khác, anh bảo:

- Tại trời. Cha sinh con, trời sinh tính. Theo khoa học là tại những gen đặc biệt. Vì thế mới có kẻ dại người khôn, người hiền kẻ ác, kẻ lừa lọc lừa được người lại cho là mình giỏi, ăn được của người lại nghĩ là mình khôn, hiếp đáp được người lại cho là mình mạnh, ác lại cho là mình có quyền, có người sang trọng, giàu có hẳn hoi vẫn tắt mắt... thế mới gọi là thập vạn chúng sinh. Tôi chưa hẳn tán thành ý kiến của bạn tôi nhưng tôi cũng không thể hoàn toàn bác bỏ.

## Rừng đêm cuối năm

"Bao giờ thì kháng chiến thành công?"

Giọng chị ghen ngào. Anh nghe tiếng chị đồ phịch xuống giường và bật khóc. Bây giờ thì thủ đô, làng Hoàng Mai của chị, đã sắp kỷ niệm giải phóng năm mươi năm. Có lẽ chị



đã thối khóc được gần năm mươi năm.

Nước mắt ấy đã lâu lắm rồi.

Nhưng nỗi kinh hoàng đã phải trải qua thật là nghiệt ngã.

Năm ấy Toàn xin nghỉ phép về nơi gia đình tản cư ăn tết. Ròng rã bảy ngày đường, cuối mùa đông mà sau lưng mồ hôi vẫn đầm đìa, về đến nơi, gia đình đã hồi cư, cả gia đình người yêu cũng đã hồi cư. Đành phải quay lại Hà Giang ăn tết cơ quan, mà phải đi nhanh, đi cố, gặp đầu ngũ đấy, mới khỏi lỡ tết ở dọc đường.

Sáng ngày thứ năm, cũng là ngày 28 tết, chỉ còn cách Hà Giang non sáu chục cây số. Lúc ấy đã nhá nhem, anh rẽ vào một ngôi nhà cô quạnh ở bìa rừng. Xung quanh nhà rào nửa, cổng khép im lìm không tiếng vật, tiếng người. Anh thấy hơi ngại ngùng, nếu không có mùi khói từ trong nhà tỏa ra, có lẽ anh đã không đẩy cổng vào đánh tiếng. Một người đàn bà từ trong nhà lộ đầu ra. Toàn nói đi trả phép lỡ đường xin ngủ nhờ.

Cửa liếp chống lên. Người đàn bà còn trẻ, đôi mắt to sâu, u buồn, giọng trầm. Trong bóng tối nhu nhơ, sự trống trải ngay phút đầu đã gây cho anh một tâm trạng phân vân bối rối. Một ngọn đèn dầu mù mờ trên chiếc giường tre lạnh lẽo với đồng chiếu sát vách. Đồng củi sưởi lập lòe trên nền đất gian bên. Một bộ ấm chén cạnh đồng củi sưởi. Ngoài ra không có gì, kể cả bát đĩa nôi niêu. Vật dụng có lẽ đều chứa trong gian buồng bên trái. Căn nhà thật trống trải, đã thế mấy con dơi cứ chao đi chao lại vun vút, âm thanh sắc lạnh như trong hang đá. Lòng nhà hẹp mà mọi thứ cứ như rời rạc, tách biệt hẳn nhau ra, người đàn bà, đồng lửa, chiếc giường tre, ấm chén... Không hiểu sao, Toàn thấy hơi rờn rợn, ngần ngại chưa muốn tháo ba-lô.

- Nhà đi đâu cả chị?

Chủ nhà nhìn anh, chạy lại bên đồng lửa, đẩy củi, một lúc miễn cưỡng trả lời:

- Có mỗi mình tôi thôi.

- Vậy tôi nghỉ đây...

Toàn lúng túng đưa mắt hỏi.

- Không tiện chứ gì? Nhưng sáu bảy cây số nữa mới có nhà.

- Sáu bảy cây số... độ tiếng rươi thôi, tôi đi cũng được. Chào chị.

Toàn vừa nói vừa quay ra.

- Khoan đã.

Đến lượt người đàn bà bối rối.

- Vùng này nhiều hổ lắm. Đêm qua nó vừa phá rào chui vào bắt của tôi con chó.

Nhìn mắt người đàn bà, thấy vẻ băn khoăn lo lắng. Như chợt nhớ ra, chị vội nói tiếp:

- Cách đây hai tháng, một con trâu đực đầu đàn ghì chết một con hổ vào vách núi. Khi gỡ ra, mấy giờ sau con trâu cũng chết.

Toàn đứng lặng đi ở bậc cửa, phân vân. Anh đã từng đi đêm một mình trong rừng và còn lạc nữa. Một lần, xuống công tác xã, từ nơi họp đêm về bản anh ở chỉ non cây số, nhưng đến một con suối nhỏ cắt ngang, phải lội dọc suối một quãng ngắn mới sang đường mòn đi tiếp, đang lội đuối tắt, anh phải lộn đi lộn lại dưới lòng suối, lần sờ mép bờ, mãi mới tìm ra lối sang. Nhưng lần ấy có non cây số, qua suối một đoạn đã hết rừng. Đêm nay, những sáu bảy cây, rừng miên man, lại nhiều hổ. Đôi mắt, giọng nói người đàn bà quá ư thành thật...

- Thôi, anh bỏ ba-lô ra, chẳng qua tản cư, kháng chiến, chúng ta mới phải thế này - Giọng người đàn bà quả quyết, chị chỉ chiếc giường tre - Anh ngủ ở đây, còn tôi ngủ trong buồng cơ mà.

- Vâng, đành vậy. Nghe chị nói, tôi cũng hơi rờn rợn.

Toàn quay vào đặt ba-lô xuống giường tre.

Người đàn bà khêu to đèn, dẫn anh ra rửa ráy và chỉ chỗ hàng rào gần giếng:

- Đấy, đêm hôm qua đấy!

Quả thật lỗ nửa xô to bằng miệng thúng.

Sau khi đã sập cửa, cài then cẩn thận, người đàn bà hỏi anh đã ăn uống gì chưa, rồi vào buồng lấy sẵn bảo nướng ăn cho vui. Toàn bóc sẵn và định vui ngay vào than.

- Ô, không, anh phải dựng lên một lúc cho khô đã, rồi mới vui, mới không lấm tro.

Vừa nướng sẵn, anh vừa trả lời những câu hỏi của chị, làm gì, cơ quan nào, gia đình ư, đã hỏi cư, về phép tết rồi quay lại.

- Còn chị, sao lại ở đây có một mình?

- Nhà tôi mất cách đây hơn nửa năm.

Đôi mắt to bỗng lơ đãng hẳn đi.

- Bị bệnh à?

- Sốt rét ác tính.

- Chị ở đâu tản cư lên?

- Chúng tôi ở Hoàng Mai.

- Hoàng Mai ở chợ Mơ đi xuống à?

- Phải đấy.

- Hồi bé tôi đã đến chữa bệnh ở đây vài ba tháng. Nhà có cây ngọc lan to bằng người ôm, sáng sáng tôi vẫn ra nhặt hoa rụng.

(thiếu mấy hàng)

- Sao lại chạy lên tận đây?

- Mới đầu chạy sang Vân Đình, rồi dạt dần lên Phú Thọ, Đoan Hùng, sang Tuyên Quang rồi lên đây.

- Anh ấy làm gì?

- Nhà tôi vào rừng đốt ủ than hoa, còn tôi buôn bán nhè nhàng, nấu rượu. À, anh uống chén rượu cho ấm bụng nhé?

- Cảm ơn chị, tôi không biết uống. Tết này, chị có gói bánh chưng không?

- Có chứ, mai tôi mới gói, mấy cặp thôi, còn để cúng nhà tôi, nhưng như một mình tôi, mà thôi, buồn lắm.

Chị không nói tiếp.

Sắn nướng rất ngon, rất thơm. Lửa cháy rừng rực, bập bùng in trong đôi mắt to và sáng. Lần đầu tiên anh ngồi gần đàn bà. Lại trong đêm tối. Người đàn bà tuy mắt dài và to, mọi thứ (ở chị?) đều như hơi quá cỡ, nhưng nó (mắt?) lại cứ như đang cháy dần lên cùng với than, và từ đó (từ mắt?!) tỏa ra một mùi gây gây pha mùi khói ám đến là khó chịu.

- Chị định ở đây đến lúc kháng chiến thành công à?

Toàn hỏi cho có chuyện.

- Đành vậy, biết đi đâu. Mỗi lần chạy một lần làm nhà.

- Nhưng ở đây...

- Vâng. Đạo còn nhà tôi cũng chẳng hưu quanh lắm đâu. Bây giờ lắm lúc buồn phát ốm.

Người đàn bà thở dài. Chẳng hiểu sao, Toàn cũng thở dài theo. Cả hai cùng lặng lẽ cời lửa. Bỗng mắt chị tự dưng vụt sáng, chăm chú lắng nghe rồi hỏi anh:

- Anh có nghe thấy tiếng gì không?

Đúng là có tiếng lép bép ở đâu đó rất xa.

Bốn năm năm ở rừng, Toàn không lạ gì tiếng đó, nhưng vẫn giả vờ:

- Tiếng nai hoẵng thì phải.

- Anh không biết thật à? Hở đấy. Bây giờ chắc anh tin tôi rồi chứ?

- Đêm hôm qua lúc nó vào, chị có biết không?

- Có chứ. Con chó tru lên, cuống quýt. Khổ thân nó. Nhưng anh bảo làm sao tôi dám ra mở cửa cho nó vào.

Tiếng đánh lười gần dần. Chị đẩy mấy khúc củi cho cháy to hơn, nói bằng giọng:

- Chắc nó quen mùi.

Toàn quay về phía cửa liếp, nhìn khe cửa dưới cái toang tre. Cái toang tre khá to, khá chắc chắn. Nhưng khe cửa thì không có gì chắc chắn cả. Trong nhà không có lấy một cái gậy nào. Anh hơi yên tâm khi nhớ ra thanh củi dài, to hơn bắp chân, đang cháy.

Tuy vậy, cảm giác rờn rợn vẫn không rời. Một con dơi bay sạt đầu làm anh giật mình. Cùng lúc ấy, một con mèo mướp nhỏ từ trong buồng chạy ra, cuống quýt rúc vào người chị.

- Nó sợ đấy.

Vừa nói, chị vừa bế nó lên, áp má vào, xoa xuyết: "Ôi, thương lắm, quý lắm, chiều lắm!... Bây giờ chỉ còn hai mẹ con mình thôi!". Chị ép chặt nó vào ngực, đung đưa như ru trẻ, đầu hơi cúi xuống như quên hẳn anh đang ngồi cạnh, như chỉ còn riêng mình với nó, như đêm đêm vẫn thường như vậy chứ chẳng phải chỉ đêm nay. Ngoài rùng, tiếng lép bép vẫn lúc xa lúc gần. Trong nhà, dơi vẫn chao đi, chao lại, vun vút, sắc lạnh. Khủng khiếp quá. Đêm đêm cứ như thế này ư? Và đêm mai, đêm ngày kia, ngày kia nữa? Trong lòng Toàn bỗng trào lên một niềm thương xót vô bờ. Anh muốn ôm lấy người đàn bà, bế lên áp má vào, xoa xuyết "ôi, thương lắm, thương lắm, tôi thấu hiểu hết rồi!". Người anh run lên. Chừng như cũng nhận ra điều gì khác thường, người đàn bà ngẩng lên, mở to đôi mắt:

- Anh bế nó đi!

Người đàn bà vẫn nhìn anh không chớp, hai tay đưa con mèo cho anh như thể đưa con. Anh còn đang ngần ngừ lúng túng, chị đã ấn luôn con mèo vào. Cả anh và nó đều bị bắt ngờ, anh chưa kịp đỡ lấy hoặc hất tay ra, con mèo đã hoảng hốt quào anh, nhảy lùi lại, chui tọt vào gậm giường.

Chị bật cười. Lần đầu tiên chị cười. Cái cười thật thoải mái và lúc này (chị?) trông cũng đẹp. Toàn cũng bật cười theo:

- Chị làm nó sợ thêm rồi đấy!

- Sao anh không bế nó?

Người đàn bà nhìn vào đồng lửa, môi mím lại, mắt sầm tối. Toàn bỗng thấy bứt rứt. Tại sao anh không bế nó? Nhưng anh đã định bế hay không bế đâu. Nhưng tại sao anh lại phải chần chừ? Nó đang sợ, nó đang cần bế kia mà. Mùi gậy gậy ám khói vẫn còn đang ngậy lên. Nhưng con hổ đã đi xa rồi. Nó không bép bép đánh lười nữa. Một lúc người đàn bà ngáp khẽ:

- Mấy giờ rồi anh?

Toàn xem đồng hồ:

- Gần mười một giờ.

- Thôi anh đi ngủ đi. Có lẽ anh cũng mệt. Anh ngủ chiếc giường kia. Đắp thêm chiếu vào. Chiếu mới cả đấy. Cái chăn trần thủ của anh không chịu nổi đâu. Đêm ở đây lạnh lắm.

Chị vừa nói vừa cho củi cháy to, bảo cho anh đỡ rét, hổ thấy lửa cũng kiêng.

Mặc dầu hôm ấy đi tới hơn bốn mươi cây số, đi nhiều nhất so với mấy ngày trước đấy, mỗi mệt, Toàn vẫn mãi không ngủ được, phần vì rét, đêm ở đây quả thực lạnh kinh người, phần vì những điều xảy ra không ngừng làm xáo trộn lòng anh. Đắp thêm hai cái chiếu mà vẫn rét. Kéo chăn che kín đầu cho ấm thì tiếng dơi chao nghe bức bối làm sao, và không nhìn thấy gì càng bức bối. Để chăn hở đầu thì rét, thêm nữa ánh lửa bập bùng, mùi khói, mùi gậy khét mớ hồ như vẫn lượn lờ, càng thêm khó ngủ. Thình thoảng anh lại nhìn về khe cửa liếp, nghĩ vẫn vợ, sao người ta bảo hổ sợ lửa, cái lỗ hồng nó phá chẳng là lửa đấy ư? Cái khe cửa này có chắc chắn hơn hàng rào mắt cáo kia không? Toàn xoay người nhìn khúc củi to đang cháy, nó chỉ còn dài hơn nửa sải tay. Nó cháy ngắn quá thì... Chị ấy đã ngủ chưa nhỉ? Người chồng mất đã hơn nửa năm nay. Hơn nửa năm là bao nhiêu đêm? Đêm nào cũng ôm ấp con mèo như thế ư? "Ôi, thương lắm, quý lắm, chiều lắm!" Chị ấy vẫn thình thoảng vật vã trở mình. Chắc cũng không ngủ được.

Toàn hai lần dậy đến đây củi cho khỏi tắt, cho đỡ lạnh. Hơn mười hai giờ. Lần sau một giờ. Lần nào cũng ngồi lại bên đống lửa tới mười phút. Vừa để sưởi ấm, vì càng khuya, càng buốt giá, vừa như chờ đợi một cái gì đấy, cái gì nhỉ, thân phận con người, kháng chiến, rừng hoang vu và hổ, tét đến nơi rồi, mùi gậy gậy khói ám, anh ngửi thử mùi áo trần thủ của mình.

Không rõ lúc nào thì anh ngủ được, ngủ thiếp đi, mê mệt, đến nỗi có lúc anh vừa ngủ vừa nghe thấy tiếng ngáy của chính mình.

Nhưng chính lúc anh đang thiếp đi như thế, một cái gì đó bỗng vồ lên chân anh. Anh hoảng hốt, đạp một cái thật mạnh, hất luôn chăn chiếu và chồm dậy. Lửa đã tắt. Chỉ còn than hồng vẫn rực đỏ.

- Cái gì thế?

Người đàn bà từ trong buồng đánh tiếng.

- Con mèo, tôi đang ngủ say nó vồ lên người.

- Nó vồ dơi đấy.

Phải, đúng là nó vồ dơi. Và anh đã đạp nó văng vào vách liếp. Rõ ràng như thế, nhưng cảm giác kinh hoàng vẫn ón rợn trong anh. Anh tưởng như đang ở trong một hang núi âm u, nhờ tối...

Chị cũng đang trần trở. Từ trong buồng, chị lại hỏi giọng ra:

- Anh chưa ngủ đấy chứ?

- Chưa.

- Lửa tắt rồi à?

- Tắt rồi nhưng vẫn còn than.

- Sao anh không nhóm lên?

- Tôi dậy nhóm hai lần rồi.

- Tôi cũng biết cả. Anh nhóm lại nữa đi. Đêm nay lạnh quá.

Nhóm lại ư? Một đồng lửa hồng để xua đi bóng tối và buốt giá. Rồi từ đồng lửa sẽ bước ra một người đàn bà, mắt to, u buồn, mùi gầy khét ám khói, mùi rừng, mùi thú cái, cái mùi có lúc đã làm anh hơi nôn nao, áo quần anh tưởng như cũng đã lây mùi. Liệu anh sẽ xử trí ra sao, sẽ bỏ chạy, sẽ xua đuổi, hay sẽ cởi quần áo đeo lá vào, cùng nàng nhảy múa quanh đồng lửa như cặp người mộng muội? Anh biết mình đang nghĩ lung tung. Nhưng những ý nghĩ lung tung ấy vẫn cứ bám riết anh, anh không muốn kéo dài nhưng không thể chấm dứt. Anh như một kẻ rất thèm chơi nhưng lại sợ mình thua cuộc, trắng tay.

Người đàn bà vẫn vật vã trở mình.

Nhưng rồi do thức quá khuya, do mỏi mệt, anh cũng chợp mắt được, tuy không say lắm, chập chờn nghe thấy tiếng hổ đánh lười, không rõ mơ hay thực. Anh mở mắt. Một bóng đen lù lù gần mép giường. Anh hoảng hốt nhảy vọt về phía cuối giường, thủ thế.

- Anh làm gì thế, tôi đây mà.

- Ôi, chị làm tôi hết hồn.

- Anh không nghe thấy gì ư? Gần lắm.

Quả thật, tiếng bép bép rất gần.

- Chị sợ à?

- Tôi sợ, không hiểu đêm nay làm sao ấy, tôi sợ lắm.

- Tôi ra nhóm lửa lên nhé!

- Vâng, để tôi vào lấy sắn nướng ăn thêm, không ngủ được chóng đói lắm.

Sắn nướng rất ngon, rất thơm. Tiếng người, ánh lửa có lẽ đã làm cho con hổ bỏ đi. Máy con dơi lúc này cũng đâu mất, không chao đi, chao lại nữa. Chỉ còn thấy ầm cúng, bình yên.

- Anh ăn mấy cái tết xa nhà rồi?

- Ba lần.
- Tết ở cơ quan có vui không?
- Vài ba người, ngồi đánh cờ, rồi đến bữa kéo tới nhà anh em có gia đình.
- Hay là anh...
- Chị bảo sao?
- À không... tôi định bảo... giá ở gần, các anh kéo đến đây cho vui, nhưng xa quá.
- Vâng, xa quá.
- Thôi anh đi ngủ đi, còn gần sáu chục cây số nữa cơ đấy. Máy giờ rồi?
- Ba rưỡi.
- Từ giờ tới sáng, chắc nó không quay lại nữa đâu. Thế là thoát, phải không anh?

Chị vừa nói vừa đứng lên, nhưng vẫn nhìn anh, đôi mắt như thằm hỏi tiếp: Thoát cái gì mới được chứ? Sự sợ hãi, nỗi kinh hoàng, sự nhút nhát, hay cái gì, cái gì mới được chứ? Con mèo mướp từ đâu lại ra quấn vào chân chị. Chị lại bế nó lên, ghì chặt nó vào ngực, loạng choạng đi vào buồng, “Ồi, thương lắm, thương mày lắm, mèo ơi... bao giờ thì kháng chiến thành công?”. Giọng chị nghẹn ngào.

Từ nhà ngoài, anh nghe thấy tiếng chị đổ phịch xuống giường, và chị khóc. Lên giường nằm rất lâu, anh vẫn còn nghe chị khóc, tiếng khóc rất thằm rất khẽ, cố nén để khỏi bật ra. Mấy lần Toàn đã định chồm dậy, đẩy cửa vào lau nước mắt cho chị. Sau này, nhiều lần anh còn gặp lại nước mắt của đàn bà, mỗi người một khác, nhưng chưa bao giờ cô đơn, đau đớn, nghiệt ngã đến thế, nghiệt ngã đến vô cùng.

Sáng hôm sau, anh ngủ dậy rất muộn, nhìn đồng hồ đã gần bảy rưỡi. Người đàn bà đã dậy từ bao giờ, đôi mắt to quầng trũng, đang chải đầu trước cửa. Khi anh ra rửa mặt, chị theo ra và chỉ cho anh vết chân hổ mới ngay gần giếng:

- Anh xem!
- Chị phải rào lại cái lỗ hồng kia đi.
- Tôi cũng định hôm nay rào lại.

Mọi nỗi kinh hoàng dù sao cũng đã qua đi, tiếng dơi chao, mùi gậy gậy khói ám, tiếng bép bép xa và gần... Hai hôm nữa là tết. Bao giờ thì kháng chiến thành công?

Lại “Bóng Đè” hay  
thư ngỏ gửi ông Trần Huy Thuận

Tôi đã nhận được cuốn *Ngang qua cuộc chơi* và bài viết *Nhà văn Nguyễn Bản và cái "vạ" văn chương* trên trang [vanchuongviet.org](http://vanchuongviet.org) ông gửi tặng. Cám ơn ông về thiện chí, nhưng đành lòng phải bày tỏ cùng ông về những sai sót quá là không chịu nổi trong bài ông viết.

Đọc qua, là thấy rõ ông dựa vào bài *Nhà văn Nguyễn Bản* của Nguyễn Khôi trong cuốn *Cổ Pháp cổ sự (tập 4)* để viết, và còn "hoa lá" thêm, bởi ông có biết gì về tôi đâu.

Trước đó vài tháng, Nguyễn Khôi có gửi tặng tôi cuốn sách ấy. Đọc xong phần viết về tôi, tôi đã gọi điện cho Nguyễn Khôi cám ơn, đồng thời than phiền ông này viết sai nhiều quá, và Nguyễn Khôi đã hứa tái bản sẽ sửa lại.

Trước hết, là về ngôi nhà 12E ngách 173/151 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội tôi đang ở. Ngôi nhà tuy nhỏ, nhưng là niềm vui của tôi, mà trong bài viết *Ông một mình* trên trang blog của Trần Nhung tháng 2/2008, chính Nguyễn Khôi đã sao gửi cho tôi ngay sau đó, Dương Hương viết: "Ông [tức Nguyễn Bản] tự trào nói vui: đây là căn nhà *sạch* nhất Việt Nam. Nó được mua hoàn toàn bằng những đồng tiền *sạch* của những tác phẩm *sạch* ông viết ra, ông thà chết đói chứ không bao giờ chịu uốn cong ngòi bút làm ra những tác phẩm *bẩn* để lấy đồng tiền *bẩn* mà khối lão tên tuổi thường làm".

Đúng vậy, mua đất, làm nhà là hoàn toàn bằng tiền sạch đó. Vậy mà qua Nguyễn Khôi việc đó lại được hóa phép thành *Cháu Tố Tâm* (cô giáo tiếng Anh) mua cho trên 10<sup>m2</sup>, rồi qua ông "thần thông" tiếp thành "may mắn được *cô con gái lớn* (?) [con gái lớn là Đan Tâm ở Viện 103, chị của Tố Tâm] thương tình mua cho mảnh đất 10<sup>m2</sup> và cất cho ông một gian nhà mà nhà thơ Nguyễn Khôi đặt tên là *hộp diêm*".

Phép thần thông biến hóa của hai ông đã biến Dương Hương thành kẻ nói láo, Nguyễn Bản cũng thành kẻ nói láo. Đáng sợ cho văn chương chữ nghĩa!

Đã vạch ra đó là bịa đặt, thì cũng vạch ra luôn thể. Nguyễn Khôi tả: "... *đủ kê một cái giường thanh tịnh (giường một, cho cá nhân ở nhà tập thể)* [Sự thật là giường đôi trải đệm Everon 1,55 m x 2 m x 10 cm, Dương Hương đã mấy lần cùng ngủ trên đó, và Nguyễn Khôi cũng đã từng ngã lưng trên đó), *tủ nhỏ đựng quần áo, sách vở* (sự thật là có bốn tủ, một tủ sách trên gác xép, một tủ sách dưới nhà, một tủ gỗ thông nhỏ, vật kỷ niệm từ năm 1960 và một tủ gương to ba buồng, lim lát, một trăm năm sau chưa chắc đã hỏng) *ngóc ngách, xó xỉnh*, (sự thật là, vào sâu nữa, là nhà của mấy cán bộ Bộ Ngoại giao và một đại sứ, cả nhà cho Tây thuê, còn đối diện với nhà tôi là nhà 12c mà hai vợ chồng hiện vẫn đang ở sứ quán Việt Nam ở Nam Phi).

Xin nói thêm, khi làm nhà xong, tôi vẫn còn một số tiết kiệm năm lạng vàng và một ngôi nhà cấp bốn trong ngõ phường Thị Cầu trên thửa đất 147<sup>m2</sup> cho ở nhờ (năm 2003 bán được 4 lạng vàng). Khi làm gần xong nhà, tôi có nói với con Tố Tâm được Nguyễn Khôi nhắc tới đó, "nếu tao có thiếu, tao cũng chỉ vay tạm của con Băng Tâm (em nó, bác sĩ thực sĩ ở Viện Bông quốc gia, nghèo nhất trong bốn đứa con, nhưng tiền của nó chắc chắn là sạch nhất).



Ngôi nhà không thể dính một chút nghi ngờ là tiền bản. Thêm nữa, 20m<sup>2</sup> đất/đầu người ở khu Ba Đình trung tâm thủ đô có lẽ còn là mục tiêu của Hà Nội ít nhất năm mươi năm nữa, và ngôi nhà hộp diêm có gác xép 8m<sup>2</sup>, khi xây móng vẫn chuẩn bị đội thêm vài ba tầng nữa lên trên, nếu có thêm người ở, đối với một người quen sống tuềnh toàng như tôi là quá đủ.

Điều quan trọng nữa cần đính chính là việc ông gọi là cái "vạ" văn chương mà Nguyễn Khôi thì gọi là bị "phốt" cùm đòì (? - NB).

Nguyễn Khôi viết: "Có một lần hứng chí, sau khi giảng xong bài "Ta đi tới" của Tố Hữu, anh đã đọc thêm cho các em bài "Lời mẹ dặn" với đôi lời bình thê sự." Còn ông thì đổi thành: "Trong một lần cao hứng, sau khi giảng xong bài "Ta đi tới" của Tố Hữu, Nguyễn Bản đã "ngoại khóa" cho các học trò của mình nghe bài thơ "Lời mẹ dặn". Ai đó đã tố cáo chuyện ấy lên trên..." Ôi sợ quá! Xin thưa, tôi chưa hề dạy bài "Ta đi tới" của Tố Hữu bao giờ, thậm chí chẳng nhớ nổi một câu nào trong bài ấy. Không hiểu ông và Nguyễn Khôi đã đọc bài *Bắt đền Phùng Quán* trên tạp chí *Cửa Việt* số 13 năm 1992 và bài *Kỷ niệm nghề và nghiệp* trên báo *Văn nghệ* ngày 22-11-2008 chưa, nếu đọc rồi thì phải biết đó là chọn lựa, chính khóa, có chuẩn bị, chủ động, hai tiết học đàng hoàng trên lớp chứ không phải "*cao hứng* với đôi lời bình thê sự".

Thực ra, đem bài thơ của Phùng Quán ra dạy, danh sinh vẫn là hợp quy, hợp pháp, vì Bộ Giáo dục có chỉ thị hẳn hoi mỗi tháng một lần giáo viên Văn cấp 3 cần chọn một bài đăng trên các báo đem ra dạy để gắn liền với thực tế xã hội, hơn nữa bài thơ lại được đăng trên báo *VĂN* của Hội nhà văn số 21 ngày 17-9-1957. Một bài thơ hay không đem dạy cũng tiếc ... Nhưng đây mới là danh chính, còn ngôn có phần không thuận. Bởi ngôn ngữ đa thanh, đa sắc, nói "yêu" đâu chắc đã là yêu, nói "ghét" đâu chắc đã là ghét ... Trong truyện ngụ ngôn, khi linh dương nói với sư tử "*tâu bệ hạ kính yêu*" chẳng qua chỉ ở cửa miệng, chứ trong lòng đang muốn "*trời đánh thánh vật mi đi*" (*Kỷ niệm nghề và nghiệp*, báo *Văn nghệ* số 47, năm 2008).

Ông thấy đấy, không phải là cái "vạ" văn chương như ông tưởng một cách đơn giản đâu. Khi tôi viết "vì Phùng Quán mà tôi mang vạ và dọa sẽ bắt đền anh, người đọc không cần tinh lắm cũng hiểu ngay là nói lỡm đảy thôi. Tôi chưa viết bài nào cho *Nhân Văn*, đúng vậy. Nhưng tôi viết cho tôi, tôi luôn là người độc lập mà. Nếu ông đọc truyện *Bức tranh màu huyết thạch* của tôi, việc ông bỏ không nở đốt mà đem giấu những trang viết và một số báo dưới cái ổ gà trong trong chuồng lợn giết trong truyện, giống như bố Tống Giang giấu cho Tống Giang trong Thủy Hử ấy, chính là chuyện thật của bố tôi, tôi hỏi đâu rồi, ông chỉ một mực "không biết", chỉ tới khi người ta gửi về cho cái huy chương kháng chiến chống Pháp của tôi, và mọi việc đã tạm ổn, ông mới chỉ vào cái ổ gà trong chuồng lợn, lôi ra lôi ra hầu hết đã nhòe nát, chỉ còn mấy chương nháp cuốn "Bảo táp" và tờ báo Văn in truyện *Ông Năm Chuột* của cụ Phan Khôi cũng đã nát, hiện tôi còn giữ làm kỷ niệm, cách đây dăm năm, Phạm Thị Hoài có ghé thăm và ngờ ý "để em giữ hộ" nhưng tôi không cho, ông sẽ không nghĩ đơn giản như thế. Nếu tôi đơn giản như thế thì làm sao viết được những truyện như *Bức tranh màu huyết thạch*, *Chuyến ly hương cuối đời*, *Truyện sâu trong ngõ giếng*, *Đường phố lòng tôi*, *Thời chuồn chuồn cắn rốn*, v.v....

Cách đây một tháng, lớp Văn 3 trường Đại học Sư phạm Văn khoa họp mặt sau năm mươi ba năm tốt nghiệp (chứ không phải trường Đại học Sư phạm Hà Nội và không phải thời này. Sư phạm học có hai năm như Nguyễn Khôi chưa thêm đâu, hiện tôi còn giữ rất nguyên vẹn có ảnh đóng dấu nổi tằm thể sinh viên năm thứ ba trường Đại học Sư phạm Văn khoa do giáo sư Trần Đức Thảo, phó giám đốc ký ngày 2-11-1955). Chúng tôi họp ở nhà anh Nguyễn Đức Tiểu 18 Hàng Bè, anh Tiểu cũng đã từng phải đi lao động 14 tháng, anh Nguyễn Khắc Khoán, 14 tháng, hơn một nửa trong số 47 người đã ra đi trong đó có anh Hoàng Đình Luyện phải đi tới 3 năm mới được về Sở Văn hóa Quảng Bình. Các anh Tiểu, Khoán, Luyện có liên quan đến văn chương gì đâu, chưa kể một số đang giảng dạy bị ngồi chơi xơi nước. Việc này có lẽ còn lâu, trong những điều kiện lịch sử xã hội nhất định mới cắt nghĩa và đánh giá được minh bạch hơn.

Trên đây là hai sự nhầm lẫn lớn làm méo mó Nguyễn Bản đi một cách tệ hại.

Còn những nhầm lẫn nhỏ tuy chẳng quan trọng lắm nhưng cũng nên nói ra để thấy khi viết về một con người mà mình chưa hiểu mấy, nhất là những chuyện liên quan đến đời tư của người ta, một người viết nghiêm túc phải hết sức thận trọng, đưa bài viết cho người ta xem đúng hay sai, thậm chí xin phép được công bố.

Nguyễn Khôi viết: “Một ngày đầu hè những (?NB) năm 90 thế kỉ trước, Nguyễn Khôi phóng xe máy từ Hà Nội lên Bắc Ninh thăm nhà văn Nguyễn Bản (thật ra là năm 1997). Anh ở nhờ nhà người quen trong ngõ, một gian cấp 4 ọp ẹp... Trận mưa như trút nước nhà giột chảy long tong...” còn ông thì hư cấu thêm “tim đến tá túc nhà bạn tại một ngõ hẻm *suốt mấy chục năm trời* cho đến tận những năm 90 của thế kỉ trước”.

Đúng là nhà cấp 4 lợp ngói móc, có cửa sắt kéo, và ở mặt đường Lý Thường Kiệt, một đường phố chính và rộng lớn của thị xã Bắc Ninh, mà chủ nhân là anh Nguyễn Kiên, phó công an thị xã Bắc Ninh, yêu văn chương, yêu trí thức và tốt bụng. Lúc đó là cuối năm 1993, tôi đang sống với một cô gái quê mới học hết cấp 2, kém tôi hơn ba mươi tuổi sau khi đã li hôn với người vợ cũ tháng 3-1993. Tôi hỏi thuê của Nguyễn Kiên vì đó là ngôi nhà mặt phố lớn, có vỉa hè 3<sup>m</sup>5, có thể mở cửa hàng trên thửa đất hơn 100<sup>m</sup>2 mà nhà hàng Thu Trang liền kề đã trả 50 lạng vàng không bán. Nguyễn Kiên: - Cháu lấy tiền thuê của chú làm gì? Tôi: - Nhờ được dăm bảy tháng cậu đòi thì sao? Nguyễn Kiên:

Cháu làm giấy cam đoan cho chú ở nhờ năm năm, thậm chí có thể hơn, nếu chú có con với cô ấy. Và tôi đã ở nhờ ngôi nhà 129 Lý Thường Kiệt ấy từ đầu năm 1994, với số điện thoại 823912 rồi 825868 đến cuối năm 2001. Gần 7 năm (chứ không phải *suốt mấy chục năm* như ông viết) thì mua đất làm nhà ở Ngọc Hà trở về sống ở Hà Nội (nói trở về vì các con tôi đều sinh ra ở Hà Nội, hộ tịch gốc khu Ba Đình đã trở về cả trước rồi). Sao lại ngõ hẻm, sao lại “mấy chục năm tá túc”? Bịa đến thế là cùng.

Ông còn viết: “VẬY mà cái “đòn âm” đã loại anh ra khỏi cả cái chân “Hội viên” hội Văn nghệ địa phương... Người bạn đồng môn thân thiết thời nhỏ tuy

không được học hành đến nơi đến chốn, lúc ấy đang làm chức lãnh đạo cấp cao ở địa phương nhưng không có được cái đức của Dương Lễ đối với Lưu Bình – Nguyễn Bản” ... đó là ai vậy, thưa ông? Ở Bắc Ninh tôi chỉ có học trò cũ, không có ai là đồng môn cả. Chỗ này ông lại nhầm lớn rồi. Một phần là do sự nhầm của Nguyễn Khôi: “Sau một thời gian không chịu “nhờ vả” (mặc dù đồng chí Bí thư tỉnh ủy Bắc Ninh lúc ấy là người làng cùng trang lứa, quen biết nhau), anh Bản về hưu non...”. “Nhờ vả” thì Nguyễn Bản nhất định không chịu rồi, còn anh Ly, bí thư tỉnh ủy Bắc Ninh, thì không phải *cùng trang lứa, mà hơn tôi mười tuổi*, lúc tôi về hưu, anh đã sang làm thứ trưởng bộ Tài chính được mấy năm rồi, không còn là chủ tịch Hà Bắc nữa. Có lẽ ông Thuận đã nhầm về chính ông Nguyễn Ly này và gọi là đồng môn của tôi, khổ thân vong hồn ông Ly quá.

Còn chân hội viên Văn nghệ địa phương ư? Điều này thì ông phải hiểu rõ khi Nguyễn Khôi viết: Nguyễn Bản là nhà văn tự do (không ở tổ chức nào cả). Giá mà trước khi viết, ông tham khảo bài “*Ông một mình*” trên mạng của Trần Nhương. Trong bài này, Dương Hướng viết: “Ông quyết không để mình phụ thuộc vào bất kì ai, bất kì điều gì. Ông không thể và cũng không muốn sinh hoạt trong bất kì tổ chức, hội đoàn nào. Ông Hữu Thịnh, chủ tịch Hội nhà văn Việt Nam (chỗ này Dương Hướng nhầm, lúc đó Hữu Thịnh là Tổng thư kí, chưa có chức chủ tịch) đích danh mời ông vào Hội, ông chỉ cười âm ừ rồi thôi”. Hữu Thịnh hôm đó kéo tôi vào phòng mình và bảo: “Bác phải vào hội đi chứ, rồi chúng tôi còn tài trợ cho bác để viết, tôi giới thiệu và Đỗ Chu giới thiệu, tuần sau cho tôi xin cái đơn và sơ yếu lí lịch”. Đúng là tôi chỉ cười thật.

Về bà vợ cũ, vốn là học trò của tôi, Nguyễn Khôi viết: tôi “lọt mắt xanh”, còn ông hoa lá thêm vào “của một người con gái kiêu diễm”, tôi đưa cho một người quen xem đoạn này, người ấy biết rõ nhan sắc bà ta thời con gái và cả bây giờ, xem xong ôm bụng cười đến chảy nước mắt.

Còn nhiều điều có thể nói nữa, nhưng thôi, Nguyễn Khôi ưu ái tôi mà viết, và đã từng viết tặng tôi mấy câu thơ:

*Thôi chẳng thiết công hầu quyền thế  
Ngọn bút thần đặc tả cảnh trần gian*

Ông cũng vậy, đầy thiện ý với tôi.

Nhưng:

*Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau  
(Kiều)*

Tôi thật chẳng biết nói sao ngoài cái cảm giác bị “bóng đè”. Không biết ông đã đọc truyện *Bóng đè* của Đỗ Hoàng Diệu chưa?

Đành phải cho công bố bức thư này, để thoát ra khỏi các cảm giác ấy, bởi nếu không, nhớ đâu lại có một ông hứng lên dựa vào bài viết của hai ông, hư cấu thêm một bài viết nữa về tôi như thế thì quả nặng nề, mệt mỏi và mất thì giờ cho tôi quá. Việc và người sờ sờ trước mặt còn sai đến thế, đủ thấy việc chữ nghĩa dựa vào sách này, sách khác nhất là dựa vào miệng thế gian, để viết về người và việc trước mình mấy chục, mấy trăm, mấy nghìn năm, nhiều khi có thể tùy tiện đến thế nào!

Rất mong ông thông cảm cho nỗi khổ tâm của tôi khi viết thư ngỏ này.

Thân ái  
Nguyễn Bản